

Diễn đàn

Số 14/ 1.12.1992

ISSN 1164 - 2378

F O R U M

mục lục

1. Tri âmDiễn Đàn
4. Bạn đọc và Diễn Đàn
6. Tạm gọi là gặp gỡ...Thu Trang

Thời sự

7. Tin Việt Nam
8. Thành phố Hồ Chí Minh chống tham nhũng ? .P. V.
9. Triển vọng khai thông
quan hệ Việt - Mỹ..... Phong Quang
10. Bill ClintonNguyễn Lộc
12. V. Havel : Chờ đợi
và gieo hạtNguyễn Trọng Nghĩa
14. Chuyện nói với những người bạn ...Bùi Mộng Hùng
17. Giải thưởng Francophonie 1992
18. Dân chủ, ước mơ và hiện thựcTrần Đạo

Cộng đồng

22. Hội Pháp - Việt tâm thần và tâm lý y học N.T.

Văn hóa nghệ thuật

23. Văn Cao lá khát vọng Đặng Tiến
28. Đùa củ tạo hóa (truyện ngắn).....Phạm Hoa
32. Dù năm dù tháng (thơ) Hoàng Phủ Ngọc Tường

Hơn một trăm bạn đọc trả lời Diễn Đàn



Khi quyết định xin ý kiến bạn đọc về đoạn đường một năm qua của tờ báo, anh chị em chúng tôi hầu như nhất trí về một mục tiêu mong mỏi : nếu có được 50 bản trả lời đã là đáng quý, kinh nghiệm cho thấy số người chịu trả lời những cuộc điều tra tương tự thường rất ít. Cuối cùng, cho tới ngày hôm nay, 109 bạn đã vui lòng bỏ chút thì giờ đáp lại yêu cầu của tờ báo, trong đó 11 bạn đã kèm theo thư góp ý thêm (Xem một số trích đoạn trong trang *Bạn đọc và Diễn Đàn*), và nhiều bạn viết trên bản trả lời vài chữ, nói rõ hơn ý mình đối với một câu hỏi đặt ra, động viên ê-kíp làm báo v.v... Trước hết xin được ghi nhận với lòng biết ơn chân thành nhất mỗi thịnh tình mà tất cả đã dành cho tờ báo. Dưới đây chúng tôi phân tích và tổng hợp những ý kiến đa dạng trong các thư và bản trả lời.

Bạn...

Câu hỏi hắc búa đầu tiên đặt ra cho người phân tích là giá trị *diễn hình* của mẫu thống kê mình thu lượm được. Dĩ nhiên, đây không phải là vấn đề tính chất *dại diện* đối với toàn thể bạn đọc của những người trả lời bản hỏi ý kiến, mà là tính chất *tiêu biểu* của họ. Thực ra, hoàn toàn có những lý lẽ để nghĩ rằng một phần bạn đọc sẽ không tìm thấy mình qua những câu trả lời được phân tích dưới đây. Như mọi thống kê khác, những nhận xét, đánh giá cần được tương đối hoá thích ứng. Nhưng, 109 bản trả lời, một con số không đến nỗi quá nhỏ để biến thành lối lảng cái tính chất *tiêu biểu* nêu trên kia, và với sự thận trọng đã nói, xin bắt đầu vào việc...

Diễn hình chẳng của xã hội (Việt Nam, Việt kiều), trong 109 bản trả lời nói trên, chỉ có 17 bản (15,6 %) là của các độc giả nữ, kể cả 4 bạn trả lời chung với người bạn đường của mình ? Mở ngoặc để nói ngay rằng chúng tôi không hề có ý phê phán các bản trả lời chung ấy – thuận vợ thuận chồng...–, và cũng để nói rõ rằng trong các thống kê dưới đây, những ý kiến trong các bản trả lời chung đã được kể *hai lần*. Dẫu sao, dù không có gì là bất ngờ, một tờ báo muốn được là một “ *diễn đàn vì dân chủ* ” không khỏi cảm thấy đoạn đường còn xa.

Một kết quả có ý nghĩa khác , tuy cũng không đặc biệt bất ngờ, là thành phần tuổi tác của các bạn đã trả lời. Chị Nguyễn

(Xem tiếp trang 2)



Lộ nhà
Tranh dân gian
đầu thế kỷ XX

Tri Âm (Tiếp theo trang nhất)

Huỳnh Mai ở Bỉ, ngay từ hè đã viết cho Diễn Đàn nói về “cơ sở bạn đọc rất là đặc biệt” của tờ báo, với “tuổi đời khoảng trên dưới 40 - 50”. Dù biết vậy, nhưng sau khi kiểm xong các bản trả lời, người làm công việc này cũng không khỏi chút chạnh lòng thấy chỉ có 2 bạn dưới 30 tuổi so với 33 “bậc trưởng lão” (trên 60 tuổi) trong con số 109 kia. Có lẽ các vị cao tuổi, đã hoặc sắp về nghỉ hưu, có thì giờ nhiều hơn để viết cho tờ báo chẳng? Số còn lại, không ra ngoài dự đoán, với 34,9% trong độ tuổi 31 - 45 và 28,4% từ 46 đến 60. Do lịch sử hình thành của tờ báo, thực ra Diễn Đàn biết mình không phải là tờ báo của tuổi trẻ, song có lẽ nào những con số trên không đặt vấn đề những người có tham vọng trao đổi với cộng đồng về những vấn đề thiết thân của tương lai chung?

Những con số khác trong các câu hỏi đã được xếp vào mục “Bạn và chúng tôi” có lẽ không cần được bình luận nhiều hơn. 87 bản trả lời là của các bạn ở Pháp, 13 bạn từ các nước Tây Âu, 4 từ Đông Âu, 3 từ Bắc Mỹ và 2 từ các nơi khác. Tuyệt đại đa số (87,1%) đã biết “nhóm Diễn Đàn” từ trước. Vấn đề mở rộng diện bạn đọc của tờ báo đến những thành phần khác trong cộng đồng rõ ràng còn là một thách đố mà tờ báo phải cố gắng vượt qua. Một nửa số bạn đã trả lời có yêu cầu gặp gỡ trực tiếp với những người làm báo, trong đó 33% cho rằng một năm một lần là đủ và 16,5% có yêu cầu một năm hai lần hoặc hơn. Diễn Đàn cũng ghi nhận có 22 bạn trả lời “sẵn sàng cộng tác với tờ báo”, và mong thường xuyên nhận được đóng góp của tất cả.

... và Diễn Đàn

Nhìn chung, hầu hết các bạn thấy tờ báo “nhã mà không tươi”, đúng hơn “vừa nhũ vừa khô”! [xem biểu đồ 1, tổng số những câu trả lời câu hỏi 1 này cao hơn số 109, vì nhiều bạn cho hai nhận xét]. Tuy nhiên trình bày của Diễn Đàn được tuyệt đại đa số coi là dễ đọc (90,8%) với khổ chữ vừa phải (91,7%).

“Ác” hơn với anh em làm báo là yêu cầu chung của bạn đọc đòi tăng trang (75,2%) tuy trong số đó cũng có 32,1% nghĩ rằng “nên nhưng không cần thiết lắm” [Xem biểu đồ 2]. Thực ra, chúng tôi đã phân vân khá nhiều khi đặt câu hỏi này, vì biết sức mình có hạn, toàn bộ anh em có công ăn việc làm kiếm sống riêng, chỉ “làm báo” trong những giờ buổi tối hoặc cuối tuần, bảo đảm hàng tháng ra đúng hạn 32 trang nhiều khi đã là quá sức! Mặt khác, cũng như đã có dịp trình bày, 32 trang báo là vừa mức gần 100 gram, hề thêm hai trang là sẽ phải trả giá bưu điện gần gấp đôi! Tuy nhiên, câu hỏi vẫn cần được đặt ra để đánh giá yêu cầu của bạn đọc về khối lượng bài vở của tờ báo. Câu trả lời, rất hợp với số bạn cho biết mình “đọc tất cả các bài” (cùng một con số 75,2%, tuy cũng có những bạn “đọc tất cả các bài” và nghĩ rằng báo “không nên tăng trang”), rõ ràng buộc chúng tôi suy nghĩ về những cố gắng trong thời gian tới. Ở đây, dĩ nhiên không dám một lời hứa ầu, thiếu căn cứ cụ thể, chỉ mong rằng, với thời gian, nếu tờ báo đúng vũng được, những thiện chí đóng góp cho nó sẽ tăng thêm, và biết đâu...

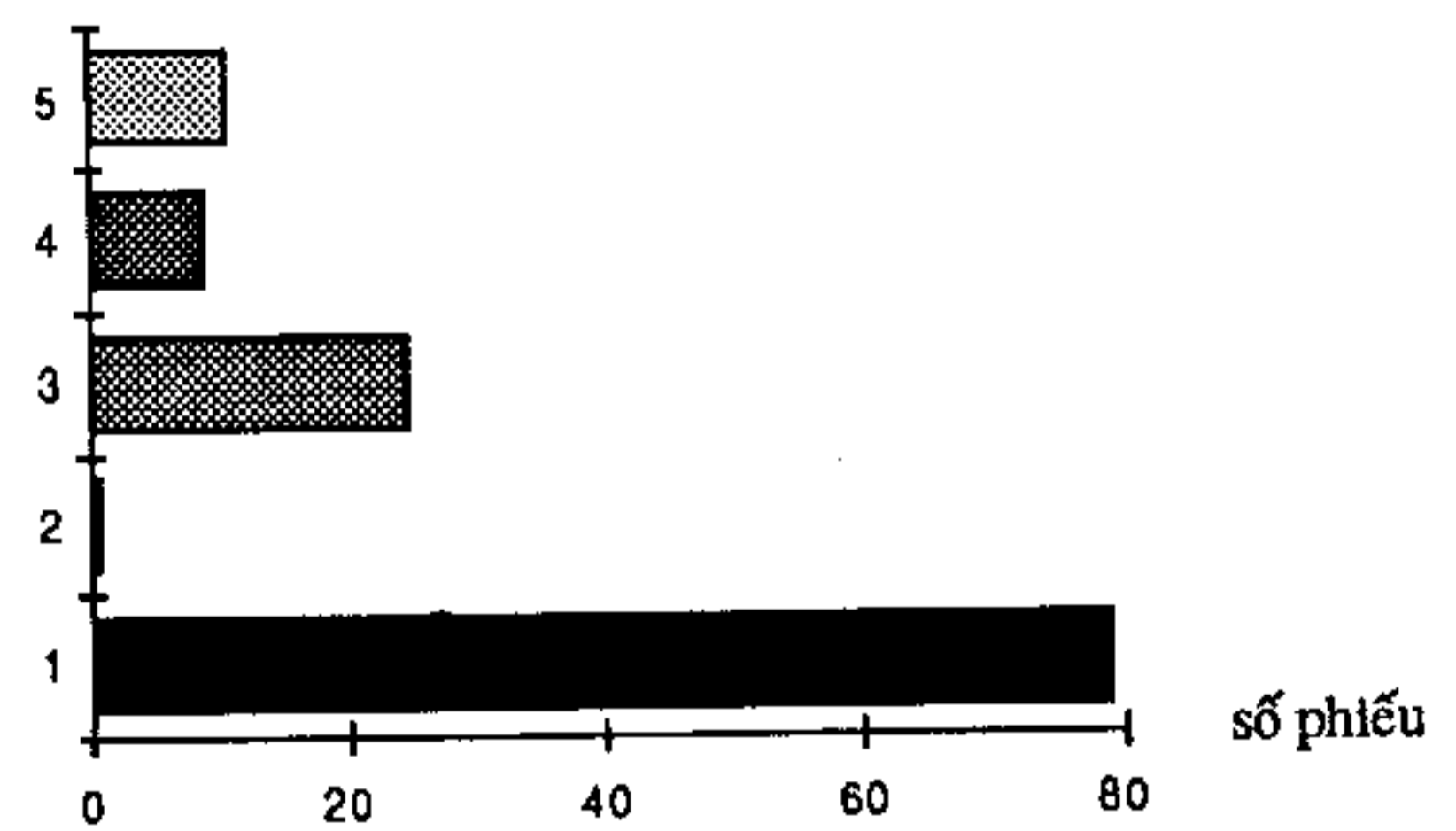
Trước khi đạt được những thay đổi về khối lượng đó, với 32 trang, bài vở phân phối ra sao cho hợp? Những biểu đồ 3

tới 6 dưới đây cho thấy một mâu thuẫn nan giải: Nếu 56%, 58,7% và 52,2% cho rằng phần dành cho chính trị, văn hoá và bạn đọc của Diễn Đàn là vừa, thì 52,2% và 59,6% phê phán Diễn Đàn dành chỗ ít cho các tin tức cộng đồng và tin tức Việt Nam. Mà, nếu chưa tăng trang, thì kéo chần phía này lại là để rét phía kia!

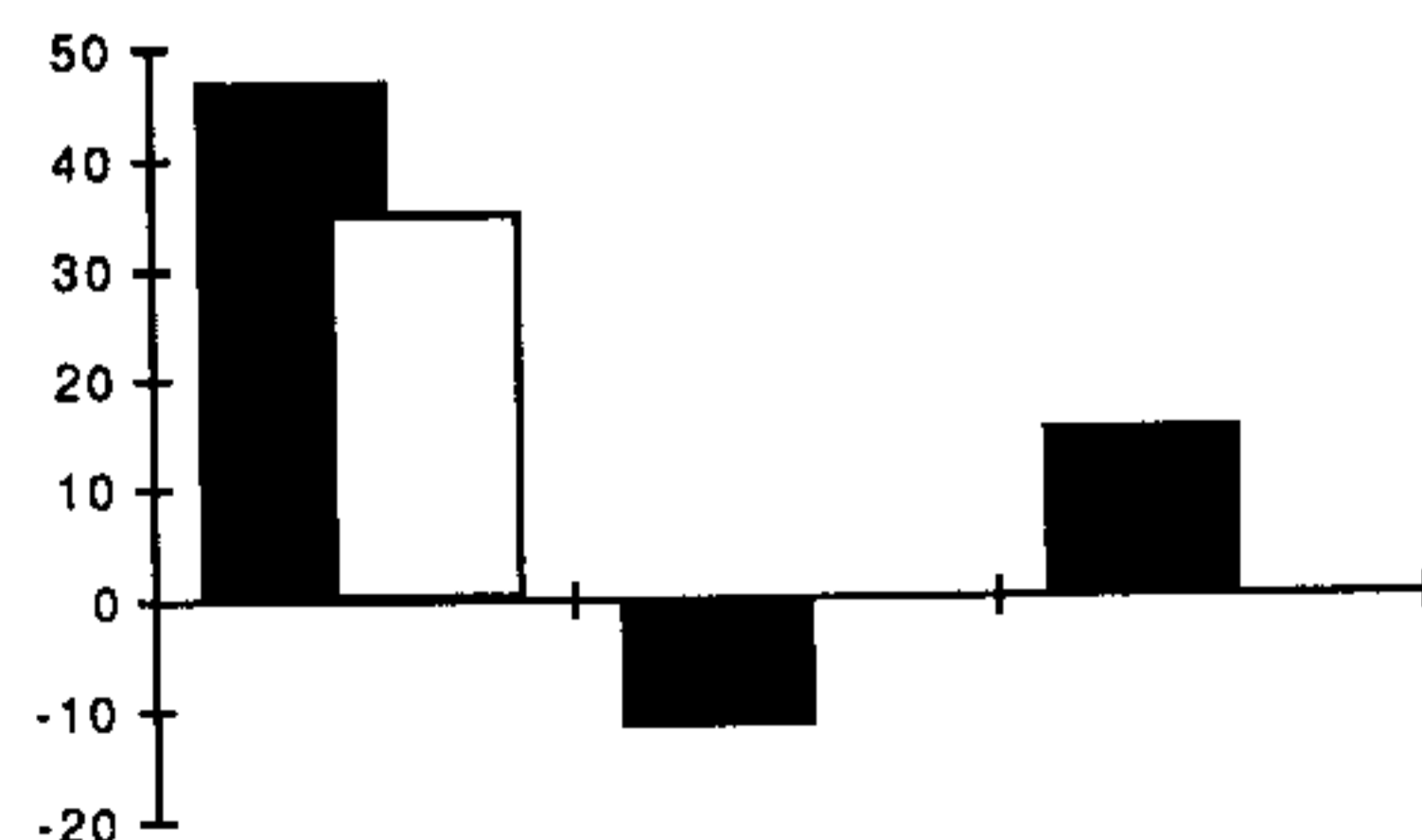
Trong khi chờ đợi, xin được tạm “an ủi” với những trả lời các câu sau. Toàn “nhóm Diễn Đàn” vui nhận sự đồng cảm tri âm của bạn đọc khi thấy có tới 73,4% bạn đánh giá tin tức của tờ báo là “trung thực” (chỉ có 11% cho rằng tờ báo “có thiên kiến” của mình trong việc đưa tin), và trong 98 người có nhận xét về “lập trường chính trị” của Diễn Đàn, thì 83 (84,7%) cho rằng lập trường đó (đấu tranh cho dân chủ và phát triển đất nước) là một lập trường “không chống cũng không thân” chính phủ Việt Nam, đặt tờ báo ra ngoài những tranh cãi phe phái thường thấy. Chỉ có 13,2% cho rằng tờ báo “chống chính phủ” và 2,1% có ý ngược lại.

Về văn phong, 69 trên 109 bạn trả lời cho rằng Diễn Đàn viết “không khó hiểu”, 23 bạn khác đánh giá tờ báo có những bài hoặc nhiều bài “khó hiểu” (trong số này, nhiều bạn ghi thêm những loại bài nào là khó hiểu để bạn biên tập rút kinh nghiệm). Cũng 69 bạn khen Diễn Đàn chọn truyện ngắn “đẹp” (có bạn còn viết thêm “từ được đến hay”), trong khi chỉ có 13 bạn chê là báo chọn “dở”. Những con số tương đương về cách chọn thơ của tờ báo là 41 và 15. Số bạn không có ý kiến về mục thơ tăng lên tới 54, chiếm gần 50% số người trả lời bản câu hỏi. Người ta vẫn nói người Việt Nam thích thơ (làm và đọc), có phải cuộc sống ở xứ công nghiệp này đã làm thay đổi nhận định đó, xin dành câu hỏi này cho các chuyên gia về xã hội học...

Diễn Đàn

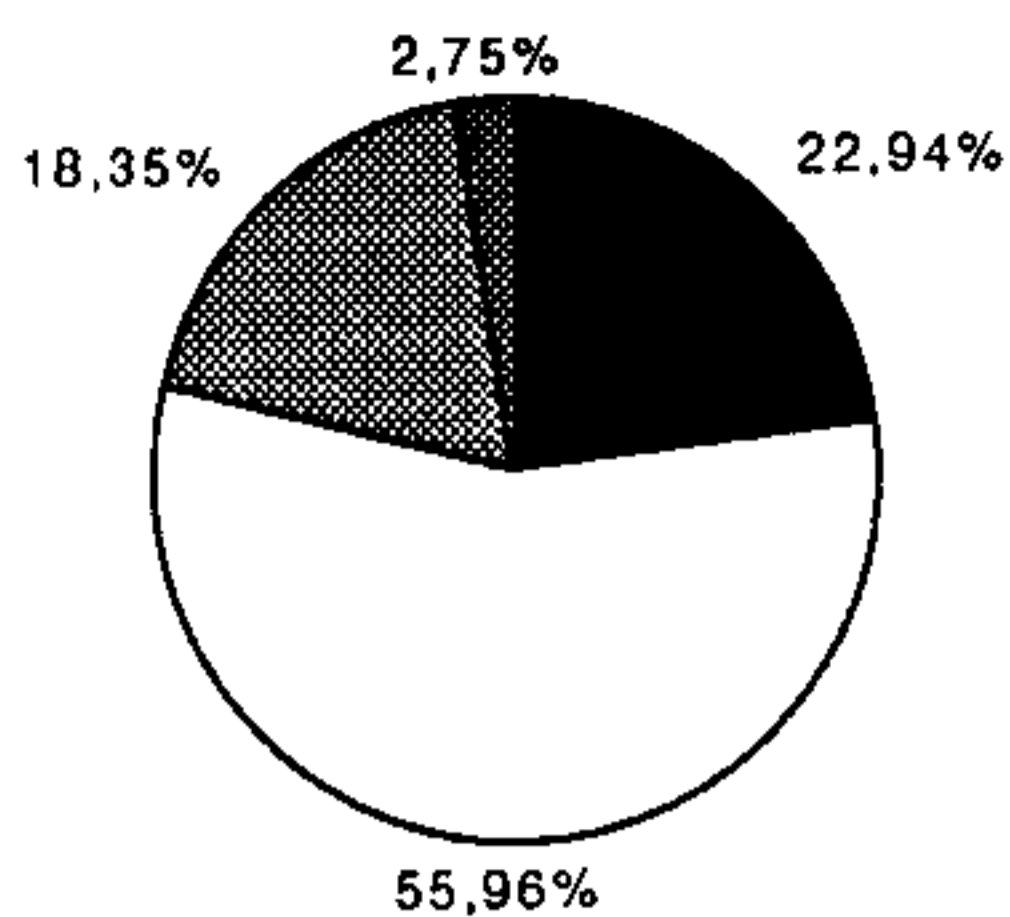


Biểu đồ 1: Diễn Đàn nhìn chung dưới mắt bạn đọc (1: nhũ; 2: thô; 3: khô; 4: tươi; 5: không có ý kiến)

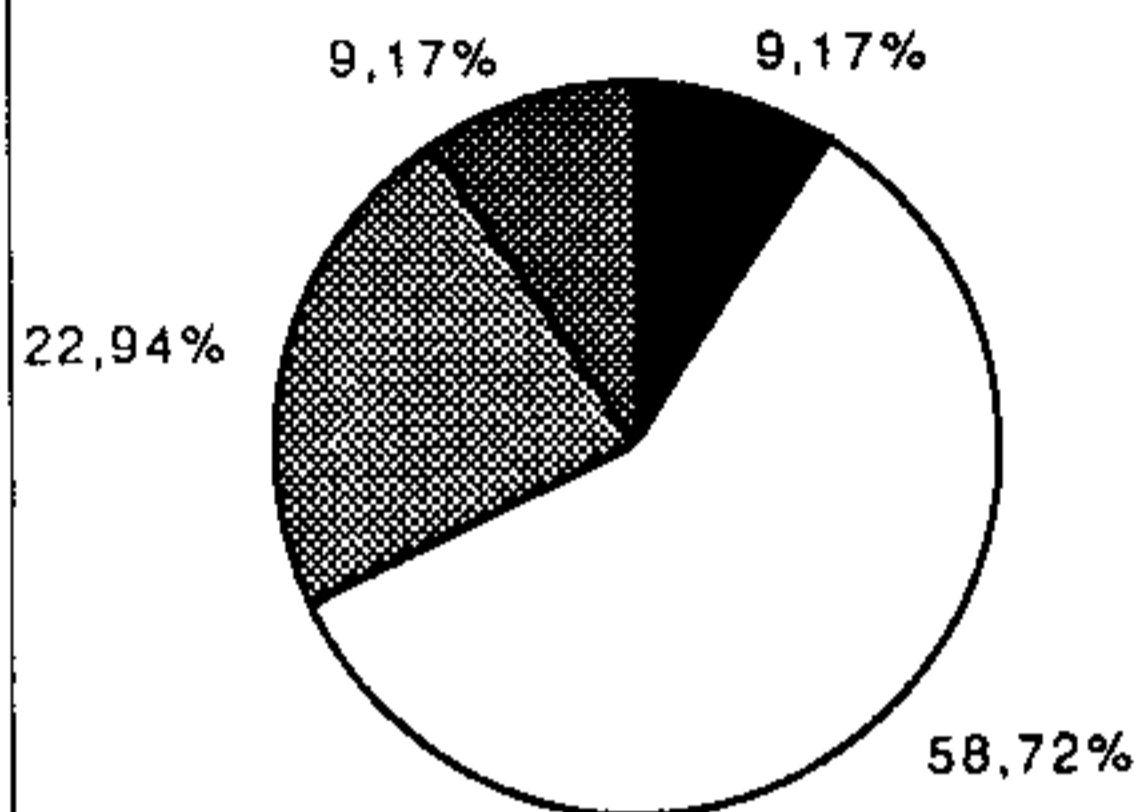


Biểu đồ 2: Nên hay không nên tăng trang báo (Từ trái sang phải: nên, nên nhưng không cần thiết lắm, không nên, không ý kiến.)

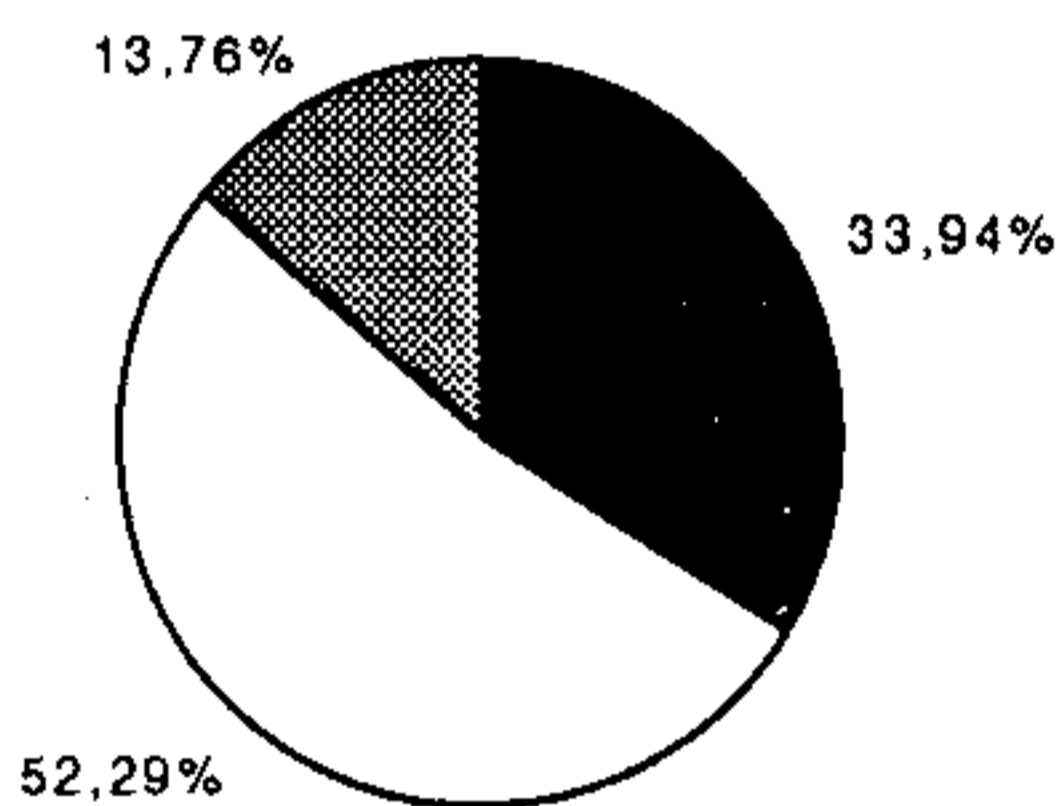
Biểu đồ 3: phần chính trị trên Diễn Đàn :
 ■ nặng
 □ vừa
 ▨ ít
 ▩ không ý kiến



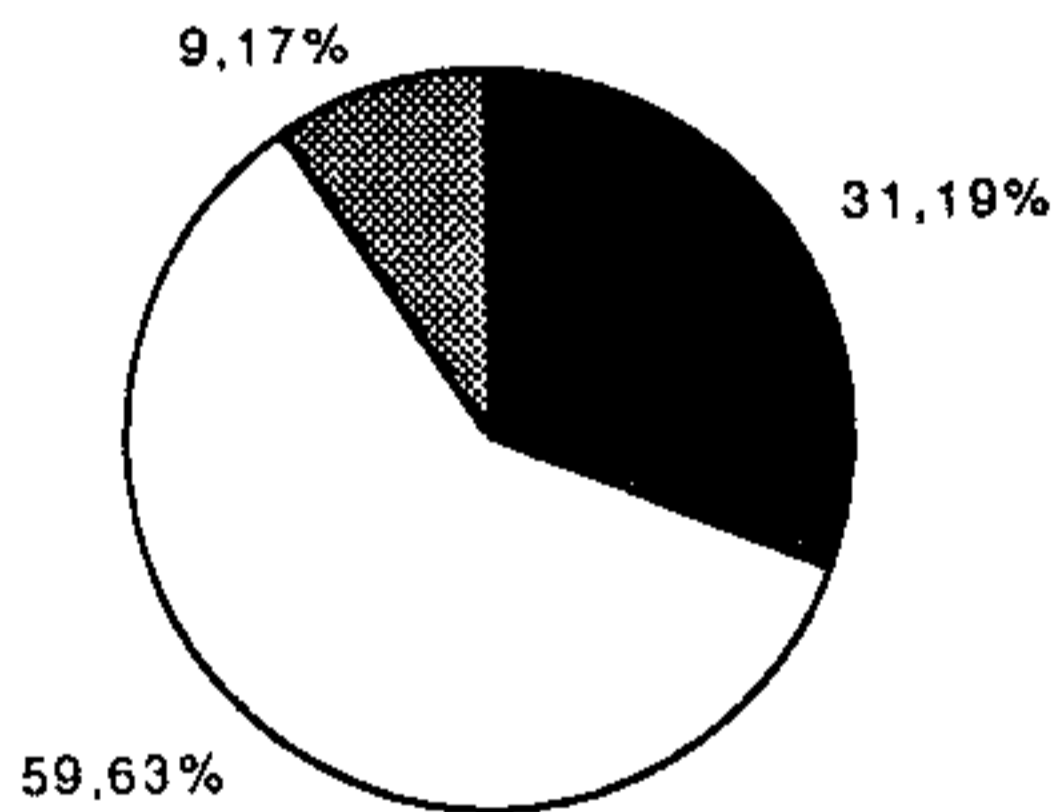
Biểu đồ 4: phần văn hoá trên Diễn Đàn :
 ■ nặng
 □ vừa
 ▨ ít
 ▩ không ý kiến



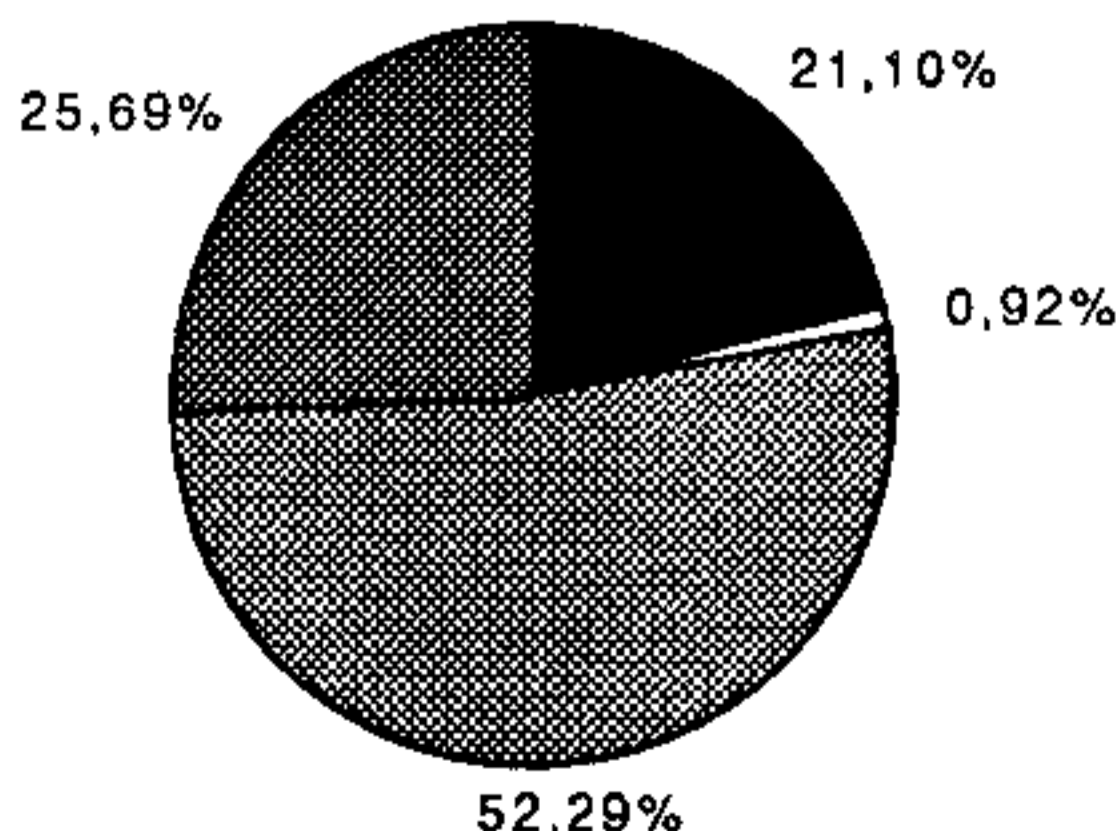
Biểu đồ 5: Tin tức cộng đồng trên Diễn Đàn :
 ■ vừa
 □ ít
 ▨ không ý kiến



Biểu đồ 6: Tin tức Việt Nam trên Diễn Đàn :
 ■ vừa
 □ ít
 ▨ không ý kiến



Biểu đồ 7: phần Bạn đọc trên Diễn Đàn :
 □ nhiều
 ▨ vừa
 ■ ít
 ▩ không ý kiến



Phiếu mua báo *Diễn Đàn*

Họ và tên.....

Địa chỉ.....

.....Điện thoại :

mua một năm báo *Diễn Đàn* kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếu.....FF

đề tên DIEN DAN gồm :

.....FF là tiền mua báo (Pháp nội địa : 250 FF, châu Âu ngoài Pháp : 280 FF ; các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của Pháp, và các nước khác : 330 FF).

.....FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (hoặc money order) về địa chỉ :

DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (France)

Riêng bạn đọc ở Đức có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 8458 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung)

TRAN (Bank : STADT & KREISSPARKASSE, SULZBACH-ROSENBERG, Konto : N°21 09 700 BLZ 752 517 80)

Tôi có người thân / quen chưa biết báo *Diễn Đàn*, đề nghị báo gửi tặng một số giới thiệu :

Tên họ :

Địa chỉ :

(quảng cáo)

Tìm đọc

Hộp Lưu

Tập san Văn học - Nghệ thuật - Biên khảo

* Nơi quy tụ hầu hết các cây bút nổi tiếng của trong và ngoài nước.

* Nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết với văn học Việt Nam.

Giá báo dài hạn :

* Trong nội địa Hoa Kỳ và Canada :

Hạng tư : \$18.00 (1/2 năm) - \$ 36.00 (1 năm)

Hạng nhất : \$24.00 (1/2 năm) - \$ 48.00 (1 năm)

* Á châu, Úc châu, Âu châu :

Đường thuỷ : \$24.00 (1/2 năm) - \$ 48.00 (1 năm)

Hạng không : \$34.00 (1/2 năm) - \$ 60.00 (1 năm)

Xin gửi bằng Mỹ kim, ngoài Hoa Kỳ bằng International Money Order hoặc bưu phiếu, đề :

Hộp Lưu Magazine, P.O. Box 277, Garden Grove CA 92642, USA

Tel. và Fax : (714) 537-2468

CHIA BUỒN

Được tin thân mẫu anh Nguyễn Nhơn Quang đã từ trần tại Paris ngày 4.11.1992, thọ 75 tuổi.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng hai bạn Quang-Mai và gia quyến.

Có lẽ cả hai

Mới quen được Diễn Đàn 6 số gần đây, điều mà tôi ưng nhất là cách trình bày và văn phong trong các bài viết, xung quanh đề tài dân chủ cho Việt Nam. Theo cá nhân thì phần tin tức về cộng đồng hơi ít, nhưng thế cũng được — hơn là nhiều mà toàn là nghe mài gương, sửa giáo thấy dễ sợ quá !

Bố cục của Diễn Đàn rất chặt chẽ, nhưng đọc thấy thiếu thế nào ấy ! Không biết vì bài viết của Diễn Đàn lôi cuốn hay là báo ít trang. Có lẽ là cả hai.

(Tôi sang lao động ở Tiệp Khắc từ năm 1988. Gần 40 tuổi, trước khi sang Tiệp là giáo viên dạy nghề trường kỹ thuật cơ điện)

L.B. (Praha, Tiệp)

Vài đề nghị

Báo vẫn ra đều, vẫn đến đều tay, thế là hết lo nghĩ dài hạn như lúc đầu.

Về bảng câu hỏi, tôi xin nói rõ thêm ý kiến :

- Phần chính trị của báo, tôi thấy nặng, nhưng hiển nhiên là nếu tình hình Việt Nam êm trôi, báo chí sẽ không đặt nặng chính trị ; tóm lại, phần này không thể ít hơn được.

- Phần văn nghệ là phần tôi thích, vậy không bao giờ chê là nhiều.

Đề nghị Diễn Đàn :

- thỉnh thoảng giới thiệu vài báo chí Việt Nam khác, ở trong nước, và nhất là ở hải ngoại.

- mở mục từ điển giải thích một số từ (như viễn thông, thời thượng...) và dịch ra tiếng Pháp (nếu có thể, tiếng Anh), nhất là khi những từ này không có trong những cuốn từ điển thông dụng.

Vũ Ngọc Quỳnh (Bondy, Pháp)

Cần quân bình, tổng hợp và nhanh gọn

Nên giữ sự quân bình giữa chính trị / văn nghệ / thảo luận, với thỉnh thoảng vài số đặc biệt về văn nghệ cũng như chính trị, ví dụ : đào sâu hơn lịch sử cận đại Việt Nam, đặc biệt cho những thông tin mới về lịch sử Đảng cộng sản, vai trò của ĐCS trong từng thời kỳ, đánh giá lại công / tội ông Hồ v.v...

Về kinh tế, nếu có thể Diễn Đàn nên làm synthèse (tổng hợp) thường kỳ để giúp độc giả thấy sự lên hay xuống về xuất cảng, sản xuất, lạm phát, mức sống...

Tăng cường phần giới thiệu sách, báo, phim mới. Có thể ngắn gọn, không cần style lắm, miễn có đều và nhanh.

Hiền Hậu (Paris, Pháp)

Sợ nhất là vô chủ

Với lòng nhiệt tình của một con dân lưu vong, gửi đến quý anh chị đang

Dùng cán bút làm đòn xoay chế độ
Mỗi vần thơ bom đạn phá cường quyền

Người ta đấu tranh giành quyền lãnh đạo, còn tôi đấu tranh chỉ giành quyền làm dân Việt Nam. Một nước Việt Nam hiện nay không quân chủ, không dân chủ, mà là vô chủ. Vô chủ là trường hợp nguy hiểm nhất.

Nguyễn Văn Đăng (Hoogeveen, Hà Lan)

Ai bảo làm dâu là khổ

Câu hỏi số 13 của Diễn Đàn chỉ cho chọn giữa hai câu trả lời “ khó hiểu ” hoặc “ không khó hiểu ” nên... khó quyết định. Giá có thêm một giá trị trung gian như “ tương đối khó hiểu ” thì đúng với bụng dạ người đọc hơn. Vì nói là (nói chung) “ khó hiểu ” thì cũng oan cho những bài viết rất dễ đọc và hấp dẫn, bên cạnh một, hai bài kiểu Hàn Thuỷ, Tôn thất Nguyễn Khắc Thiêm... phải đọc kỹ lưỡng vài lần mới có thể tiếp thu được. Tuy là các bài ấy cũng giúp người đọc so sánh lại vốn tiếng Việt của mình...

Chúc các bạn mạnh khoẻ. Xin có lời chào ngưỡng mộ đến

Suy nghĩ gần xa

Cho tôi được có một lời can

Là một người chấp nhận sự hạn chế tự do của mỗi người (trong đó có tự do ngôn luận) ở mức không tuỵ tiện xâm phạm người khác ¹, tôi xin được trở lại cụm từ “ [Diễn Đàn] không chủ trương kiểm duyệt ” mà tôi viết trong bài “ Một năm qua ” (trong số 12).

Theo tôi nghĩ, “ không kiểm duyệt ” có nghĩa là không ngăn chặn sự phát biểu những ý khác với mình (đặc biệt là trong lĩnh vực tư tưởng chính trị) và chấp nhận sự tranh luận có đưa lý lẽ rõ ràng. Nhưng điều này không có nghĩa là ai muốn viết gì cứ viết, cứ đăng. Khi đã chấp nhận một số giá trị nhân bản phổ biến, thì rõ ràng là sự tự do ngôn luận cũng không được vượt quá một số giới hạn. Thí dụ : những lời lẽ loại dị chủng, những lời lẽ loại “ xét lại lịch sử ” một cách thô thiển ², những lời lẽ khinh miệt, miệt thị v.v... đều là những lời lẽ vượt quá giới hạn. Thiết tưởng, không nên vì một thiện chí, mà chấp nhận cả những lời lẽ quá đáng.

Ngoài ra, tôi biết phần lớn các anh chị “ chủ trương báo Diễn Đàn ”, đã trôi nổi gần cả đời người trong việc học hỏi, nghiên cứu, có người lại vì nghề nghiệp phải “ truyền bá sự hiểu biết của mình cho người khác ”, hẳn đã thấy rõ sự hiểu biết là bao la, và đã áp dụng cho chính mình sự khiêm tốn học hỏi. Có áp dụng được điều đó khi duyệt bài đăng trên tờ báo hay không ?

Là người tham gia viết bài, tôi nói lên sự cố gắng tự kiềm chế của mình, sao cho hợp với đạo lý mà mình chấp thuận. Đối với Ban biên tập của Diễn Đàn, mà tôi là kẻ “ ngoại đạo ”, tôi chỉ có thể thân ái có lời can. Tôi không dám dùng chữ “ khuyên ” (sợ có người nghi là “ kẻ cả ”), mà dùng chữ “ can ” đầy khiêm tốn.

Ng. V.

¹ Bản Tuyên ngôn về Nhân quyền 1789 có câu : La liberte consiste à pouvoir faire tout ce qui ne nuit pas à autrui...(art.4)

² Bạn đọc ở Pháp hẳn còn nhớ vụ cái luận án phủ nhận sự việc “ Đức quốc xã có lò đốt người Do Thái trong thế chiến 1939-1945 ” và phản ứng của công luận với sự “ xét lại lịch sử ” như vậy.

anh Bùi Mộng Hùng, bài nào cũng rất hay và dễ đọc, và lời chào nhắc nhở đến anh Đặng Tiến, chịu khó làm sao số báo nào cũng có bài của anh thì Diễn Đàn đâu có khuyết điểm nào cũng sẵn sàng xí xoá. Làm báo cũng như làm dâu trăm họ, khó mà chiều hết được, nhưng xét ra thì cho tới nay Diễn Đàn làm dâu khá lắm.

Đỗ Tuyết Khanh (Uster, Thụy Sĩ)

Tại sao tốn giấy nói chuyện Đoàn Kết ?

Là một độc giả của Diễn Đàn từ nửa năm nay, tôi xin nói thực với quý báo : tờ báo có vồn vện 32 trang mà số 13 vừa qua dành 1 trang rưỡi để nói về chuyện báo Đoàn Kết, thì phí giấy quá.

V.M. (Paris, Pháp)

Trước khi mua báo Diễn Đàn, tôi là độc giả trung thành của báo Đoàn Kết và hội viên lâu năm của Hội người Việt Nam tại Pháp. Nhận được giấy kêu gọi giúp ĐK (bộ mới) với những lời lẽ mập mờ, tôi sững sốt, đến khi đọc Diễn Đàn tôi mới vỡ lẽ, và thật buồn khi thấy người ta có thể đổ đốn đến như vậy. Tôi hy vọng là bài báo Diễn Đàn sẽ chặn đứng được đợt rỉ tai, xuyên tạc từ hai tuần qua. Có điều tôi thấy bài báo đưa ra quá nhiều con số, người đọc dễ rối trí, rồi bức thư ký tên ông Trần Đình Lan (ảnh chụp) lại không dịch ra tiếng Việt.

T.H. (Lyon, Pháp)

[Chúng tôi thành thực xin lỗi bạn V.M. và những độc giả mới của Diễn Đàn : đối với các bạn, câu chuyện quản lý báo Đoàn Kết là chuyện xa lạ, không có lý do chiếm chỗ trên mặt báo này. Tuy nhiên, chúng tôi mong rằng các bạn cũng thông cảm : khá đông bạn đọc Diễn Đàn đã từng là độc giả trung thành của báo Đoàn Kết, nhiều người đã giúp đỡ chúng tôi về mặt tài chính trong thời gian 6.90-6.91 trong lúc chúng tôi phải đương đầu với đủ loại khó khăn. Đối với tất cả các bạn đọc đó, chúng tôi có nhiệm vụ tinh thần là thông báo trung thực mọi sự việc và số liệu để mỗi người có thể phán đoán.

Chính vì vậy, mà chúng tôi đã công bố đầy đủ những số chi trả trên số báo trước. Nếu phải tóm tắt, xin nói gọn như sau :

1. Nói rằng chúng tôi để lại cho Hội món nợ nhà in 200 000 FF là sai sự thực, vì trong một năm quản lý báo Đoàn Kết, chúng tôi đưa in 11 số báo, tiền in tổng cộng là 184 929,25 FF, thế mà chúng tôi đã trả cho nhà in Dalex tổng cộng là 214 095,84 FF.

2. Cũng trong thời gian đó, chúng tôi đã trả cho quỹ URSSAF và quỹ ASSEDIC 115 474,79 FF, là những món nợ cũ (trước tháng 6.90). Như vậy là sau một năm quản lý, chúng tôi không mắc thêm nợ, mà còn trang trải gần 150 000 FF là tiền nợ cũ của Hội.

3. Chính vì vậy, mà trong tờ giấy chứng nhận (xem bản chụp toàn văn trong số trước, trang 3) ký ngày 23.5.1991, ông Trần Đình Lan, chủ tịch pháp lý của Hội đã viết rõ : « Hội người Việt Nam tại Pháp xác nhận hết trách nhiệm (donne quitus) cho ông Hà Dương Tường và Hội xuất bản báo Đoàn Kết về việc họ quản lý tờ báo trong thời gian từ ngày 1.6.1990 đến ngày 30.6.1991, (Hội) chấp nhận kết toán tình hình tài chính của tờ báo ở thời điểm 30.6.1991, và chấp nhận toàn bộ di sản vật tư và động sản đăng ký tên HNVNTP hay “ Đoàn Kết ” mà tờ báo sử dụng tại thời điểm này ».

Cũng xin nói thêm : ông Trần Đình Lan (vừa từ trần ngày 5.9.1992) đã thay mặt HNVNTP (ông đứng tên đăng ký HNVNTP từ ngày thành lập Hội năm 1976) ký giấy chứng nhận nói trên theo yêu cầu của Ban thường trực, và giấy này có đóng dấu của Ban thường trực.]

Thất vọng

Qua Diễn Đàn, tôi biết được một nhà văn trẻ gặp nhiều khó khăn... đương đầu với nhiều cơ cực trong cuộc sống, bản thân lúc nào cũng phấn đấu để cố vươn lên, điều đó khiến tôi khâm phục và cảm mến. Biết làm gì, và làm thế nào ? Để gọi là một chút san sẻ và một chút giúp đỡ, xin nhờ anh gửi về anh Đỗ Phước Tiến 200 F...

Sau đây, qua lãnh vực khác, tôi xin được mạn phép nói lên vài cảm nghĩ thô thiển của mình. Đọc bài *Dân tộc và dân chủ* của Đặng Tiến (Diễn Đàn số 11) tôi hơi bàng hoàng. Một Đặng Tiến... mà tôi thích đọc từ bấy lâu nay... đã làm tôi thất vọng và hơi “ phẫn uất ! ”. Tôi đã nói với ông xă tôi rằng : “ Em rất hy vọng và tin tưởng sẽ có người “ hoạ ” lại bài của Đặng Tiến trên những quan điểm giống em nghĩ ! ”. Mãi đến số 13, trang 2, tựa đề “ Không nên rẻ rúng ” đã thu hút tôi... Phương cách diễn đạt và góp ý của chị Thu Trang đã làm cho tôi “ hả dạ ” được phần nào ; cuộc sống hàng ngày quá eo hẹp thì giờ, tôi không thể diễn tả được nhiều trên giấy viết, nay lại gặp được người nói lên cảm nghĩ của mình thì thật là hạnh phúc !...

Không biết “ phải sống dân chủ, cho ra con người của thế kỷ 21 ” đối với Đặng Tiến phải có những điều kiện cụ thể gì ? Trên mô hình rõ rệt nào ?... khi mà Đặng Tiến khẳng định “ Người gì cũng được, không cần phải là “ người mình ” – Người mình... nghe lạc loài, xa vắng ” ? !!

Tôi hoàn toàn đồng ý với chị Thu Trang : Tác giả đã tự mâu thuẫn : “ không có tinh thần dân tộc thì không còn nước Việt Nam ” và có lẽ chính chị Thu Trang mới là con người thế kỷ 21 thực sự, khi chị đã lập luận một cách rõ ràng : “ Không ai cấm những người muốn làm công dân của thế giới (mondialiste) nhưng xin cũng đừng quay lưng lại với nguồn gốc của mình một cách quá đáng và bất công ! ”

Mimi H. (Aulnay sous Bois, Pháp)

Yêu cầu

Em xin phép được yêu cầu báo Diễn Đàn một điều. Đó là trước đây em đọc rất kỹ các bài của ông Vĩnh Sính trên báo Đất Mới ở Montréal. Các bài này nói về văn hoá Trung Hoa đối với các nước lân cận Trung Hoa ở châu Á, đã mở mang tầm nhận thức của em về các dân tộc phương Đông. Nay Đất Mới đình bản, em không biết đọc các bài viết của ông Vĩnh Sính ở đâu. Ước gì em được gặp lại ông Vĩnh Sính trên báo Diễn Đàn nhỉ ?

Nguyễn Tấn Thịnh (Montréal, Canada)

[Ban biên tập Diễn Đàn cũng chia sẻ với bạn ước mong ấy ! Chúng tôi đã gửi một bản sao thư của bạn cho anh Vĩnh Sính]

Ai bảo làm dâu là sướng

Ban Biên tập Diễn Đàn tuy thực tế tách khỏi tờ Đoàn Kết nhưng nội dung tư tưởng tờ Diễn Đàn nó còn là Đoàn Kết biến dạng chưa lột xác xong. Diễn Đàn còn sợ phạm thượng, còn kỵ húy thì đâu có phải là diễn đàn. Đã là diễn đàn phải đăng tải mọi tư tưởng — chỉ loại trừ những gì chửi bới tục tĩu cá nhân. Không đồng ý cùng tác giả thì ban biên tập có quyền khai quang bằng một “ chiếc mũ ” để nói lên điểm bất đồng ý của toà soạn.

Cũng vì những lý do kể trên nên có sự cộng tác khi nào nhận ra Diễn Đàn đã lột xong xác.

Ngô Thế Tân (St Cézaire-sur-Siagne, Pháp)

Tạm gọi là gặp gỡ...

*Không từ bỏ một hữu tình nào
Lời Kinh Phát*

Sở dĩ có mấy trang này vì tôi đã đọc đi đọc lại phần cuối bài của Thế Uyên đã ngỏ lời nhắn nhủ những ai đang thao thức về tương lai Việt Nam. Từ lâu tôi cảm thấy cần trân trọng những ý kiến đóng góp để xây dựng đất nước của kiều bào – dù có những bài đọc rồi chỉ thấy buồn và bức, vì có tác giả tự cho quyền mình được thoả ma, chỉ trích nặng lời, vô trách nhiệm và bất công không phân biệt những người đã góp máu xương cho công cuộc giải phóng Tổ Quốc. Vào thời điểm này muốn chỉ trích thì dễ quá và đã trở nên nhàm chán. Có tinh thần hoà giải, cùng muốn đóng góp gì về với đồng bào, dân tộc, mới là đáng để thảo luận... và để mất thì giờ. Hướng về tương lai là cần thiết.

Với tinh thần ấy, tôi viết những cảm nghĩ sau đây, thành thực góp ý cùng Thế Uyên, tác giả bài “**Cần nhiều tự do và sáng tạo hơn nữa**” in trong Diễn Đàn số 13, tháng 11.1992.

Tác giả đề cập đến nhiều vấn đề trong bài này, mà theo sự hiểu biết của tôi có ba điều gửi gắm, xuất phát từ kinh nghiệm sống và các quan niệm của tác giả : nhận thức, giáo dục và dự báo. Tác giả tự nhận là kẻ lang thang giữa các nền văn minh nên cộng với cuộc sống, hành trình của bản thân đã đưa ra những nhận thức về con người và đất nước Việt Nam. Tác giả đã viết : “... **tôi đã đi đến một vài kết luận, một số vấn đề, cho dân tộc Việt Nam ở nội địa cũng như ở hải ngoại** (Tôi nhấn mạnh – T.T.) ”. Tất nhiên là người có quyền cho và người có quyền từ chối. Vì không phải hoa nào cũng có hương thơm, quả nào cũng phải nhận đau.

Việt Nam : một dân tộc thiếu sáng tạo. Trong một đôi ý nào đó có lẽ tôi thấy điều trên không phải là thiếu cơ sở. Thí dụ như hiện nay, việc các con rồng châu Á đang... làm cho Tây phương ngạc nhiên về sự vùng dậy của các nước Đông Nam Á, về sự bắt kịp kỹ thuật mới, cách làm ăn khoa học để đưa đến sự cường thịnh, là do ở động cơ gì, sức mạnh nào ? Đã có một vài học giả Pháp đề cập đến việc cần nghiên cứu để biết rõ hơn về sự chuyển mình một cách nhanh chóng của những nước này. Họ tìm hiểu cấu trúc xã hội bắt nguồn từ tổ chức chính trị hay một cơ cấu giáo dục và đào tạo v.v... Họ đã nghiêm túc làm công việc trên và đầu đây đã đưa ra một số kết luận về sự kiện : các nước trên đã biết áp dụng phương pháp hành động và giáo dục rút từ học thuyết Khổng Tử ! Nhà học giả Léon Vandermeersch đã viết quyển **Le Nouveau Monde Sinisé** (Nxb Puf, Paris 1986) để tìm hiểu sự mạnh, yếu của các nước cùng trong khối Hán học (hiểu theo nghĩa cùng một nền văn minh bắt nguồn từ Trung Quốc). Quyển sách của một chuyên gia về Trung quốc học nên có những phần nặng về ngôn ngữ học, nhưng có nhiều trang rất quý, làm cho chúng ta phải suy nghĩ. Vì dù muốn hay không, Việt Nam đã trải qua chế độ phong kiến kiểu Khổng giáo suốt mấy chục thế kỷ và còn ít nhiều ảnh hưởng. Tôi thấy rất thèm được đọc một học giả hay triết gia người Việt nào đề cập, nghiên cứu sâu, đánh giá, ứng dụng và so sánh đề tài này ở Việt Nam...

Về ngôn ngữ, xin trở lại bài của Thế Uyên, tại sao gần như mỗi vài ba câu lại có một tiếng Anh ? Tôi thấy không hiểu được thái độ này, trừ phi nhà văn đang muốn đổi phong cách hay cố tình tạo ra một nghệ thuật ngôn từ mới ? Trong bất cứ trường hợp nào thì Ban biên tập có lẽ phải chú thích và dịch những chữ nước ngoài vì cần tôn trọng độc giả. Mới đây, trong tờ Thông Luận số 54, tháng 11.92, có một độc giả đã phàn nàn vì có một chữ Pháp thôi trong một bài nào đó và đã yêu cầu Ban biên tập phải dịch, nếu muốn giữ nguyên văn bài của người viết. Tôi thấy ý này rất đúng, vì e là vài mươi năm nữa, những cây bút ở nước ngoài sẽ

viết một nửa tiếng nước ngoài, một nửa tiếng mẹ đẻ cũng nên. Điều này có liên quan đến sáng tạo không ? Ngôn ngữ Việt Nam có đến nỗi thiếu chữ để diễn tả không ?

Hoa thơm và trái độc. Đọc những đoạn này thấy nổi bật ý thức giáo dục của tác giả. Điều đáng chú ý là sự đánh giá về quan niệm tiếp thu nhiều ý thức hệ kể từ đầu thế kỷ. Tôi thấy khó đồng ý về nhiều đoạn. Ở đây chỉ xin nêu lên một điểm, về câu “*Người Việt khi duy tân, đã tiếp thu luôn các cuộc tranh chấp (ý thức hệ) của Âu châu ...*” Tôi không có ý tranh luận, chỉ muốn có thái độ khách quan, công bằng và nhất là đặt ý nghĩa lịch sử của Phong trào Duy Tân cho đúng vị trí. Theo rất nhiều sách vở (đa số là in ở miền nam trước 1975, đặc biệt là các quyển **Đông Kinh nghĩa thực** của Nguyễn Hiến Lê và **Phong trào Duy Tân** của Nguyễn Văn Xuân, nhà xuất bản Lá Bối, Sài Gòn) thì Phong trào Duy Tân do các nhà nho yêu nước đã khởi xướng từ thời 1903 - 1904, mà hành động đầu tiên là thành lập Đông Kinh Nghĩa thực tại Hà Nội. Trong số các nhà khoa bảng nổi tiếng có hai vị họ Phan : Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh. Hai vị này đã đi vào lịch sử cận đại với hai khuynh hướng : bạo động, cách mạng vũ trang của Phan Bội Châu và cách mạng văn hoá, với các khẩu hiệu Dân sinh, Dân trí, Dân quyền và đi đến Dân chủ của Phan Châu Trinh. Riêng tôi thấy sự nhìn xa của nhà nho này thật rất đáng cho hậu thế học hỏi. Ngoài ra, Phan Châu Trinh còn đả phá óc vọng ngoại... Trên những nền tảng chính trị và lịch sử như vậy, tôi e rằng nhà văn Thế Uyên dùng hai chữ duy tân trong đoạn văn kể trên là không đúng. Các từ ghép đã trở nên thành ngữ như Cần Vương, Duy Tân, Việt Minh, Việt Cộng, Tự Lực, hay các địa danh như Yên Thế, Yên Bái, Điện Biên, đều mang nặng nội dung lịch sử, nội dung văn hoá, chính trị một thời, chúng ta không được làm sai sự thật. Vì tôn trọng tâm huyết, tinh thần yêu nước, sự hy sinh của bao nhiêu người đã chết chóc, tù đầy vì những phong trào trên. Bạn nào thích đọc tiếng Pháp về giai đoạn này, nhất là về phong trào chống thực dân Pháp của các nhà nho Duy Tân theo khuynh hướng cách mạng vũ trang của Phan Bội Châu, nên tìm đọc cuốn **Tự Phán** của cụ Phan, đã được nhà Việt học Georges Boudarel dịch và chú thích, in trong tạp chí France - Asie số đôi 194 - 195, Paris 1968. Đây là một quyển sách sử cận đại rất đáng đọc và suy gẫm. Mỗi trang sách là những huyết lệ của nhà nho tìm đường cứu nước, nỗi đau quần quai và sự tủ nhục của người dân bị đô hộ được thể hiện sinh động... Đọc quyển sách này để mà hiểu rõ hơn về lịch sử Phong trào Duy Tân để biết ơn sâu sắc tất cả những ai đã chiến đấu cho chúng ta thoát cái nhục của dân bị trị.

Kẻ lang thang bị chọi đá. Là người Việt, chúng ta thấm thía những bi hài kịch của hàng triệu người đang sống trong thời đại hôm nay. Trong sự thay đổi và chao đảo của cả thế giới, nhân dân bao nước, kể cả Việt Nam đã và đang sống trong những thảm trạng vô cùng phi lý, bất công, đen trắng lẫn lộn, đạo lý đảo ngược, thì người cầm bút chúng ta – nhất là những ai muốn hay “**bị**” làm kẻ sĩ của thời đại – làm sao tránh được những sự va chạm, những nỗi oan khiên, ngậm ngùi, đau nhức, buồn phiền... Cho nên tôi hoàn toàn đồng ý với tác giả một câu, vâng chỉ một câu thôi, như vậy cũng tạm gọi là gặp gỡ nhau trên một tinh thần đồng điệu nào đó.

“*Đã đến lúc phải tìm kiếm cho dân tộc Việt một thời gian dài sống trong hoà bình để phục hồi năng lực và xây dựng lại đất nước.*”

Làm người Việt, có lẽ không ai lại chối từ điều này.

Vậy nên, về phần dự báo ở trong bài của Thế Uyên, tôi hy vọng là sẽ không đến nỗi như tác giả tưởng. Nhân dân Việt Nam đã trưởng thành và có quyền được hưởng tự do, cơm no áo ấm và được học hành để tự lực tiến tới hạnh phúc và thịnh vượng. Và chỉ có dân tộc là trường tồn vĩnh cửu. Những gì đáng đào thải sẽ phải biến đi, không ai cản mãi được sự tiến hoá.

Thu Trang Paris, mùa thu 92.

Tim Việt Nam

Tai nạn máy bay

Một máy bay hàng không Việt Nam đã mất tích ngày 14.10.1992 khi bay gần đến sân bay Nha Trang. Máy bay - loại ba động cơ phản lực YAK - 40 của Liên Xô - đã cất cánh từ sân bay Tân Sơn Nhứt với 15 hành khách Việt Nam, 4 người Đài Loan, 2 người Pháp, 2 người Hà Lan, 1 người Thụy Điển và một phi hành đoàn 6 người. Phải đợi đến một tuần lễ sau, xác máy bay mới được phát hiện trên sườn núi Mahan ở tỉnh Khánh Hòa (AFP. 16 và 21.11.92)

Air France xây dựng khách sạn 5 sao

Công ty khách sạn Méridien thuộc tập đoàn hàng không Pháp Air France đã quyết định đầu tư 76 triệu đôla để xây dựng tại thành phố Hồ Chí Minh một khách sạn 5 sao với 450 phòng. Công trình xây cất sẽ khởi đầu năm 1993 và sẽ do công ty xây dựng Féal International (thuộc tập đoàn Pháp Compagnie des Eaux) thực hiện.

Tại Hà Nội, khách sạn Pullman Métropole, cũng do Féal International nâng cấp và xây thêm, sẽ tăng khả năng tiếp khách từ 100 đến 250 phòng (AFP. 27.10.92)

Pháp viện trợ 180 triệu Franc năm 1993

Chính phủ Paris đã quyết định viện trợ không hoàn lại cho Hà Nội thêm 50 triệu franc để giữ tổng số viện trợ của Pháp cho Việt Nam ở mức 180 triệu năm 1993 (36 triệu đôla). Paris đã thông báo quyết định này trong chuyến đi thăm nước Pháp cuối tháng 10 vừa qua của phó thủ tướng Phan Văn Khải và bộ trưởng Lê Văn Triết. Ngoại trưởng Roland Dumas cũng đã khẳng định lập trường của Paris ủng hộ Hà Nội trong những thương lượng ở Quý tiền tệ quốc tế và trong việc tổ chức hội nghị cấp cao của các nước sử dụng tiếng Pháp năm 1995 (AFP 27.10.92)

Lý Bằng đến Hà Nội

Thủ tướng Trung quốc Lý Bằng sẽ chính thức đến thăm Việt Nam từ ngày 30 tháng 11 đến ngày 4 tháng 12. Ngay trước đó, chính phủ Bắc Kinh, một mặt đã khẳng định lại " chủ quyền không thể chối cãi " trên quần đảo Trường Sa (cách 1500 km bờ biển Trung quốc và 400 km bờ biển Việt Nam). Mặt khác, Bắc Kinh quyết định rút đi một trên hai chiếc tàu đến khảo sát dầu khí ở vịnh Bắc Bộ và bị Việt Nam phản đối.

Theo bộ ngoại giao Bắc Kinh, chuyến đi Hà Nội của ông Lý Bằng nhằm mục đích " củng cố và mở rộng quan hệ Trung-Việt ". Sau chuyến đi của Chu Ân Lai năm 1971, đây là lần đầu tiên Hà Nội tiếp đón một thủ tướng Trung quốc. (AFP 19 và 21.11.92)

Biện pháp trừng phạt kinh tế đối với Khơ - me đỏ

Sau sự thất bại của hội nghị về Cam bốt tổ chức vào trung tuần tháng 10 ở Bắc Kinh, chính phủ Việt Nam cho biết sẽ ủng hộ đề nghị trừng phạt kinh tế phe Khơ - me đỏ, đặc biệt là biện pháp cắt đứt các đường thương mại của họ với Thái Lan. Song Hà Nội không tán thành đề nghị loại trừ phe Khơ - me đỏ khỏi công cuộc lập lại hòa bình, cho rằng biện pháp đó chỉ đưa đến

thừa nhận việc chia cắt Cam bốt.

Đến nay, kế hoạch hòa bình của Liên Hiệp Quốc không thực hiện được ở Cam bốt vì phe Polpot từ chối giải giới quân đội và không cho lực lượng mũ xanh vào kiểm tra vùng họ kiểm soát.

Những cuộc thảo luận ở Liên hiệp quốc cho thấy có khác biệt ý kiến giữa năm nước thành viên thường trực Hội đồng an ninh : Trung quốc, cũng như tổng thư ký Boutros - Ghali, cho biết không tán thành đề nghị trừng phạt Khơ-me đỏ. Hội đồng an ninh do đó có thể sẽ hạn chế biện pháp trừng phạt về kinh tế vào sự tiếp tế dầu khí từ Thái Lan, và sẽ để cho Hội đồng tối cao do ông Sihanouk chủ tọa quyết định vấn đề đá quý xuất sang Thái lan. (AFP 11 và 21.11.92)

Tin ngắn

• Tiếp theo sau IndoSuez, BFCI và Bangkok Bank, ngân hàng Banque Nationale de Paris đã đặt đại lý tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 9.11.92. Cùng ngày đó, một ngân hàng thứ tư của Pháp, Crédit Lyonnais, thông báo sẽ mở đại lý tại Hà Nội.

• Công ty thiết bị điện Pháp Merlin - Guérin vừa ký một hợp đồng 110 triệu đôla cung cấp những trạm điện cho đường dây siêu cao thế Bắc Nam. Đây là hợp đồng quan trọng nhất trong công trình dẫn điện Hòa Bình vào các tỉnh phía Nam mà phí tổn được ước tính là khoảng 300 triệu đôla.

• Công ty Orion Electric, thuộc tập đoàn Nam Triều Tiên Daewo, và công ty Hanoi Electric đã liên doanh thành lập một nhà máy sản xuất ống catot cho máy truyền hình gần Hà Nội. Vốn đầu tư lên đến 170 triệu đôla trong đó phần của Nam Triều Tiên là 70%. Nhà máy sẽ bước vào hoạt động trong năm 1994 với công suất 5,2 triệu ống truyền hình hàng năm và sẽ sử dụng 1000 nhân công.

• Trong chuyến đi sang Pháp vào cuối tháng 11 bộ trưởng tư pháp Nguyễn Đình Lộc đã ký một hiệp định hợp tác về pháp lý và tòa án. Một " Nhà luật pháp " Pháp - Việt sẽ được thành lập tại Hà Nội.

• Dân số Việt Nam đã vượt 71 triệu. Tỷ lệ tăng dân số là 2,3%.

Từ ngày 9 đến 15 tháng 12 tại Paris Tuần lễ phim Việt Nam

tại rạp Utopia (đ.t. 43 26 84 65)
số 9 rue Champollion, 75005 Paris

- Cánh đồng hoang (Hồng Sến)
- Bao giờ cho đến tháng mười (Đặng Nhật Minh)
- Karma (Hồ Quang Minh)
- Chôm và Sa (Phạm Kỳ Nam)
- Chị Dậu (Phạm Văn Khoa)
- Gánh xiếc rong (Việt Linh)
- Chuyện tử tế (Trần Văn Thủy)
- Chim vành khuyên (Trần Vũ và Nguyễn Văn Thông)

Trừ phim sau cùng, các bộ phim khác đều có phụ đề tiếng Pháp

Thành phố Hồ Chí Minh chống tham nhũng ?

Với chủ đề chính là bài trừ tham nhũng, khoá họp cuối tháng 10 vừa qua của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã phơi bày một phần thực trạng “ chống tham nhũng ” ở thành phố từ khi có chỉ thị bài trừ quốc nạn này vào cuối năm 1990. Theo bản báo cáo chính thức của chánh thanh tra thành phố, ông Trần Văn Lục, tệ tham nhũng không những “ chưa được ngăn chặn và đẩy lùi mà có nguy cơ phát triển nghiêm trọng và nguy hiểm ”. Cũng theo lời ông Lục “ ban lãnh đạo chống tham nhũng ” mà ông là phó trưởng ban, sau khi làm việc “ có một số ảnh hưởng nhất định ” trong năm đầu, hiện nay “ gần như không hoạt động ” nữa (Tuổi Trẻ, 22.10.92)

Thực trạng hai năm qua

Nói về nguyên nhân thực trạng này, bản báo cáo cho biết số lượng vụ tham ô, hối lộ được phát hiện đã không nhiều mà khi phát hiện được thì “ vào khâu xử lý, không chỉ đạo được ”. Hiện nay có đến 58 vụ việc đã có kết luận của thanh tra nhưng các cấp có thẩm quyền vẫn không chịu xử. Trong đó có các xicanhdan lớn, được nhiều lần nêu lên ở Hội đồng nhân dân thành phố, như : vụ Nguyễn Thiện Luân (thứ trưởng, giám đốc nhà máy bột ngọt Thiên Hương), vụ Tô Mạnh Thắng (giám đốc công ty Sapexim), vụ Trần Ngọc Lệnh (tổng giám đốc Tổng công ty xây dựng Sài Gòn), vụ Nguyễn Thành Hưng (giám đốc Công ty thực phẩm đông lạnh I) hay vụ Đỗ Minh Lý (Hợp tác xã tiêu dùng phường Tân Định). Chánh thanh tra công khai chỉ trích lực cản do sự “ can thiệp đủ mọi kiểu và trái pháp luật ” của những cán bộ có chức quyền (tên của giám đốc sở xây dựng thành phố, ông Lê Văn Năm, được nêu ra). Ông Lục cũng tố cáo hiện tượng chiếm dụng tài sản của nhà nước “ được hợp thức hóa bằng các thủ tục hành chính ” như trong ngành nhà đất.

Nhiều đại biểu Hội đồng nhân dân đã nhấn mạnh rằng hầu hết cán bộ tham nhũng thuộc diện quản lý của các cấp uỷ Đảng cộng sản : “ các cơ quan pháp luật phải chờ cấp uỷ có ý kiến và xử lý về mặt Đảng trước, mới được xử ” (Tuổi Trẻ, ngày 24.10.92)

Bản báo cáo của ông Lục còn nêu trách nhiệm của “ cơ chế ” đang giao cho cá nhân một tài sản khổng lồ, giao cho họ quyền tự chủ về tài chính, nhưng không có điều kiện ràng buộc, không có kiểm tra : “ đến khi thanh tra thì coi như xong, tài sản nhà nước đã bị thất thoát ”. Ông cho biết cơ quan thanh tra và cả sở tài chính thành phố đến nay cũng không nắm bắt được tình hình tài chính của các tổng công ty trực thuộc Uỷ ban nhân dân thành phố : “ các vị tổng giám đốc viện lẽ rằng họ là cấp tương đương với sở tài chính nên không chịu cho kiểm tra ”.

Theo một nhận định đăng trên báo Phụ nữ thành phố Hồ Chí Minh (ngày 28.10.92), tham nhũng ở nước nào cũng có, thông thường là “ hối mại quyền thế ” dẫn đến hối lộ, dút lót, quà cáp, mua chuộc những kẻ có quyền để được hưởng ân huệ này, ưu tiên kia. Còn ở Việt Nam, ngoài việc buôn bán quyền lực rất phổ biến, tham nhũng sở dĩ trầm trọng và nguy hại hơn nhiều là do việc lạm dụng ngân sách, biến thủ công quỹ,

chiếm dụng tài nguyên quốc gia “ lên đến hàng trăm, hàng ngàn tỷ đồng ” và “ xảy ra trên mọi lãnh vực và trên khắp đất nước ”. Và bài báo không ngần ngại so sánh với tình trạng chế độ Sài Gòn cũ : “ trong chế độ cũ cũng có rất nhiều người tham nhũng, nhưng đại đa số vẫn ở trong dạng hối mại quyền thế mà thôi ; việc lạm dụng ngân sách, chiếm dụng tài nguyên, biến thủ công quỹ cũng ít xảy ra ”.

Những lời hứa mới

Kỳ họp của Hội đồng nhân dân thành phố đã thông qua kế hoạch mới chống tham nhũng của Uỷ ban nhân dân :

1. Đến hết quý một 1993, xử lý xong những vụ nổi cộm đã được báo chí đăng tải nhiều lần và đã có kết luận : Sở nhà đất, Giám đốc hải quan, Công ty lương thực, Cosevina, Sở tài chính, Cục thuế, Bột ngọt Thiên Hương, Liên hiệp dầu thực vật, Liên hiệp rượu bia, Công ty vật tư tổng hợp, Công ty Gia Định, Sadaco...

2. Rà soát lại một số vụ án đã xử mà bản án gây nhiều thắc mắc, và nếu có thiên vị, bao che thì xử lại ; không lấy quá trình công hiến trước đây của người phạm tội để giảm tội, đồng thời thu hồi cho được tài sản bị thất thoát.

Kèm theo đó, Uỷ ban nhân dân công bố một số qui định :

– cán bộ lãnh đạo các cấp không được can thiệp vào việc xử lý tham nhũng ;

– chính quyền các cấp phải chịu trách nhiệm về những cán bộ tham nhũng do cấp bổ nhiệm và quản lý ;

– cán bộ lãnh đạo bị cơ quan xác minh là có sai phạm phải bị đình chỉ chức vụ để công tác điều tra được thuận lợi ;

– cán bộ bị báo, đài phê bình phải trả lời và chịu trách nhiệm về nội dung trả lời.

Chủ tịch Uỷ ban nhân dân, ông Trương Tấn sang, là người sẽ chịu trách nhiệm chính trong việc chỉ đạo thực hiện kế hoạch này. Lời cam kết của ông cũng là một lời thú nhận : “ Chúng tôi ý thức rằng trước đây nói chống tham nhũng mà không làm, nên lòng tin của dân giảm. Giờ, chúng tôi sẽ phải làm ”.

Người ta chờ xem thái độ của ông Sang trong việc xử lý vấn đề đầu tiên trên danh sách các “ vụ cộm ” của thành phố : vấn đề nhà đất. Sau khi báo chí thành phố vạch những sai phạm có hệ thống trong lãnh vực này, giám đốc Công ty quản lý và kinh doanh nhà (thuộc sở nhà đất thành phố), ông Nguyễn Văn Bi, có trả lời trên báo Tuổi Trẻ (ngày 17.9.92) rằng ông “ không tự ý ” bán tài sản nhà nước mà trong mọi trường hợp “ đều có chỉ đạo ” của Uỷ ban nhân dân thành phố. Bài báo còn đưa ví dụ về sự can thiệp bằng thơ tay của “ một đồng chí lãnh đạo ”. Hơn thế nữa, thành uỷ Đảng cộng sản – mà ông Sang là phó bí thư – không thể trốn trách nhiệm sau khi ém đi trong nhiều ngày lệnh của thủ tướng đình chỉ việc hóa giá nhà, tạo điều kiện cho giới người có quyền thế chiếm đoạt gần một ngàn ngôi nhà (xem Diễn Đàn tháng 6.1992) Các nguồn tin thông thạo đều nêu trách nhiệm cá nhân của người thường trực thành uỷ lúc đó, là ông Nguyễn Võ Danh (hiện phụ trách về an ninh nội chính thành uỷ). Hành động trước tiên mà người dân thành phố chờ đợi ở ông Trương Tấn Sang là công khai hóa hồ sơ điều tra vụ hóa giá nhà.

P.V.

Triển vọng khai thông quan hệ Việt - Mỹ

Có những lúc, một hành động cá nhân có thể tóm gọn cả một tình hình quốc tế phức tạp, hay hơn cả mọi bài bình luận. Đó là trường hợp của ông Jean-André Sauvageot¹. Cái tên nghe rất Pháp, nhưng ông ta là người Mỹ: suốt 8 năm chiến tranh Việt Nam, J.-A. Sauvageot là một chuyên gia phân tích tình hình Việt Nam của quân đội Mỹ; cho đến ngày hôm nay, 21.11.1992, ông ta tiếp tục công việc ấy ở toà đại sứ Mỹ ở Băng Cốc. Trung tuần tháng 11, ông ta làm phiên dịch cho thượng nghị sĩ John F. Kerry khi ông này sang Việt Nam điều tra về vấn đề MIA (quân nhân Mỹ mất tích trong chiến tranh). Nhưng đối với báo chí, sự kiện đáng chú ý không phải là mục đích chính thức của phái đoàn thượng viện, mà là bức thư mà ông Kerry mang theo: đó là bức thư của tổng thống George Bush gửi chủ tịch Lê Đức Anh.

Bức thư chưa được công bố, song các nhà bình luận đều cho rằng bản thân việc gửi thư báo hiệu một bước tiến trên “lộ trình” (roadmap) bình thường hoá quan hệ Việt-Mỹ. Hầu hết giới quan sát chờ đợi rằng tổng thống Bush sẽ bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần lớn lệnh cấm vận trước ngày 20.1.93 là ngày trao quyền cho tân tổng thống Bill Clinton.

Rõ ràng ông Bush muốn đi vào lịch sử Mỹ như vị tổng thống đã kết toán xong hồ sơ của 2 500 quân nhân Mỹ mất tích ở Đông Dương. Phía Việt Nam đã “giúp” ông trước ngày bầu cử bằng cách cung cấp 4 000 tấm ảnh liên quan tới hồ sơ này và để cho phía Mỹ tham khảo hồ sơ lưu trữ của quân đội (xem số trước). Bãi bỏ cấm vận trong thời gian mấy tháng chót của nhiệm kỳ tổng thống — thời gian mà người Mỹ gọi là *vịt què* (lame duck) — ông Bush không bị tố là kiểm phiếu và tránh khỏi nhiều sức ép. Ông cũng không bị Bill Clinton phản đối, ngược lại, việc này sẽ dọn đường cho ông Clinton thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam, nếu quả thực tổng thống mới (thời trẻ đã không chịu đi lính sang Việt Nam) thật sự muốn kết thúc một chương đen tối của lịch sử Hoa Kỳ.

Trở lại câu chuyện ông Sauvageot. Trong khi các nhà bình luận Mỹ và quốc tế còn đang đoán mò về nội dung bức thư của tổng thống Mỹ và ngày tháng của “lộ trình” bình thường hoá, Sauvageot đã lặng lẽ đệ đơn từ chức. Bắt đầu từ ngày 1.12.92, ông ta sẽ đổi chủ. Chủ mới của ông ta là công ty điện lực *General Electric Co.* Đây là một trong mấy chục công ty Mỹ đang khẩn trương chuẩn bị đầu tư ở Việt Nam, coi đó là một thị trường hấp dẫn về thiết bị điện và vận tải.

Quyết định của Sauvageot cũng tương tự như quyết định của một loạt quốc gia Đông Á và Đông Nam Á vốn là đồng minh thân thiết của Hoa Kỳ:

– Ngày 6.11, **Nhật Bản** quyết định nối lại viện trợ phát triển cho Việt Nam với một tín dụng 45,5 tỉ yên (370 triệu đôla) thời hạn 30 năm, lãi suất thấp (1%), mở đường cho các công ty Nhật đầu tư ở Việt Nam.

– Tháng 9, **Đài Loan** (đứng đầu các nước bỏ vốn đầu tư) đã mở đường bay trực tiếp với Việt Nam và khai trương cơ quan thương mại ở Hà Nội.

¹ Xem bài của Thomas W. Lippman, gửi từ Hà Nội ngày 16.11.92 cho báo Washington Post.

– Cũng tháng 9, **Singapore** mở sứ quán ở Hà Nội. Năm ngoái, Singapore đã bãi bỏ cấm vận. Hiện là bạn hàng số 1 của Việt Nam (35% hàng xuất khẩu Việt Nam quá cảng Singapore).

– Người ta chờ đợi Nam Triều Tiên và Việt Nam sẽ thiết lập quan hệ ngoại giao trước cuối năm nay.

Cũng trong thời gian qua, **Cộng đồng châu Âu** đã quyết định tăng cường quan hệ kinh tế với Việt Nam (một hiệp ước về vải và may mặc sẽ được ký kết cuối năm nay). Tháng 10, có thêm 3 hợp đồng thăm dò và khai thác dầu mỏ (trong đó có hợp đồng ký với công ty Anh BGEP).

Việc bãi bỏ lệnh cấm vận của Mỹ sẽ mở ra triển vọng sáng sủa cho việc đầu tư ở Việt Nam, trước mắt là việc khai thông bế tắc hiện nay ở Quỹ tiền tệ quốc tế (FMI) và Ngân hàng thế giới. Song những khó khăn cơ bản vẫn còn đó:

– Theo số liệu chính thức của chính phủ Việt Nam, tổng trị giá các dự án đầu tư trong 5 năm qua lên tới **3,5 tỉ đôla**, nhưng trong đó **2 tỉ** là trị giá những hợp đồng thăm dò dầu khí (nghĩa là không có tác động trực tiếp và trước mắt vào tình hình kinh tế hiện nay), đó là không kể một số hợp đồng ký rồi huỷ.

– Ngoài lãnh vực thăm dò dầu khí, phần đông các hợp đồng tập trung vào lãnh vực du lịch, ít có hợp đồng trị giá quá 10 triệu đôla.

– Tổng cộng các hợp đồng nói trên (5 năm) mới tạo ra **20 000** việc làm, trong khi dân số Việt Nam là 70 triệu, số thất nghiệp là 7 triệu, và hàng năm có thêm 1 triệu người bước vào thị trường lao động.

– Các nhà đầu tư lúc đầu phấn khởi vì lao động rẻ, cần cù, có học, nay nhận thấy trình độ đào tạo không đồng đều, đang xuống cấp, và nghiêm trọng hơn cả: hết sức thiếu nhân viên có trình độ quản lý. Trong khi đó, những Việt kiều thế hệ 1 hay thế hệ 2, có trình độ, vẫn bị nghi ngờ về chính trị.

– Hiến pháp mới sửa đổi vẫn duy trì “vai trò lãnh đạo của đảng” và nguyên tắc quyền sở hữu toàn dân. Do đó, rất khó đi tới một khuôn khổ pháp lý bảo đảm cho sự đầu tư. Dự án tư hữu hoá các xí nghiệp quốc doanh vẫn bị trì hoãn.

– Trong khi đó, nạn tham nhũng và hối lộ ngày càng trầm trọng. Các biện pháp chống tham nhũng của nhà nước bị coi là vô hiệu vì những quan chức cấp cao cũng dính vào mạng lưới tham nhũng, mafia.

– Về mặt chính trị, những bất đồng về chính sách cải tổ và mở cửa, dù chỉ trong lãnh vực kinh tế, ngày càng lộ rõ, thể hiện qua nhiều vụ việc trống đánh xuôi kèn thổi ngược. Giới quan sát ghi nhận nhiều đợt tấn công trực diện hay gián tiếp vào thủ tướng **Võ Văn Kiệt** của những nhân vật bảo thủ trong Bộ chính trị như **Đoàn Khuê** (quân đội), **Đào Duy Tùng** (tư tưởng), không kể cựu tổng bí thư **Nguyễn Văn Linh**.

Tóm lại, triển vọng bình thường hoá quan hệ Việt-Mỹ năm 1993 có thể coi là một khả năng hiện thực, mặc dầu không thể loại bỏ mọi sự bất trắc (về phía Việt Nam, có thể đến từ phe bảo thủ, lo ngại nguy cơ “diễn biến hoà bình”, về phía Mỹ, vì một lý do đơn giản hơn: Việt Nam không phải là vấn đề ưu tiên trong chính sách đối ngoại, và đối ngoại không phải là mối bận tâm số một của chính quyền Mỹ).

Nếu khả năng nói trên trở thành hiện thực, quan hệ kinh tế đối ngoại của Việt Nam sẽ sáng sủa thêm một bước, song những khó khăn cơ bản vẫn còn nguyên vẹn. Và ngày nào chính quyền tiếp tục “mua thời gian” để duy trì, mọi triển vọng phát triển đất nước vẫn còn viễn vông.

Phong Quang

Bill Clinton

trong

Nhà Trắng

Nguyễn Lộc

Mùa bầu cử 1992 vừa rồi đã thu hút được những quan tâm đặc biệt và sự tham dự khá ngoạn mục của cộng đồng người Việt ở Mỹ. Tại Orange County, vốn là chỗ dựa vững chắc của đảng Cộng Hoà, một “ Ủy ban người Mỹ gốc Việt ủng hộ Clinton ” ra đời và hoạt động khá rầm rộ, song song với “ Ủy ban người Mỹ gốc Việt ủng hộ Bush-Quayle ”.

Bây giờ, mọi việc đã ngã ngũ... Một lô những câu hỏi tất nhiên được đặt ra cùng với những lo âu, thắc mắc, và có cả những hy vọng hoặc kỳ vọng nữa về bốn năm sắp tới.

Có lẽ một điều ai cũng có thể đồng ý : vấn đề phục hồi kinh tế phải là mục tiêu hàng đầu của chính phủ Clinton - Gore. Trong đó, đối với cộng đồng người Việt, một số vấn đề lại được đặc biệt quan tâm hơn.

Thứ nhất, không ít bà con, đặc biệt là thành phần trẻ, đồng thời cũng là trụ cột về kinh tế của nhiều gia đình, kiếm sống trong khu vực *hi-tech* (kỹ thuật cao cấp) của Mỹ, một khu vực có liên hệ khá gần đến công nghiệp quốc phòng. Xuyên suốt mùa tranh cử, Clinton đã nhắc đi nhắc lại yêu cầu thích nghi nền kinh tế của thời chiến tranh lạnh với hoàn cảnh *hậu chiến* ngày nay. Người ta dự đoán sẽ có nhiều thay đổi trong lãnh vực kinh tế trực tiếp hoặc gián tiếp có liên hệ với quốc phòng. Do đó, không ít người đang chờ đợi, lo âu...

Thứ hai, là vấn đề *quyền sống*. Nói gằn, đó là vấn đề phúc lợi xã hội, một quan tâm không nhỏ của cộng đồng. Từ trợ cấp người già, trợ cấp gia đình có con nhỏ, trợ cấp huấn nghệ, cho đến trợ cấp an sinh xã hội nói chung v.v..., rồi những gì sẽ xảy ra ? Tuỳ thuộc vào các ưu tiên khác, các loại trợ cấp này có thể bị ảnh hưởng, kể cả cắt giảm. Nhìn xa một chút, đó là chính sách thu nhận người nhập cư. Ngày 12.11.92 vừa qua, tổng thống đắc cử Clinton đã tuyên bố về vấn đề người tị nạn vượt biển từ Haiti sang Mỹ : khác với chính phủ Bush, ông chủ trương sẽ không tống xuất vô điều kiện những người này và hứa sẽ cứu xét việc họ xin tị nạn ở Mỹ. Tất nhiên, bà con người Việt sẽ dễ liên hệ chủ trương này với số phận của mấy chục ngàn đồng bào còn kẹt trong các trại tị nạn ở Hồng Kông, Philipin, Indônêxia, Thái Lan... Nhìn xa thêm chút nữa – mà cũng rất gần với trái tim nhiều người –, là vấn đề nhân quyền, vấn đề dân chủ ở Việt Nam. Đối với một số người, gắn liền với các vấn đề này là việc gỡ bỏ lệnh cấm vận và tái lập bang giao Mỹ - Việt.

Quan tâm và mong đợi thì rất nhiều. Tìm ra các câu trả lời thoả đáng thì còn quá khó, nhất là ngay trong lúc này ông Clinton và ê-kíp chuyên viên, chính khách quanh ông ta vẫn còn đang bận rộn thu xếp, hoạch định... đường hướng, chính sách, và nhân sự cho chính phủ mới. Làm dự báo lại cũng không dễ vì không có dữ kiện, do đó chỉ xin được nói lên một

số hi vọng và nhận xét riêng, dựa theo các thăm dò, suy nghĩ, khuyến cáo của các ký giả và nhà bình luận ở Mỹ. Một lời cảnh giác được nhắc đến ngay từ khi các mùa tranh cử vừa bắt đầu là sự khác biệt hiển nhiên giữa vị thế một ứng cử viên và của vị nguyên thủ quốc gia tại chức. Nhà hành pháp tương lai sẽ phải đương đầu với một thế giới đầy phức tạp, trong đó các tương quan nhiều chiều sẽ khắc chế những quyết định từng được ứng cử viên hứa hẹn khá thoải mái trước cử tri...

Một vài vấn đề lớn của Mỹ và khả năng đáp ứng của Clinton

Tổng thống đắc cử Clinton đã đáp ứng lại một loạt vấn đề : kinh tế suy thoái, mất cân đối trong các mối giao thương quốc tế, mức sống người dân Mỹ xuống cấp, niềm lạc quan về tương lai trong người dân Mỹ bình thường suy giảm trầm trọng... bằng cách công bố việc sẽ thành lập một *Hội đồng An ninh kinh tế* (Economic Security Council). Chỉ qua các phản ứng sơ khởi chung quanh cái HDANKT này không thôi, ta đủ thấy mức độ phức tạp của vấn đề.

Ngay từ đầu, đã có một số phản ứng không thuận lợi trước cái danh xưng hàm ý Mỹ sẽ dính líu vào một cuộc “ chiến tranh kinh tế ” này. Cũng có người lại cho rằng danh xưng đó thể hiện một đường lối mới, kết hợp chặt chẽ ngoại giao với một chính sách toàn cầu. Nhóm khác, chủ trương cần thiết có một cơ chế để điều hợp các cơ quan chức năng cùng liên quan đến chính sách kinh tế, giao thương, tài chính và ngân sách trong chính phủ, thì thấy HDANKT trong vai trò này. Còn những người vốn vận động cho một chính sách quốc gia về kinh tế – hoặc ít ra cũng là một tụ điểm để vạch ra các phương hướng chiến lược kinh tế – lại coi đây là một dấu hiệu tốt, đúng hướng để giải quyết vấn đề kinh tế một cách tập trung hơn. (1)

Trước mắt, việc hà hơi tiếp sức cho nền kinh tế sẽ là ưu tiên số một. Đi vào thực tế, hiện vẫn có nhiều trường phái khác nhau trong vòng thân cận của tổng thống đắc cử Clinton. Và phe nào cũng cố thuyết phục, lôi kéo người lãnh đạo quốc gia về phía mình. Vấn nạn ở đây là nghệ thuật đi dây thăng bằng giữa phát triển (growth) và thiếu hụt ngân sách (deficit). Tuỳ theo trường phái nào sẽ thắng, các ưu tiên dành cho các chương trình khác sẽ bị thay đổi theo. Một số hứa hẹn về các chương trình bao cấp cho nông nghiệp và an sinh xã hội có thể bị ảnh hưởng nặng (Fortune 30.11.92). Nhìn xa hơn, đối với quốc nội, với chiến tranh lạnh chấm dứt, nhiều người tin rằng chính phủ sắp tới đây của Hoa Kỳ – bất kể Dân chủ hay Cộng hoà – sẽ phải đặt vấn đề tích cực chuyển hoá nền kinh tế có định hướng quốc phòng của Mỹ sang một nền kinh tế dân sự, hoặc ít ra, nói theo kiểu ông Clinton, cũng là một nền kinh tế lưỡng dụng (dual use). Đây là một việc gằn như vá trời (2). Riêng với tiểu bang California, nơi sinh sống của một cộng đồng người Việt có thể nói là lớn nhất thế giới, bên ngoài Việt Nam, đó lại là việc sống chết. Sau màn phô diễn sức mạnh kỹ thuật và phương tiện chiến tranh hiện đại của Mỹ ở vùng Vịnh, khuynh hướng duy trì nền công nghiệp chiến tranh đã có lúc tạm thời tìm lại thế thượng phong. Nhưng sau đó, khi các sự thật về mức hiệu dụng của các vũ khí *hi-tech* được khảo sát và phô bày, phe quốc phòng yếu thế, và yêu cầu dân sự hoá nền công nghiệp California càng trở nên cấp bách thêm.

Đối với một số người lăn lộn lâu ngày trong guồng máy công nghiệp quốc phòng Mỹ, cuộc chuyển đổi này mang dáng dấp của một thay đổi từ nền kinh tế bao cấp sang nền kinh tế thị trường (!). Do đó, trở ngại không chỉ thuần về mặt định

hướng, tổ chức, điều hành ; yếu tố “ văn hoá ” và con người là rất lớn.

Sự thành bại của các sách lược khôi phục kinh tế, tạo ra công ăn việc làm, cân bằng ngân sách, giải quyết vấn đề phí tổn và bảo hiểm y tế tăng vọt mỗi ngày, trong khi số người thất nghiệp không giảm xuống,... rồi sẽ ảnh hưởng sâu rộng đến mọi người. Dù vậy, nói chung, qua sự thắng cử của Clinton, dư luận chấp nhận một trận thủ lửa, để may ra tìm được lối thoát ra khỏi sự bế tắc trầm trọng, vượt quá đặc tính khủng hoảng định kỳ của nền kinh tế tư bản. Người ta cũng hi vọng rằng Hành pháp và Luật Pháp Mỹ, trong ba bốn năm tới có thể làm việc với nhau êm thấm hơn, nhằm giải quyết các khó khăn chung. Vấn đề thất nghiệp có trầm trọng thêm hay không sẽ tùy thuộc vào khả năng xoay ra tiền để tài trợ các chương trình dân sự cấp quốc gia (cụ thể như đề án chi tiêu nhiều tỉ bạc vào công trình tu bổ cầu đường, đường xe lửa cao tốc) để tạo ra công ăn việc làm, tạo sức bật cho kinh tế.

Trong bối cảnh của một nền kinh tế toàn cầu hiện đại, chính sách *perestroika* kiểu Mỹ này, nếu được xúc tiến và bắt đầu chuyển động, sẽ có tác động lan truyền rất nhanh và rất có khả năng thay đổi diện mạo kinh tế thế giới. Riêng đối với người Mỹ, các nguyên tắc cơ bản về ngoại giao do đó cũng phải được rà soát lại... Trong chiều hướng đó, ngay chính quan điểm về an ninh quốc gia của Mỹ, vốn được định nghĩa dựa trên quan điểm bình quân lực lượng về quân sự, rồi cũng sẽ phải được cập nhật một cách tương xứng. Có lẽ Mỹ sẽ phải ít nhiều mô phỏng cách định nghĩa của Nhật về nền an ninh quốc gia. Điều này rồi có dẫn tới những ma xát lớn, hay một đường hướng hợp tác mới giữa hai lực lượng kinh tế khổng lồ của thế giới, sẽ tùy thuộc rất nhiều vào chính sách của Bill Clinton trong bốn năm tới ở Nhà Trắng. Vấn đề sẽ phức tạp gấp bội khi ta đem các lực lượng kinh tế khu vực Bắc Mỹ, châu Âu, và vùng Thái Bình Dương vào trong phương trình.

Đối mặt với vấn đề to lớn này, đứng trên bình diện ngoại giao, có lẽ chính quyền Clinton sẽ không thể bỏ qua những bài học sau đây, như Daniel Yankelovitch đã liệt kê trong bài viết đăng trên tạp chí *Foreign Affairs*, số mùa Thu 92 (3) :

– Là một siêu cường, Mỹ sẽ phải gánh vác một cách tương xứng trọng trách của một siêu cường. Nước Mỹ không thể thoái thác những trách nhiệm của mình trong các bang giao quốc tế. Đồng thời, trong thế giới còn đầy hiểm trở như hiện nay, Mỹ cũng không thể có cách hành xử kiểu người hùng đơn thương độc mã, bất kể bè bạn, đồng minh của mình.

– Cắt đứt quan hệ với các nước khác, chỉ vì Mỹ không ưa hoặc không đồng tình với chính sách của các nước ấy là hành động thiếu thực tế.

– Việc thúc đẩy dân chủ và kinh tế thị trường ở các nước khác vẫn còn phù hợp với quyền lợi thực tế và lý tưởng của Mỹ.

– Trong một thế giới bất ổn và khó lường trước, Mỹ vẫn cần phải vững mạnh về mặt quân sự.

Ngay trong vấn đề quảng bá và hỗ trợ dân chủ, chính phủ mới cũng phải ý thức rằng ưu tiên cao vẫn phải dành cho các quyền lợi về kinh tế của Hoa Kỳ ; và do đó, đường lối ngoại giao cũng sẽ phải từ bỏ lối mòn ý thức hệ biểu hiện qua các dính líu mang tính chất chống cộng hoặc thân dân chủ (pro-democracy). Điều này có một ý nghĩa thật đặc biệt đối với liên danh Clinton - Gore và ê-kíp, vì đây là thế hệ lãnh đạo cao cấp đầu tiên ở tuổi 40 của Mỹ. Họ thay thế những người lính già

sau cùng (?) trở về từ Thế chiến thứ hai và một thời mái mè theo đuổi cuộc chiến tranh lạnh sau đó.

Về ngoại giao, đã đành rằng rất có khả năng một số đối thay có tính chất bao trùm và cấp tiến sẽ tác động sâu rộng đến nhiều lãnh vực khác, sự nhất quán và liên tục của đường lối ngoại giao của một nước – thay vì một chính phủ – đòi hỏi chính phủ mới phải thận trọng trong việc kế tục hoặc thay đổi, chuyển hướng những gì đã được giao kết, thoả thuận với các quốc gia hoặc tổ chức trên thế giới. Tổng thống đắc cử Clinton, trong một thông điệp ngắn phổ biến ngày 4.11.92 cũng đã làm rõ điều này.

Clinton và lộ trình dẫn tới quan hệ bình thường Việt - Mỹ

Có một vấn đề thật ra rất thú yếu trong bản danh sách dài những việc cần quan tâm của tổng thống đắc cử Clinton, nhưng nó lại thiết thân với phần đông người Việt chúng ta : ông Clinton sẽ hành xử ra sao đối với các bước còn lại của lộ trình (road map) dẫn tới một quan hệ bình thường giữa hai nước Việt Nam và Hoa Kỳ ?

Gần đây thôi, sau khi chính quyền Mỹ công bố số tài liệu hình ảnh và những thoả thuận mới của Việt Nam trong việc giải quyết vấn đề lính Mỹ mất tích trong chiến tranh ở Việt Nam, tuyên bố lạc quan về triển vọng bình thường hoá quan hệ Mỹ - Việt của ông Bush - tổng thống đã mang lại cho một số người Mỹ, kể cả nhiều người Mỹ gốc Việt, hi vọng nhìn thấy một trang sử được lật qua. Nhưng nó cũng làm một số người Mỹ gốc Việt ủng hộ ông bất bình. Thậm chí có người còn dọa thôi ủng hộ ông Bush - ứng cử viên (*Los Angeles Times* 23.10.92) !

Đúng là dư luận và tin tức cho thấy giới doanh thương Mỹ, và ngay cả chính quyền Hà Nội, tin rằng chính ông Bush mới có nhiều lợi thế và khả năng xúc tiến nhanh các bước kế tiếp của lộ trình (chấm dứt cấm vận và lập lại bang giao) hơn tổng thống Clinton. Kèm theo đó, ứng cử viên Clinton lại tiếp tục đưa ra điều kiện nhân quyền trong quan hệ với các nước, cụ thể là Trung Quốc, Cuba và Việt Nam.

Nhưng tác dụng của việc đặt điều kiện cho quan hệ ngoại giao Mỹ - Việt thật ra chẳng là bao. Trong ê-kíp của Clinton không thiếu những người chủ trương tách biệt ngoại giao giữa hai nước ra khỏi vấn đề ủng hộ hoặc đồng tình với thể chế của quốc gia có quan hệ với Mỹ. Và ngay chính Clinton, để dọn đường cho khi vào hành động không lâm vào cảnh “ há miệng mắc quai ”, đã nói nước đôi trong nhiều trường hợp. Tạp chí *Far Easter Economic Review* ngày 11.11.92 đã dẫn ra một thí dụ khá tiêu biểu :

Một mặt, biểu đồng tình với các dân biểu đảng Dân chủ, Clinton cho rằng ông Bush cần phải cột vấn đề nhân quyền vào việc Hoa Kỳ cho Trung Quốc hưởng quyền lợi của chế độ tối huệ quốc (most favoured nation) ; Mặt khác, trong một diễn văn hồi tháng 10.92, dù vẫn tiếp tục lên án chính sách đàn áp chính trị của Bắc Kinh, ông Clinton lại nói thêm : “ Tôi không muốn cô lập Trung Quốc. Có rất nhiều điều đáng trân phục trong các tiến bộ phi thường ở nước này... ”

Vấn đề nhân quyền và dân chủ vẫn là lá bài Mỹ còn dùng được trong khi mặc cả với các chế độ toàn trị trên thế giới, bất kể bạn, thù, hoặc nay-thù-mai-bạn . (Trở trêu hơn nữa là chính các chính phủ bị công kích, chứ không ai khác, đã cung cấp cơ hội cho Mỹ dùng lá bài này với họ)..

Nhưng, đạo lý không nhất thiết là yếu tính nội tại của nền ngoại giao Hoa Kỳ từ khi lập quốc. Ưu tiên vẫn phải dành cho quyền lợi kinh tế, đôi khi có tầm quan trọng chiến lược !

Mà trên bình diện này, trong vấn đề Việt Nam, Mỹ không thể không quan tâm đến tin chính phủ Nhật gần đây đã chính thức tái lập viện trợ cho Việt Nam, mở rộng hơn nữa con đường cho giới kỹ nghệ và tài chính Nhật vào Việt Nam. Tiếp tục cấm vận, Mỹ đâm ra lẻ loi hơn trong một nỗ lực mang nhiều tâm lý thù hằn hơn là luận lý của mình đối với đối thủ cũ, như ký giả William Branigin đã phân tích (4). Nếu đặt một nước Việt Nam với 70 triệu dân trong bối cảnh một Khu vực mậu dịch tự do của châu Á (Asian Free Trade Area), như một vài chính phủ trong khu vực đang đề xướng, và trong đó lại vắng mặt Hoa Kỳ, thì những người làm chiến lược kinh tế toàn cầu ở Nhà Trắng trong giai đoạn sắp tới sẽ phải nhìn vấn đề quan hệ với Việt Nam dưới một góc cạnh rất khác.

Ông Bush đã để lại cho Clinton một trật tự thế giới mới khá là nhốn nháo, trong đó uy thế siêu cường kinh tế của Mỹ gần như tan vỡ. Nếu tổng thống đắc cử Clinton chịu lắng nghe những cố vấn kinh tế của ông ta và dư luận thế giới, ông sẽ chấp nhận quan điểm theo đó nền kinh tế nội địa Hoa Kỳ chỉ có thể phát triển cùng với một nền kinh tế thế giới lành mạnh, trong đó Mỹ nắm giữ một vai trò quan trọng và tích cực (5).

Tóm lại, vấn đề Việt Nam cũng sẽ được giải quyết dựa trên một phương trình kinh tế, hoặc thời thượng hơn, dựa trên sách lược An ninh kinh tế quốc gia của Mỹ. Sự quan trọng (hoặc không quan trọng) của Việt Nam, đặt trong bối cảnh khu vực vùng ven Thái Bình Dương (Pacific rim), sẽ được cân đo theo tầm nhìn như thế. Dọc đường, lá cờ dân chủ và nhân quyền có thi thoảng được bộ ngoại giao Mỹ phe phẩy hay xếp xó cũng chỉ là vấn đề chiến thuật mà thôi.

Nói cho cùng, đó cũng chẳng có gì đáng trách hay ngạc nhiên. Bởi lẽ, dân chủ hoá một xã hội là một quá trình dài lâu, không phải là một nhãn hiệu, do một cường quốc gán vào hay gỡ ra tùy tiện. Đồng thời, mối bận tâm và trách nhiệm dành lấy quyền sống và điều kiện sống không nằm ở đâu khác hơn là ngay trong tâm và lực của mấy chục triệu con người Việt Nam đang sống, phấn đấu, và hi vọng ngay trên chính quê hương họ. Trong một thế giới bình thường, các mối quan hệ bình thường với các nước sẽ giúp mở nhiều cánh cửa cho người dân Việt Nam, để họ nhìn ra và với tới thời đại của mình.

Nguyễn Lộc
Tháng 11.1992

(1) Bảy tổ chức công nghiệp công nghệ (technology industries), trong thư đề ngày 5.10.92 gửi các ứng cử viên tổng thống Bush và Clinton, đã khẳng định : " Chúng tôi tin rằng Hoa Kỳ cần có một kế hoạch chiến lược quốc gia - một chính sách về lãnh đạo công nghệ (technology leadership) - để thúc đẩy khả năng cạnh tranh của các ngành công nghiệp công nghệ của (Hoa Kỳ) trên toàn thế giới ". (Electronic Engineering Times 19.10.92)

(2) Đây là một vấn đề được bàn cãi khá dài lâu trong nhiều giới ở Mỹ. Xem Dismantling the Cold War Economy của Ann Markusen và Joel Yudken, Basic Books xuất bản tháng 4.1992. Một trích đoạn của sách này được đăng trong Technology Review, 4.1992 với nhan đề " Building A New Economic Order ".

(Xem tiếp trang 17)

Trong suốt bốn mươi năm, trước khi cuộc " cách mạng Nhung " thành công, theo Vaclav Havel, phần lớn dân Tiệp Khắc đã chờ đợi tự do với niềm tuyệt vọng, cũng giống như Estragon và Vladimir, hai nhân vật của vở kịch " Trong khi chờ Godot " (En attendant Godot) của Samuel Beckett.

" Bị bao vây, kèm kẹp, thuộc địa hoá từ bên trong bởi hệ thống toàn trị, những cá nhân mất hết hy vọng tìm ra lối thoát, ý chí hành động và ngay cả cảm tưởng có thể hành động " (1). Cái khủng khiếp nhất của chủ nghĩa toàn trị (totalitarisme) là nó biến mọi người, bằng cách tạo ra sợ hãi và nghi kỵ, thành những ốc đảo, những nguyên tử cô lập và, do đó, không thể nào hành động được trên bình diện chính trị. Thật vậy, làm sao có thể hành động được khi người ta sợ hãi và nhất là không tin nhau ?

Bất lực, con người trở nên tuyệt vọng và chỉ còn biết chờ đợi cứu tinh, một thứ Godot (God / thượng đế ?) thực ra chỉ là ảo tưởng, một miếng giẻ dùi để vá một tâm hồn rách , nhưng chính nó cũng đầy những lỗ.

" Godot sẽ không đến, chỉ vì không hiện hữu ".

Sự chờ đợi của những người tạm gọi là " ly khai ", trái lại, được thúc đẩy bởi niềm tin là phải đề kháng bằng cách nói lên sự thật, vì đó là vấn đề nguyên tắc, chứ không cần tính toán để biết sự dẫn thân đó một ngày kia sẽ đơm hoa kết trái hay sẽ hoài công thôi, sự thật đó sẽ thắng lợi hay, thêm một lần nữa, sẽ bị bóp nghẹt : " lại nói lên sự thật tự nó đã có ý nghĩa rồi, dù đó chỉ là ý nghĩa của một lỗ hồng phá ra trong bức tường của sự láo khoét toàn diện ". Sự chờ đợi nói trên còn được " gọi hứng bởi sự tin chắc là hạt giống đã gieo một ngày kia sẽ nảy mầm và bén rễ. Không ai biết được là lúc nào. Có thể là cho các thế hệ tương lai ".

" Thái độ này đã dạy chúng tôi biết kiên nhẫn " và " biết chờ đợi : chờ đợi như là sự kiên nhẫn. Chờ đợi như là trạng thái hy vọng chứ không phải như là biểu hiện của sự tuyệt vọng ".

Chờ đợi hạt giống nảy mầm hoàn toàn khác với " chờ đợi Godot " vì chờ đợi Godot có nghĩa là chờ đợi cây huệ mà mình chẳng bao giờ trông sẽ nở hoa.

Để tránh ngộ nhận, Vaclav Havel cũng nói rõ thêm rằng : ranh giới giữa những người chờ đợi Godot và những người ly khai thực ra không rõ rệt, mọi người đều có lúc chờ đợi và có lúc ly khai, kiên nhẫn gieo hạt. Qua khẳng định đó, thêm một lần nữa, ta thấy tính cách hiền giả (sage) của Havel : ông không muốn biến những người ly khai và ngay chính ông ta thành những bậc anh hùng hay những con người thép bao giờ cũng kiên định trước bạo lực, cường quyền và không hề biết đến tuyệt vọng.

Dù đã quen nếm nại chờ đợi và nhờ thế thấu rõ ý nghĩa sâu xa của nó, Havel thú nhận là trong ba năm qua, với tư cách là tổng thống Tiệp Khắc, ông đã trở nên nôn nóng đến gần như tuyệt vọng.

" Tôi đã tự dẫn dắt mình khi nghĩ rằng những biến đổi đã tiến quá chậm, rằng nước tôi vẫn chưa có một hiến pháp mới thực sự dân chủ, rằng dân Tiệp và dân Xiô-va-ki đã không thể thoả thuận sống chung với nhau trong cùng một nước, rằng chúng tôi đã tiến không đủ nhanh đến gần thế giới dân chủ phương tây và những cơ cấu của nó, rằng chúng tôi đã loại bỏ

HAVEL : chờ đợi và gieo hạt

quá chậm những tàn dư của chế độ cũ và của tất cả sự tàn phá của nó về tinh thần".

Tháng sáu vừa rồi, Vaclav Havel đã từ chức tổng thống nên ông có dịp lùi lại để nghiền ngẫm về ba mươi tháng cầm quyền của mình.

Theo Havel, sở dĩ có sự nóng vội đó là vì ông chưa chịu thừa nhận rằng " chính trị là một quá trình không có kết thúc ; như Lịch sử nó chẳng bao giờ cho phép ta nói : một cái gì đó đã xong, đã hoàn thành, đã chấm dứt ". Đây là một nhận định rất quan trọng. Bởi vì chính trị cũng như Lịch sử là một quá trình không có kết thúc, nên không cuộc đấu tranh nào sẽ là " cuộc đấu tranh cuối cùng " (*lutte finale*) cả ! Chính vì tin ở một cuộc đấu tranh cuối cùng, mà hàng triệu con người, lắm khi vô cùng lý tưởng và hào hiệp, đã chấp nhận hy sinh ngay cả mạng sống của mình nhằm xây dựng một thiên đường trần thế vĩnh cửu cho nhân loại. Bi đát hơn : chính vì nhân danh cuộc đấu tranh cuối cùng, mà một số nhà lãnh đạo đã gây ra biết bao tang tóc điêu linh ! Havel can đảm thừa nhận : sai lầm lớn nhất của ông — và có lẽ của hầu hết các nhà lãnh đạo tối cao — là đã tin rằng mình làm chủ tuyệt đối thực tại và có thể hoàn thiện thực tại đó theo một công thức có sẵn và có thể ứng dụng ngay tức khắc vì thời gian thuộc về ông.

" Thế mà thế giới, Hữu thể và Lịch sử bị chi phối bởi thời gian của chính nó, trong đó đúng là chúng ta có thể can thiệp một cách sáng tạo nhưng không ai có thể làm chủ một cách hoàn toàn. Thế giới và Hữu thể không mù quáng tuân theo mệnh lệnh của một nhà kỹ trị hay của một kỹ thuật gia về chính trị, chúng không phải ở đó để thực hiện các dự đoán của họ".

" Thế giới không phải là một ô chữ trong đó sẽ chỉ có một giải pháp duy nhất đúng — tự gọi là khách quan — cho một vấn đề".

Nghĩ về sự nôn nóng chính trị của mình, Havel cho rằng các nhà chính trị hiện nay và tương lai — mà ông gọi là " các nhà chính trị hậu-hiện đại " — " cần học cách chờ đợi theo nghĩa tốt nhất và sâu sắc nhất của nó ". " Sự chờ đợi đó phải diễn dịch một sự kính trọng nào đó đối với sự vận hành nội tại và sự trải ra của Hữu thể, đối với bản chất, sự tồn tại và tính năng động tự chủ (*autonome*) của các sự vật luôn luôn kháng cự lại sự thao túng bằng bạo lực ; sự chờ đợi này phải dựa trên ý muốn cho mỗi hiện tượng quyền tự do biểu lộ nền tảng và bản thể của chính nó. Cách ứng xử của nhà chính trị hậu-hiện đại phải phát xuất từ cái nhìn cá nhân chứ không phải từ sự phân tích không có bản sắc (*impersonnel*). Thay vì dựa trên sự kiêu ngạo, nó phải được nuôi dưỡng bằng sự nhún nhường (*humilité*)".

Từ những nhận định nói trên, Havel chống lại những nhà không tưởng muốn xây dựng lại thế giới từ nền đến mái hay, theo một khẩu hiệu cách mạng khá phổ biến ở Việt Nam cách đây chừng mười năm, muốn " thay trời đổi đất, sắp đặt lại

giang sơn ", rốt cuộc chỉ gây ra những đổ nát, hoang tàn, đau khổ... Ông cũng chống lại chủ nghĩa duy lý, vì theo ông " lý trí khi tự phong cho mình làm động lực chính của mọi hành động chính trị, chỉ có thể đưa đến bạo lực ". Ông cho rằng " không những phải cất nghĩa thế giới mà còn phải hiểu nó nữa " hay nói khác đi, " cần phải lắng nghe bản nhạc đa âm (*polyphonie*) của những thông điệp thường mâu thuẫn của cuộc đời. Miêu tả bằng từ ngữ khoa học cơ chế của các sự vật và các hiện tượng thôi chưa đủ, mà còn phải cảm nhận chúng trong chính tâm hồn chúng".

Đôi khi ta tự hỏi phải chăng sự phá sản của chủ nghĩa xã hội đã bắt đầu ngay từ cuối thế kỷ thứ XIX, khi chủ nghĩa này tự cho mình là " khoa học " : có lẽ đó là nguồn gốc sâu xa nhất của chủ nghĩa giáo điều, một trong những trở lực chính đã làm cho các nhà lý luận mác-xít, đặc biệt trong các nước do đảng cộng sản lãnh đạo, không phân tích một cách khách quan những biến đổi sâu sắc của chủ nghĩa tư bản để rút ra những bài học và thích nghi kịp thời. J. Schumpeter đã vô cùng có lý khi nhấn mạnh đến tầm quan trọng của sự cách tân (*innovation*).

Havel kinh hoàng nhận ra rằng sự nóng vội của mình trong việc lập lại dân chủ ở Tiệp Khắc có chút chi cộng sản hay, khái quát hơn, có chút chi duy lý : " tôi đã muốn làm cho Lịch sử tiến tới theo cách đũa bẻ kéo mạnh cây để nó lớn nhanh ". Có thể nói một trong những nguyên nhân chính khác của sự thất bại của chủ nghĩa xã hội hiện thực là chủ trương đốt giai đoạn bất mọi hiện tượng thiên nhiên, kinh tế, xã hội, văn hoá phải tuân theo lịch hành động của riêng mình. Ở Việt Nam, chủ trương này được biểu hiện rõ ràng nhất trong luận điểm nổi tiếng của Đại hội IV : tiến lên chủ nghĩa xã hội không thông qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Tóm lại, từ những kinh nghiệm của thời kỳ ly khai cũng như của ba mươi tháng cầm quyền, Vaclav Havel đã rút ra bài học cơ bản sau đây : " cần phải học chờ đợi như người ta học sáng tạo. Phải kiên nhẫn gieo hạt, chuyên cần tưới đất đã gieo và cho cây sống theo thời gian của nó ", " với sự thông cảm, nhún nhường đã đành, nhưng cũng với tình yêu thương ". Đó là bài học nhân bản của một bậc hiền giả có lối nói đôn hậu và thâm trầm : ông không dao to búa lớn, không lên án, khinh thị một cách bất công và nhất là không bao giờ có ý muốn báo thù. Những suy nghĩ của ông đáng cho chúng ta trân trọng tiếp thu và nghiền ngẫm vì bản thân ông đã tránh được cái vòng luẩn quẩn oan nghiệt thường gặp trong lịch sử : các nhà giải phóng trở thành những người đàn áp và cứ thế tiếp tục cho đến muôn đời !

Nguyễn Trọng Nghĩa

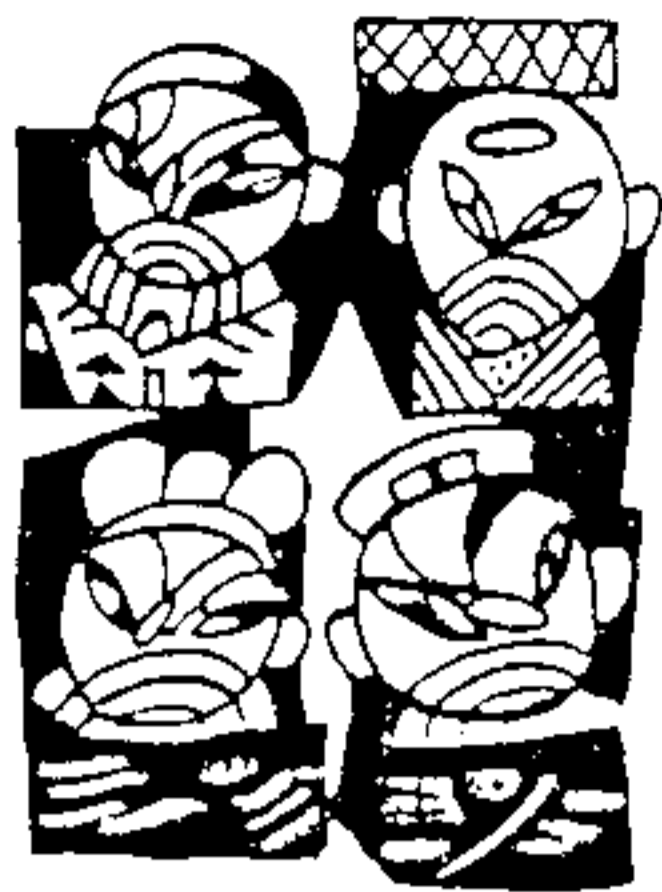
(1) Tất cả những trích dẫn trong bài này đều rút ra từ diễn văn của Vaclav Havel đọc trước Viện Hàn lâm khoa học luân lý và chính trị của Pháp ngày 27-10-1992 (xem *Le Monde* số đề ngày 29-10-92)

Chuyện

nói với

những

người bạn



bùi mộng hùng

Cơn lốc lịch sử suốt mấy thập kỷ vừa tạm lắng, người Việt nhìn lại nhau, đáy mắt còn đọng ngơ ngác. Biết bao phiêu bạt, trong không gian, trong tâm tư.

Từ trong nước, từ nhiều nơi khắp năm châu, vang vọng những tiếng nói thật khác nhau, khác quan điểm, khác lập luận, khác phong cách. Nhưng cùng một thiết tha với tương lai đất nước, dân tộc. Tiếng lòng của những người không hẹn mà cùng nhắm tới một mục đích, những kẻ đồng hành – có người đã ý thức rõ rệt và cũng có người chưa ý thức được sự kiện này – trên đoạn đường còn lắm cam go. Những người đồng hội mà chẳng đồng thuyền này nhiều khi nhìn nhau xa lạ nếu không là nghi kỵ hay hằn học. Mênh mông xa cách ở trong lòng mỗi người. Một khoảng cách bắt nguồn sâu xa từ nơi sinh thành mà nào ai được chọn lựa, từ những nhồi dập bất trắc của sóng gió thời cuộc, từ chuỗi hành trình của mỗi cá nhân, lên đênh chiếc bách giữa bão táp lịch sử. Bước đầu tìm hiểu nhau có lẽ là ở thái độ, trước hết là thái độ tinh thần mình đối với chính mình.

Quá khứ, nhớ và quên

Có thái độ “muốn xóa bỏ quá khứ” (1). Thật là rộng rãi và cởi mở. Nhưng thành thực mà xét, có ai thoát khỏi quá khứ, nếu không tự đối mình? Người Việt nào có thể quên được những sự kiện mà bản thân đã sống và đã trải qua trong những năm đầu sôi lửa bỏng của dân tộc, đất nước? Hơi thở còn thì còn ghi nhớ những sự kiện, những năm tháng không thể nào quên mà thời thế đã – dù muốn hay không – đưa đẩy cho phải dẫn thân. Chấp nhận hay từ chối vào cuộc cũng đầy bất trắc như nhau.

Đúng là đã sống làm sao thì trí nhớ ghi làm vậy, tuy nhiên ý nghĩa của các sự kiện quá khứ, tâm trí luôn luôn xét lại, qua lăng kính của những bài học mà cuộc sống không ngừng dạy cho, qua lăng kính của giây phút hiện tại. Những thành tựu, những thất bại, những điều làm phải, những việc sai quấy, những lỗi lầm của một cá nhân, nếu được nhìn lại với một khoảng cách nào đó, tất cả đều là yếu tố làm phong phú thêm cho nhân cách và khả năng của cá nhân đó.

Quá khứ không thể quên và cũng không nên quên. Chỉ

xin bình tâm nhìn lại quá khứ của chính mình gồm tất cả những niềm tin, tất cả điều phải, điều trái. Để thanh thản tự chấp nhận lấy chính mình. Biết mình – không tự ti và cũng không tự tôn – thì hiểu người, chấp nhận được người khác với quá khứ, với niềm tin của họ, một cách thanh thản.

Suốt một thời gian dài mỗi người dân Việt Nam đã phải sống sôi động bằng năm bằng mười đời sống bình thường. Kinh nghiệm sống phong phú của mấy chục triệu con người này có cùng hướng được vào công cuộc xây dựng cho đất nước, để cho dân tộc được phát triển, được tự do hay chẳng, phần nào cũng tùy thuộc lòng mỗi người có được thanh thản với chính mình hay không.

Những sự kiện lịch sử, chủ quan và khách quan

Thái độ đối với mình, với người thật ra không thể tách rời thái độ đối với lịch sử.

Phút giây lịch sử đang sống còn vô định, ai người biết được sẽ về đâu. Mà lịch sử trong giai đoạn vừa qua lại rối như mớ bòng bong.

Tuy nhiên, sẽ không hiểu được lịch sử Việt Nam trong khoảng thời gian ấy nếu không đánh giá đúng mức cái ý chí thiết tha và sắt đá của dân tộc vươn lên giành lấy chủ quyền của mình. Như một lần chỉ xuyên suốt từ đầu đến cuối.

Cái ý chí của một dân tộc bị trị đem hết sức mình vùng vẫy để thoát khỏi ách nô lệ, thế hệ này vừa ngã xuống thế hệ sau đã đứng lên, mà chỉ thấy thất bại, liên tiếp thất bại hết đợt này đến đợt khác. Sức mòn, lực kiệt mà trào lưu chính trị nào trên thế giới doái hoai? Phải thấy sự kiện lịch sử đó mới hiểu được tâm tư những thế hệ mà độc lập, thống nhất là những mục tiêu chưa đạt. Có thể mới hiểu được ý của một Phan Bội Châu, hy sinh bốn ba lặn lội cho độc lập đất nước mà đến cuối đời mục tiêu vẫn vờ vợi: “*cốt nhằm mục đích giành được thắng lợi trong phút cuối cùng, dù có phải thay đổi thủ đoạn phương châm cũng không ngần ngại*” (2). Phải ghi nhớ thái độ của các cường quốc tư bản đã dồn dân thuộc địa vào cái thế cô lập gần như vô vọng mới hiểu nổi vui mừng phấn khởi của cụ Phan, như của bao người khác mà tâm trí chỉ nghĩ tới quốc gia dân tộc, khi cách mạng tháng 10 ở Nga thành công, chói lọi chẳng khác ngọn đuốc bùng lên soi một kỷ nguyên mới:

Lao nông Nga quốc là thầy

Cờ hồng phất phới gió bay toàn cầu (3)

Chính trị là gì nếu không là nghệ thuật thực hiện mục tiêu dù cho thời thế có éo le đến đâu đi nữa. Những thế lực quốc tế phân cực thế giới làm hai phe đối lập, sức mạnh của các cường quốc Pháp, Nhật, của Trung Quốc to lớn, là những sự kiện áp đảo. Nào phải vì thế mà là không sáng sửa cái hướng mà một nhà cách mạng quốc gia lão thành như cụ Phan thấy cần phải đi theo, với những liên minh xem như là tất yếu:

Giúp ta sẵn có thợ thuyền Nga - Hoa

Lao động Pháp nghe ta đứng dậy

Hắn nách dùi cạy gậy đứng ngay (4)

Và chắc chắn là lý tưởng tự do cho dân tộc, thống nhất cho đất nước trong sáng ngời ngời gấp bội lý tưởng xã hội chủ nghĩa trong lòng đại đa số chiến sĩ lúc ngã xuống. Bằng cứ rành rành. Khi độc lập, thống nhất là mục tiêu, người Việt đã không quản ngại hy sinh dù phải trả giá bằng xương bằng máu của chính mình. Đến khi phải xây dựng xã hội chủ nghĩa hiện thực, yêu cầu của Đảng cộng sản Việt Nam đem so với

những hy sinh tốt cùng trong thời chiến tranh nào đã có là bao, thế mà người dân cứ ý ra, chính quyền nói thì cứ nói, việc ta ta cứ làm !

Chính nhờ những hy sinh không bờ bến cho lý tưởng của cả một dân tộc mà cái mục tiêu với với đối với các thế hệ nối tiếp nhau suốt trăm năm ở Việt Nam đã thành hiện thực. Việt Nam độc lập và thống nhất. Cho những ai ngày nay có điều kiện làm học giả không thật phải dấn thân giữa các thế lực chính trị áp đảo và hung bạo, nghĩ rằng hành động chính trị chẳng khác gì ngồi sau bàn giấy mà điều động ý kiến của chính mình trên giấy trắng mực đen, và mặc nhiên dút khoát phê phán như đinh đóng cột.

Tranh chấp giữa các ý thức hệ tư bản chủ nghĩa, xã hội chủ nghĩa bao trùm không khí chính trị thế giới, nhưng đối với người Việt, giải phóng đất nước là chính yếu, trong tâm tư mỗi người, trong mục tiêu Cách mạng tháng tám, trong cương lĩnh Mặt trận giải phóng miền Nam.

Khách quan mà nói, chủ tịch Hồ Chí Minh quả đã tận lực thương thuyết để tránh chiến tranh và đã có những hành động mà nếu được đáp ứng có thể đã tránh cho đất nước rơi vào tranh chấp ý thức hệ : Tháng 8 và tháng 9 năm 1945 khi cách mạng đã làm chủ thủ đô Hà Nội, Hồ Chí Minh gửi cho tổng thống Hoa Kỳ Truman thông qua cơ quan OSS (Office of Strategic Survey, tiền thân của CIA) bản thỉnh cầu cho Việt Nam được hưởng qui chế tương tự như của Phi Luật Tân, được tiến dần tới độc lập sau một thời gian chịu chế độ bảo trợ. Và sau đó từ tháng 10. 1945 đến tháng 12. 1946 còn viết ít ra cũng là 8 bức thư cho tổng thống Truman hoặc cho bộ trưởng ngoại giao Hoa Kỳ chính thức yêu cầu Hoa Kỳ và Liên Hợp Quốc can thiệp. Nhưng Hoa Kỳ giữ im lặng không trả lời, mặc nhiên chấp nhận quan điểm của thực dân Pháp (5).

Sau đó khi đã bị dồn vào thế phải chấp nhận chiến tranh, suốt mấy năm trường, cho đến tận 1949-50 sự kiện lịch sử là không có sự giúp đỡ của Liên Xô và Trung Quốc cho Việt Nam. Sự kiện này có thể kiểm chứng từ nhiều nguồn khác nhau, như kết luận báo cáo của Sở tình báo bộ Ngoại giao Hoa Kỳ năm 1948 : “ không tìm thấy một chứng cứ vững chắc nào về việc Hồ Chí Minh hiện nay nhận lệnh ở Moscow ” (6).

Sự kiện lịch sử là sau hiệp định Genève nhân dân Việt Nam ở khắp nơi, cũng như chính quyền nước Việt Nam dân chủ cộng hòa miền Bắc chờ ngày thống nhất đất nước một cách hòa bình. Hiệp định Genève nhìn nhận lãnh thổ Việt Nam là một và qui định rõ ràng ngày tổng tuyển cử để nhân dân Việt Nam được tự do phát biểu ý kiến của mình.

Cũng là sự kiện lịch sử, chính sách Hoa Kỳ ngoài miệng nói tôn trọng hiệp định Genève mà chủ trương hành động phá hoại ngay từ những ngày đầu như cho thấy rõ bản báo cáo về công tác mật của nhóm do đại tá E.G. Lansdale chỉ huy (7).

Chính quyền Hoa Kỳ ý thức việc “ Người ta thường chấp nhận rằng trong trường hợp có tổng tuyển cử Hồ Chí Minh sẽ đắc cử thủ tướng ” (8). Và tinh thần chính sách của Hoa Kỳ hiện rõ trong một thông điệp mật của bộ trưởng ngoại giao Foster Dulles gửi cho thứ trưởng Walter Bedell Smith : “ Chắc chắn là nếu tuyển cử mà xảy ra thì có khả năng đưa đến sự thống nhất Việt Nam dưới quyền của Hồ Chí Minh. Vậy điều tối quan trọng là phải hoãn cuộc tuyển cử lại được lâu chừng nào tốt chừng ấy...” (9).

Và cũng là sự kiện lịch sử, khi các cán bộ ở lại miền Nam không chịu nổi chính sách đàn áp của tổng thống Ngô Đình

Diệm, đành vi phạm chỉ thị cấm bạo động của cấp trên, vũ trang nổi dậy ở nhiều nơi, gửi phái đoàn từ Nam lặn lội vượt Trường Sơn ra Bắc tha thiết khẩn cầu, chính quyền Việt Nam dân chủ cộng hòa vẫn ngần ngại. Phải mãi đến hội nghị thứ 15 Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt Nam vào tháng 5 năm 1959 mới có nghị quyết chính thức quyết định chiến đấu vũ trang, và đó mới thật là điểm khởi đầu sự can thiệp vào miền Nam của Việt Nam dân chủ cộng hòa (10). Một quyết định chẳng được Liên Xô, Trung Quốc và đảng cộng sản Pháp mấy đồng tình vì tiềm tàng nguy cơ trượt thành thế chiến.

Nếu tính cách giải phóng dân tộc đậm nét trong chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất thì trong chiến tranh Đông Dương lần thứ hai, những sự kiện lịch sử trình bày ở trên, thêm sự kiện khách quan, mà đây cũng là kết luận của nhà phân tích “ Hồ sơ Ngũ giác đài ” – một công chức Hoa Kỳ được bảo đảm không tiết lộ tên họ để cho việc làm được vô tư – chế độ Việt Nam cộng hòa của tổng thống Ngô Đình Diệm căn bản là do Hoa Kỳ dựng lên, và không có Hoa Kỳ thì chế độ và miền Nam độc lập không sao đứng nổi từ ngay những năm đầu (11), thêm sự kiện binh lính Hoa Kỳ và đồng minh càng ngày càng đông, hàng nửa triệu người trực tiếp tham chiến, bắn giết tràn lan người dân vô can, thêm sự kiện thay đổi nguyên thủ quốc gia cũng có ý kiến Hoa Kỳ chuẩn y, tất cả hội tụ nói lên tính chất chiến tranh giải phóng dân tộc .

Tuy nhiên ngay trong chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất, khi mà thắng lợi quân sự và chính trị của cách mạng buộc chính quyền Pháp phải trao cho lá bài Bảo Đại danh nghĩa “ độc lập ” trống rỗng nội dung thì đã có những sự kiện không thể chối cãi. Đơn cử ví dụ sự có mặt của 800 người Việt trong số 2 200 chiến sĩ tình nguyện nhảy dù xuống thung lũng Điện Biên khi nơi này đã trở thành một địa ngục trần gian, và khi tình hình tuyệt vọng, lúc 17 giờ 30 ngày 6 tháng 5, nghĩa là chỉ 18 giờ đồng hồ trước khi trận đánh kết thúc, một nhóm 94 người trong đó có nhiều chiến sĩ Việt Nam tình nguyện nhảy xuống nơi như cầm chắc cái chết trong tay. Nhận xét của một sĩ quan Pháp thật chí lý : “ Gọt những con người ấy là lính đánh thuê thì quá dễ, có điều trên thế gian này làm gì có đủ tiền của trả cho một ai cái giá những gì đang chờ đợi người ấy trong thung lũng ” (12).

Chính sự kiện cả hai bên chiến tuyến đều có những con dân Việt Nam tin là chân lý về phía mình không ngại hy sinh tính mạng cho lý tưởng đó là yếu tố xác định tính chất nội chiến. Càng đến những năm về cuối chiến cuộc, yếu tố nội chiến càng đậm nét. Và sau 1975 khi chiến tranh đã chấm dứt, chính sách khắt khe kỳ thị, không chút hòa hợp và hòa giải dân tộc của những người cầm quyền, làm cho lòng người tràn ngập cảm nhận nội chiến.

Tuy nhiên nếu tấm lòng nhiệt thành và những xúc động sâu xa của nghệ sĩ làm cho Dương Thu Hương (13) chỉ nhìn khía cạnh nội chiến còn có chỗ hiểu được, đến như Thế Uyên trong một bài có tính cách lý luận cố tình giản lược một cuộc chiến vô cùng phức tạp và đa diện thành còn một kích thước duy nhất, – nội chiến vì mù quáng tin theo hai ý thức hệ đối nghịch của Tây phương (14) – là không tôn trọng những sự kiện minh bạch trong các tư liệu mà một người ở ngoài nước thành tâm đi tìm sự thực có thể có được một cách dễ dàng.

Thái độ phiến diện chỉ thấy khía cạnh nội chiến cũng như thái độ phủ định mù quáng yếu tố nội chiến trong giai đoạn

lịch sử vừa qua đều không sát một thực tế vô cùng phức tạp.

Chỉ có thái độ tôn trọng tất cả các sự kiện lịch sử mới có thể giúp cho người Việt hiểu nhau hơn. Đó là bước đầu của hòa giải hòa hợp thật sự trong tôn trọng lẫn nhau, làm cơ sở bền vững cho công cuộc xây dựng một xã hội công bằng, tự do. Dĩ nhiên tôn trọng sự kiện lịch sử không có nghĩa là chỉ có một lối nhìn lịch sử duy nhất. Giải thích sự kiện lịch sử còn tùy thuộc quan điểm, triết lý... của mỗi ai tìm hiểu lịch sử một cách trung thực.

Dân tộc, sáng tạo và sáng tạo

" *Dân tộc ta thiếu sáng tạo* ". Đó là một khẳng định cần và nên thảo luận để ta hiểu ta hơn. Xin được không đi sâu vào vấn đề đó, mà chỉ xin nhắc nhở một đôi điều.

Nếu sáng tạo là tìm ra được giải pháp thích nghi với mỗi hoàn cảnh mỗi nhu cầu, thì dân tộc ta không ít sáng tạo.

Đất hẹp, mảnh ruộng méo mó manh mún lại nhiều khi dốc, phải nhìn nhận chiếc cày chìa vôi của ta là một sáng tạo thích nghi với những điều kiện cày bừa của ta.

Chịu ảnh hưởng Trung Quốc là thế mà vẫn giữ được ngôn ngữ dân tộc, tâm tình bằng những câu lục bát khác hẳn với thể thơ Trung Quốc là một sáng tạo.

Gần ngày nay hơn, thời buổi va chạm với văn minh phương Tây, nào phải chỉ có mỗi một cái phong trào âm ĩ của một số cậu ấm cô chiêu mà Thế Uyên⁽¹⁴⁾ gọi là " duy tân " (một điều đáng tiếc vì có thể gây lầm lẫn với phong trào duy tân do các nhà nho khoa bảng như các cụ Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu khởi xướng, kêu gọi từ bỏ lối từ chương khoa cử, học lấy cái học hiện đại bổ ích hơn). Ngày nay cái rởm nhất thời ấy còn mấy ai nhớ tới và ảnh hưởng còn gì. Trái lại cũng có những người trẻ cùng trang lứa ấy, tâm huyết và tài hoa, đã kết hợp những cái học được của phương Tây với văn hóa Đông phương, với vốn liếng dân tộc đem vào đời sống, nhuần nhuyễn đến nỗi ngày nay ta không mấy chú ý tới nữa. Nhưng nếu bình tâm mà xét lại, những Thế Lữ, những Nhất Linh, những Nguyễn Tuân, những Đào Duy Anh, những Phạm Quỳnh, những Nguyễn Phan Chánh, những Tô Ngọc Vân, những Văn Cao, những Vi Huyền Đắc, vân vân và vân vân...trong vòng một thời gian thật ngắn ngủi đã làm nở rộ một nền thơ mới tình tự cảm xúc mới lạ, những thể loại truyện, tiểu thuyết, những thể loại văn học mỗi ngày mỗi phong phú, những văn phong mới mẻ, và nào là hội họa, là nhạc, là kịch, cả một nền văn nghệ rộng mở những chân trời mới thêm vào các chân trời truyền thống đã có tự nghìn xưa. Và còn có những Hoàng Xuân Hãn tu tạo từ khoa học theo những nguyên tắc khác với Trung Hoa, với Nhật Bản, dùng đến ngày nay vẫn thấy giản tiện và tự nhiên, cần bản vì chúng đậm tính chất ngôn ngữ dân tộc.

Những thế hệ trưởng thành dưới nền đô hộ Pháp đã truyền lại một văn hóa có nhiều nét mới, lạ, hay, đẹp mà phong cách vẫn là phong cách Việt Nam. Để cho thế hệ ngày nay có thể bước vào những lĩnh vực văn hóa – mà một dân tộc hiện đại không thể không có – với những ngôn ngữ của chính mình. Không biết ai khác gọi các thành tựu ấy là gì, bản thân người cầm bút này, kẻ được thừa hưởng, chỉ biết bái phục những thế hệ đã sáng tạo ra được trong vòng một vài thập kỷ những công cụ cần bản để ngày nay có khả năng tiếp thu cái mới, mà dân tộc vẫn cứ tự nhiên là dân tộc.

Gần một trăm năm mất nước, vũ lược của tổ tiên " lấy

ngắn chống dài ", " lấy dân làm gốc " còn sót lại được gì trong người dân thuộc địa từ mấy đời chỉ biết khoanh tay cúi đầu, những kẻ mà các thực dân chủ nhân ông khinh là nhát là hèn, cho lính tập đi diễu một vòng là tan tác như lũ kiến đàn ong.

Khi đã bị dồn vào thế phải chấp nhận chiến đấu với một kẻ địch vũ khí hiện đại gấp mười gấp trăm, trong những loạt tiếng súng đầu tiên nổ ran Hà Nội, có tiếng nổ của viên đạn bazooka, Trần Đại Nghĩa chế tạo tại Việt Nam. Vô sắt xe tăng cháy ra, xum xuống, chuyên gia vũ khí Pháp ngẩn ngơ. Lúc ấy Pháp chưa chế tạo loại đạn này, mới có Hoa Kỳ làm được mà thôi. Rồi ngày tàu chiến bọc sắt của Pháp thẳng tiến trên sông Lô, tưởng như không sức gì ngăn nổi, bỗng nhiên bốc cháy, chìm ngấm vì trúng trái phá súng cối 80 ly. Thời đó Liên Xô, Trung Quốc chưa giúp Việt Nam, súng cối 80 ly cũng Trần Đại Nghĩa sáng chế, nòng súng chỉ là thân bình chứa khí oxy tiện ngang. Dân thuộc địa biết sáng tạo vũ khí hiện đại từ hai bàn tay trắng.

Chiến thuật bắt chước được của ai ? Học ở đâu chiến thuật đoàn người thần nhiên và nhân nại băng núi rừng, dưới mưa bom thồ từ khắp nơi trên đất nước lương thực, đạn dược, đại bác, súng đạn cho bộ đội vây cái pháo đài mà ban tham mưu quân đội viễn chinh Pháp tin là bất khả xâm phạm ?

Ở vùng Đông Nam Á, không chỉ riêng một Việt Nam mới có phong trào nổi dậy do những người cộng sản lãnh đạo. Mã Lai, Phi Luật Tân, Nam Dương... nơi nào cũng có. Nhưng biết bao đã bị đàn áp, tan rã tiêu diệt. Xưa, tướng ngoài ngàn dặm còn được quyền không tuân lệnh vua. Ngày nay quả là phải coi tất cả những kẻ tài ba lỗi lạc nhất đương thời trong các ban tham mưu vận dụng của cải, vũ khí, khoa học kỹ thuật hiện đại của một đại cường quốc là ngu là đần, mới nghĩ rằng " *những thứ robot ...chỉ biết thi hành máy móc những chính sách đã được soạn thảo bởi người ngoài ...* " có thể đương đầu thắng lợi với sức mạnh và trí tuệ của siêu cường quốc đứng đầu thế giới.

Tinh thế Việt Nam khác hẳn Liên Xô và chiến tranh Việt Nam cũng không giống chiến tranh giải phóng Trung Quốc. Chiến lược đối ngoại hay đối nội đều không có tiền lệ.

Chủ trương đối ngoại của cách mạng Việt Nam xem bạn bè, anh em, cha mẹ, vợ con, tình nhân của những binh lính ngoại quốc đến đánh Việt Nam là đồng minh của mình. Một chính sách đã góp phần không nhỏ vào thắng lợi cuối cùng. Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất cũng như lần thứ hai chấm dứt một phần cũng vì nhân dân Pháp, nhân dân Mỹ, mỗi ngày mỗi đông hơn, ép chính quyền của họ phải ngưng một cuộc chiến mà họ cho là phi nghĩa.

Về đối nội Đảng cộng sản Việt Nam đã tạo được thế đứng của lực lượng tiêu biểu nhất cho hoài bão, cho lý tưởng độc lập, thống nhất của dân tộc. Nếu mục tiêu của cách mạng không được nhân dân xem là phù hợp với lý tưởng với lợi ích của dân tộc thì đã chẳng ai cam chịu hy sinh, dù xương máu cũng không từ. Những việc gì đã xảy ra cho công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa hiện thực – cũng do Đảng cộng sản lãnh đạo – như đã nói ở đoạn trên là bằng chứng xác minh cho sự thực này.

Nhân dân Việt Nam với sự lãnh đạo của Đảng cộng sản đã tìm ra giải pháp giành lại trên toàn thể đất nước chính quyền bị mất vào tay người nước ngoài từ một thế kỷ. Lịch sử sẽ phán xét đó có phải là giải pháp tối ưu hay chăng, cũng như những tội ác – thủ tiêu những người yêu nước như Tạ Thu

Thâu, như Phan Văn Hùm là một trong những tội ác đó.

Trong chiến tranh, tuyên truyền thổi phồng con ếch ương thành con bò. Nếu vì thế mà ta lại chìm xuống cho bằng con tép riu, lại dùng những lời lẽ quá đáng miệt thị kẻ khác, những ý kiến khinh thị tư tưởng của người không cùng màu da chủng tộc với mình thì rơi vào cái tật đã chán ngấy. Lối nói ấy thật không giúp gì cho mỗi người được thanh thản nhận định về mình, về khả năng và yếu kém của dân tộc, về những vấn đề đang đặt ra cho những ai thiết tha với dân tộc với đất nước.

Xã hội chủ nghĩa hiện thực phá sản, tranh chấp Đông Tây không còn, trật tự thế giới đang xấp xếp lại, bỏ mặc các nước chưa phát triển trong nghèo đói trong chậm tiến, ở ngoài trật tự khu vực trù phú thịnh vượng của các nước giàu có (15). Mô hình phát triển hiện hành phung phí tài nguyên, tàn phá thiên nhiên, xem người chẳng khác một vật kinh tế, không bảo đảm nổi phát triển lâu dài. Một tình thế đe dọa sự tồn vong của nhân loại, con người cần suy xét lại tất cả những gì lịch sử để lại, từ triết lý đến khoa học, kỹ thuật.

Thế hệ trước đã tìm ra một giải pháp cho vấn đề họ phải giải quyết. Đất nước toàn vẹn, chủ quyền về ta là những điều kiện thuận lợi cơ bản mà thế hệ hiện nay thừa hưởng.

Thế hệ này có đủ trí tuệ, đủ sáng tạo để giải quyết những vấn đề sống còn đang đặt ra cho dân tộc mình hay chăng ?

B.M.H. (11.92)

(1) Vương Hữu Bột, *Sự thật khoan dung và tha thứ*, Thế Kỷ 21, số 36, 1992.

(2) Đinh Xuân Lâm trích dẫn, Phan Bội Châu, *Chứng diệt dự ngôn*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội Hà Nội 1991, tr. 37.

(3) Phan Bội Châu, *Khuyên học sinh*, Sách đã dẫn tr. 120.

(4) Phan Bội Châu, *Thơ thuyên*, S.đ.d. tr. 115.

(5) *Le Dossier du Pentagone* (Hồ sơ của Ngũ giác đài) bản dịch tiếng Pháp *The Pentagon papers*, Albin Michel, Paris 1971, tr.35 - 36.

(6) S. đ.d. tr. 36.

(7) S.đ.d. tr.81 - 94.

(8) D. D. Eisenhower, *Mes années à la Maison Blanche* (Những năm tôi ở tòa Bạch ốc), 1953-1956, Robert Laffont Paris 1963, tr. 392.

(9) *Le dossier du Pentagone*, tr. 49.

(10) S.đ.d. tr. 103.

(11) S.đ.d. tr. 52.

(12) Bernard Fall, *Les deux Viet Nam* (Hai nước Việt Nam) Payot, Paris 1967, tr. 128.

(13) Dương Thu Hương, *Tự bạch về Tiểu thuyết vô đề*, Diễn Đàn số 6, 1.3. 92.

(14) Thế Uyên, *Cần nhiều tự do và sáng tạo hơn nữa*, Diễn Đàn số 13, 1.11.92.

(15) Nguyễn Quang, *Nouvel ordre mondial* (Trật tự mới thế giới), Diễn Đàn số 12, 1.10.92 và 13, 1.11.92.

Bill Clinton (tiếp theo trang 12)

(3) Số Foreign Affairs, Fall 1992, có một số bài viết đặc biệt nhằm vào chính sách ngoại giao Mỹ sau chiến tranh lạnh và sau bầu cử :

- Daniel Yankelovitch, Foreign Policy after the Election ;
- Theodore C. Sorensen, The Post- Cold War President ;
- Zbigniew Brzezinski, The Cold War and its Aftermath ;
- E. Eckes, Trading American Interests.

(4) William Branigin, U.S. Seen as Being Under Pressure to Lift Embargo on Vietnam, Washinton Post Foreign Service, Nov. 8, 1992.

(5) Walter Russel Mead, Bush's Illusionary Legacy, Los Angeles Times, Opinion Section, Nov. 15, 1992.

Giải thưởng francophonie 1992 : Nguyễn Khắc Viện

Viện hàn lâm Pháp đã quyết định trao giải thưởng lớn francophonie (Pháp ngôn) năm 1992 cho bác sĩ Nguyễn Khắc Viện. Trị giá 400 000 FF, giải này nhằm tưởng thưởng " sự nghiệp của một cá nhân sử dụng tiếng Pháp đã đóng góp xuất sắc, về mặt quốc gia hay quốc tế, vào sự giữ gìn và phát huy Pháp ngữ".

Theo báo *Le Figaro* (2.11.1992), giải thưởng lớn này được lập ra năm 1986, do sự tài trợ ban đầu của một Cơ sở văn hoá quốc tế được chính phủ Canada sáng lập, sau đó, được chính phủ Pháp, công quốc Mônacô và nhiều cơ sở văn hoá tư nhân bổ sung ngân quỹ. Bác sĩ Nguyễn Khắc Viện là người thứ 7 được trao tặng giải này. Những năm trước, giải Pháp ngôn đã được tặng cho Georges Shéhadé (*nhà thơ Liban*), Yoichi Maeda (*nhà phê bình văn học Nhật*), Jacques Rabemananjara (*nhà thơ, nhà viết kịch, nhà lãnh đạo quốc gia Madagascar*), Hubert Reeves (*nhà vật lý thiên văn Canada*), Albert Cossery (*nhà văn Ai Cập*), hồng y L.J. Suenens (*nguyên tổng giám mục Malines-Bruxelles*).

[Sinh ngày 6.2.1913 tại Hà Nội trong một gia đình quan lại Nho học quê quán ở Nghệ Tĩnh, Nguyễn Khắc Viện học trung học tại trường Albert Sarraut trước khi sang Pháp năm 1936 học đại học y khoa. Đầu những năm 1940, ông bị lao nặng, bị mổ nhiều lần, chỉ còn 2/3 một lá phổi, các bác sĩ chẩn đoán ông chỉ còn sống vài năm là cùng. Nghiên cứu triết học Đông phương, kết hợp những hiểu biết sinh lý học và các phương pháp khí công, yoga, ông đã tự rèn luyện thân thể và gìn giữ sức khoẻ. Về sau, ông đã trình bày phương pháp này trong tập *Rèn luyện thân thể, rèn luyện con người* (báo Đoàn Kết xuất bản), và trong tập tiếng Pháp *Gymnastique Tâm Thể* (Sudestasie éd.).

Tham gia phong trào Việt kiều từ cuối thập niên 1940, Nguyễn Khắc Viện đã lãnh đạo phong trào này trong nhiều năm trời, cho đến mùa xuân năm 1963, khi nhà cầm quyền Pháp trục xuất ông về nước. Quyết định này được cả hai phía Pháp và Việt Nam giữ kín : về phần chính phủ Hà Nội, vì muốn tranh thủ chính phủ De Gaulle trong vấn đề Việt Nam ; về phía nhà cầm quyền Pháp, chắc hẳn vì muốn đẩy ra khỏi lãnh thổ một nhân vật tầm cỡ, có quan hệ rộng rãi trong giới trí thức và chính trường Pháp để dễ bề tập hợp lực lượng chuẩn bị cho một giải pháp " trung lập " ở miền Nam Việt Nam, mà không muốn gây căng thẳng với chính quyền miền Bắc.

Về Hà Nội năm 1963, liên tục cho đến năm 1983, ông Nguyễn Khắc Viện phụ trách Nhà xuất bản ngoại văn. Song song với hoạt động chính trị đối ngoại (báo chí quốc tế coi ông là người phát ngôn không chính thức nhưng rất hiệu quả của chính phủ Việt Nam), ông đặc biệt đẩy mạnh công tác dịch thuật giới thiệu văn học Việt Nam ra nước ngoài (thông qua bộ *Anthologie de la littérature vietnamienne*). Nguyễn Khắc Viện là tác giả một bản dịch giá trị của Truyện Kiều sang tiếng Pháp, và một số tác phẩm viết bằng tiếng Pháp (*Expériences vietnamiennes, Histoire du Vietnam, Aperçu de la littérature vietnamienne...*).

Từ năm 1981 với bức thư 7 điểm gửi Quốc hội, tới kiến nghị tháng 1-1991 gửi chủ tịch Mặt trận Tổ Quốc Nguyễn Hữu Thọ, Nguyễn Khắc Viện tích cực tham gia vào công cuộc dân chủ hoá đời sống chính trị Việt Nam, bất luận những biện pháp cấm cản, vu khống, rí tai của nhà cầm quyền ở cấp cao nhất (Lê Đức Thọ, Nguyễn Văn Linh...). Những năm gần đây, tuy tuổi cao và sức yếu, ông còn dành tâm lực vào trung tâm N.-T., một trong mấy tổ chức phi chính quyền (O.N.G.) đầu tiên ở Việt Nam, mà mục đích là truyền bá kiến thức khoa học (trong đó có học thuyết Freud) về tâm lý trẻ em].

Dân chủ, ước mơ và hiện thực

Trần Đạo
mến tặng Dương Thu Hương

Tự tự do trên cơ sở bất bình đẳng tới bình đẳng trên cơ sở lệ thuộc nhau

Nền dân chủ tư sản Pháp phát triển đã hơn hai trăm năm nhờ động lực của mâu thuẫn cơ bản : tự do và bình đẳng về chính trị, thể hiện năm bảy năm một lần qua lá phiếu kín, lệ thuộc và bất bình đẳng về kinh tế, thể hiện hàng ngày qua đồng lương. Tuy nó đã thay đổi nhiều để thích hợp với sự phát triển của bản thân nó và của thế giới, về bản chất, mâu thuẫn ấy vẫn là nét đặc thù của nó. Vì vậy, trong những cuộc tranh luận ý thức hệ, những người bảo vệ nó, dưới nhiều hình thái khác nhau, cơ bản vẫn dùng những luận điểm có từ thế kỷ 18. Có hai luận điểm chính.

1/ Con người tự do mới phát huy hết trí tuệ, năng lực của mình, khiến loài người tiến bộ nhanh. Điều này, từ lâu, chẳng ai phủ nhận.

2/ Trong thực tế, con người không bình đẳng, do đó, bất bình đẳng về sở hữu (và qua đó về quyền lực và hưởng thụ) mới thực sự công bằng, mới kích thích con người vận dụng hết năng khiếu của mình, chịu trách nhiệm về hành động của mình... Điều đó làm kinh tế, khoa học, kỹ thuật, xã hội phát triển... v.v. và v.v.

Sự khác biệt giữa những con người cụ thể là chuyện tự nhiên. Nói chung, đó là điều kiện hình thành mọi hiện thể, con người, con thú, đồ vật... Nhưng chỉ có loài người mới rút ra từ sự khác biệt ấy khái niệm bình đẳng ! Khái niệm dân chủ đáng làm đề tài thảo luận vì nó bao hàm khái niệm bình đẳng (*one man, one vote*). Nếu không, lấy tự do của rừng già làm luật chơi giữa người với người là tự nhiên nhất. Chế độ tư bản không đặc biệt ở chỗ nó chấp nhận sự khác biệt giữa những con người cụ thể. Điều đó, chẳng ai chối từ được, chẳng ai mất thời giờ phản đối. Nó đặc biệt ở chỗ nó rút ra từ sự thực ấy kết luận : nó phải dẫn tới sự bất bình đẳng về sở hữu dưới dạng tư hữu. Điều ấy nhất thiết chẳng ? Có ba cách trả lời :

1. Nhất thiết và vĩnh viễn nhất thiết. Đó là câu trả lời của triết gia tư sản. Quan điểm này dẫn tới kết luận : từ thời thượng cổ tới nay, con người vẫn vậy, không có gì mới dưới mặt trời nhân giới ! Thí dụ : mua bán nô lệ hay mua bán sức lao động cũng thế thôi, đều là mua bán người ! Không thấy công nhân khác nô lệ ở chỗ nó tự do !

2. Không nhất thiết nữa, có thể đổi ngay. Đó là câu trả lời của các đảng cộng sản trong các nước xã hội chủ nghĩa hiện thực. Đó đó mà quốc hữu hóa, hợp tác hóa cả nghề thủ công !

3. Nhất thiết cho tới khi phương thức sản xuất tư bản phát huy hết khả năng và vai trò, nâng tính chất xã hội của lực lượng sản xuất tới mức một quan hệ sở hữu bình đẳng trở thành nhất thiết. Đó là câu trả lời của Marx.

Khôi hài thay, quan điểm 1 hoàn toàn phù hợp với quan điểm 3 ở điểm: anh muốn hay không, sẽ vậy. Nói cách khác, lịch sử phát triển theo quy luật khách quan, độc lập với ý muốn của từng người, anh không tự do như anh tưởng. Có lẽ vì vậy bản trường ca phong phú, sâu sắc, đẹp nhất, kể cả về mặt văn chương, ca tụng chủ nghĩa tư bản chính là Tư bản luận ! Và người tư sản có thể tự hào trích Tuyên ngôn của Đảng công sản làm tuyên ngôn của mình ! Hai bản tuyên ngôn hay nhất về chế độ tư bản là Tuyên ngôn quyền làm người và Tuyên ngôn của đảng cộng sản ! Có lẽ vì bản sau là con đẻ của bản trước !

Khuynh hướng chung trong sự phát triển nền dân chủ tư sản Pháp có hai nét cơ bản : ngày càng tự do và bình đẳng về mặt chính trị, ngày càng bớt tự do, bớt bình đẳng về mặt kinh tế.

Năm 1814, ở Pháp, 90.000 người có đủ tư cách (tiền) để bầu cử, 15.000 có đủ tư cách để ứng cử. Năm 1848, cũng trên tiêu chuẩn ấy, có 141.000 người có đủ tư cách để bỏ phiếu. (*Encyclopedia Universalis*, mục *cens*, trong nghĩa *cens électoral*). Mãi tới năm 1936, nhờ Mặt trận bình dân, quyền bầu cử của phụ nữ mới được công nhận.

Song song với sự phát triển ấy, sự bất bình đẳng về sở hữu phương tiện sản xuất cũng phát triển, đặc biệt nhanh trong thế kỷ 20. Từ 1958 đến 1981, số người sống với tư cách làm thuê (*salariés*), tức là sống bằng cách bán sức lao động, bán chính mình, so với tổng số người lao động (*actifs*), phát triển như sau :

Pháp: từ 69% đến 83%

Ý : từ 57% đến 71%

Đức : từ 76% đến 86%

(*Encyclopedia Universalis*, mục *Emploi*)

Tiếp tục đà này, vào thế kỷ 21, có lẽ đại bộ phận người Pháp sẽ tồn tại với tư cách là người bán sức lao động, hoặc làm công chức cho nhà nước, hoặc làm thuê cho tư nhân.

Quá trình phát triển này có khi do chính nhà nước cưỡng ép. Thí dụ các luật giới hạn quyền khai thác trẻ con, các luật cấm cha mẹ bán sức lao động của con trước một tuổi nhất định. Thời ấy, các em 5 hay 6 tuổi lao động 14 tiếng một ngày tương đối phổ biến. Nhưng, cơ bản, sự phát triển ấy do đấu tranh giai cấp, lắm khi đẫm máu. Năm 1870, dẹp Công xã Paris, chánh quyền bắt khoảng 30 000 người và sau đó bỏ tù, đầy ải hơn 10 000 người (*Encyclopedia Universalis*, mục *Commune de Paris*).

Sau chiến tranh thế giới 2, có chuyển biến quan trọng trong thể chế dân chủ Pháp : thành lập bình đẳng sở hữu toàn dân trong một số lĩnh vực kinh tế quyết định thông qua quốc hữu hóa. Điều này thực ra có từ lâu. Nhưng trong thế kỷ 20, nó phát triển tới mức lượng có thể biến thành chất. Người ta ước lượng, hiện nay, trong các nước tư bản âu châu, phần kinh tế quốc doanh, trực tiếp hoặc gián tiếp, chiếm hơn 1/3 nền kinh tế !

Xem phần thứ nhất của bài này trong Diễn Đàn số 13

Thật ngược cả quyền tư hữu thiêng liêng lẫn quy luật thị trường ! Người ta lý giải bằng nhiều lẽ. Số vốn cần thiết quá lớn cho tư nhân? Điều này đúng. Nhưng cứ mặc thị trường giải quyết cũng được : ở Mỹ, Nhật, thiếu gì hãng tư có khả năng đầu tư vượt khả năng đầu tư của bất cứ quốc gia Châu Âu nào ! Đó là lãnh vực phục vụ cộng đồng ? Như thế là chấp nhận sự bình đẳng kinh tế ! Có lẽ lý do thật đơn giản hơn nhiều: không làm thì chết. Những khủng hoảng kinh tế dẫn tới hai thế chiến, những mâu thuẫn giai cấp liên miên căng thẳng, sự bành trướng của phe " xã hội chủ nghĩa " đã trực tiếp đe dọa sự tồn tại của xã hội tư bản. Không thể để tư nhân, trên cơ sở quyền tư hữu phương tiện sản xuất, tự do lấy tất cả những quyết định kinh tế có thể ảnh hưởng tới sinh mạng cộng đồng dân tộc ⁽¹⁾. Vai trò của nhà nước, đảm bảo tự do và quyền tư hữu, tự do trên cơ sở bất bình đẳng về tư hữu và bất bình đẳng về tư hữu trên cơ sở tự do cạnh tranh, đương nhiên vẫn còn, vẫn cơ bản, nhưng vai trò can thiệp vào đời sống kinh tế, điều hoà quan hệ xã hội, đảm bảo sự bình đẳng tối thiểu giữa người với người với tư cách người nói chung, bất chấp quyền tư hữu và quy luật thị trường, ngày càng nặng. Đó là nét lớn nhất trong sự phát triển của nền dân chủ tư sản Châu Âu sau chiến tranh thế giới 2. Nó phù hợp với luận điểm của Marx : quá trình xã hội hóa ngày càng sâu đậm của lực lượng sản xuất, trong đó có phương tiện sản xuất và người lao động, tự nó sẽ buộc xã hội thay thế tư hữu bằng những hình thái sở hữu thích hợp hơn. Riêng ở điều này, các nhà kinh tế, chính trị tư bản là học trò giỏi của Marx, ít nhất cũng giỏi hơn các đảng cộng sản cầm quyền trong thế kỷ 20 !

Một hiện tượng quan trọng khác mới xuất hiện từ khoảng 20 năm nay ở xã hội Pháp. Người ta phát hiện kinh tế, thậm chí sinh hoạt xã hội, có thể bị rối loạn trầm trọng do hành vi của một số ít người trong một nghề : đồ rác, giao thông, vận tải, y tá... Đúng theo lôgic thị trường, mọi nghề phải được xử lý theo hiệu quả kinh tế. Giá trị thực của từng người phải để thị trường lao động quyết định. Nhưng khôn thay, cứ để nó tự quyết định, xã hội có thể tan tành : thị trường tự do không còn khả năng điều hòa xã hội. Điều này có nghĩa: sự phân công lao động cụ thể (nghề này nghề nọ) trong xã hội, sự xã hội hoá nền sản xuất đã đạt mức không ai tồn tại riêng lẻ được, anh này muốn sản xuất phải tùy thuộc anh kia một cách cụ thể, đơn thuần kỹ thuật. Có nghĩa con người bắt đầu lệ thuộc nhau, không chỉ ở tính chất trừu tượng : đồng lương, giá trị trao đổi của người làm thuê, mà ngay ở tính chất cụ thể của họ: thợ hốt rác, phi công, tài xế... Do đó, dù anh giàu, mạnh, dù anh chiếm đa số, anh không thể tồn tại ngoài sự hòa thuận với tôi, anh không thể dựa vào sự bất bình đẳng về tư hữu để điều khiển tôi, điều khiển toàn bộ xã hội, anh phải tôn trọng quyền sống của tôi ngay trong tư cách cụ thể của người hốt rác, người lái xe, anh phải san sẻ với tôi, bất chấp quy luật trao đổi của thị trường lao động. Đó là một trong những nền tảng thiết thực, " duy vật ", của hình thái dân chủ đa nguyên (*démocratie pluraliste*), dân chủ hòa thuận (*démocratie consensuelle*) mới xuất hiện. Đó là bình đẳng cụ thể trên cơ sở sự lệ thuộc nhau cụ thể trong sản xuất. Đó là tự do cụ thể (của tài xế) trên cơ sở sự bình đẳng cụ thể (giữa ngành nghề, qua sự lệ thuộc lẫn nhau ! Bình đẳng ở chỗ lệ thuộc nhau !). Đối với người suy luận theo phương pháp biện chứng, sự phát triển ấy đương nhiên. Dĩ nhiên, hiện thực này mới nhen nhúm không thường

xuân, chưa đi vào thể chế. Nhưng cũng đủ để nhiều nhà lý thuyết chú ý và tuân khá nhiều mực.

Cuối thế kỷ 20, chế độ tư bản không còn đối trọng trong lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội, thậm chí trong lãnh vực tư tưởng! Phe " xã hội chủ nghĩa " đã tiêu vong. Hai nước " xã hội chủ nghĩa " lớn cuối cùng, Trung Quốc và Việt Nam, đang nhào vào thị trường tư bản thế giới, thành lập chế độ tư bản rùng ngay tại bản xứ. Trong hoàn cảnh như thế, với tất cả các kinh nghiệm điều hoà tích lũy qua lịch sử, tự nó chế độ tư bản vẫn phải sống liên miên trong khủng hoảng !

Trong quan hệ nội bộ của từng quốc gia, nó phải dùng những biện pháp phi kinh tế, phi thị trường để cứu vãn sự tồn tại của nó. Trong quan hệ quốc tế giữa các nước tư bản lớn, nó phải tìm cách tránh vũ lực để giải quyết mâu thuẫn quyền lợi. Còn quan hệ của nó với các nước chậm tiến thế nào ? Về mọi mặt, chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, thậm chí nhân đạo, mấy năm qua có nhiều điều khuyên ta lạnh lùng suy ngẫm : Panama, Grenade, Irak, cấm vận với Việt Nam, sự trao đổi ngày càng chênh lệch giữa các nước, văn hóa rẻ tiền Mỹ... tụy màu da, mạng người này đầu bằng mạng người khác...

Trong cộng đồng nhân loại hôm nay, kinh tế, đương nhiên là thị trường, mỗi năm giết người nhiều, nhanh, gọn, êm, hơn chiến tranh thế giới 2 (hơn 50 triệu trẻ em). Trong cộng đồng ấy, cái gì cho phép người Việt cụ thể, người sống thực, biết đau và biết chết, tin rằng nó sẽ được coi như người bình đẳng với người tây âu ? Thị trường tự do ?

Marx và chủ nghĩa xã hội

Từ khi phe " xã hội chủ nghĩa " đắm thuyền, ở Pháp có hiện tượng lạ. Ngày nào cũng có học giả chôn Marx trên lãnh vực này hay lãnh vực nọ. Chôn đi chôn lại không biết bao nhiêu lần, vẫn có nhu cầu tiếp tục chôn. Điều đó có nghĩa ông còn sống trong hiện thực xã hội, và sẽ sống tới ngày chẳng còn ai buồn chôn ông nữa ! Như biết bao nhà tư tưởng lớn khác.

Lý do đơn giản : Marx viết rất ít về chủ nghĩa xã hội. Chôn các nước xã hội chủ nghĩa hiện thực không đủ để chôn tư tưởng của ông. Là người duy vật, ông không ưa suy luận suông. Học thuyết của ông tập trung phân tích những gì đã có, đang có, đang phát triển trong thời ông, đặc biệt phương thức sản xuất tư bản. Ông ảnh hưởng cả nền văn minh tây âu trong suốt thế kỷ không do tình cờ : tác phẩm của ông là con đẻ của nền văn minh tư sản.

Về chế độ xã hội chủ nghĩa, Marx chỉ nêu vài nguyên tắc cơ bản, rút ra từ phương pháp lý luận biện chứng duy vật. Ở đây triết học của Marx quả còn điều chưa thực sự rõ nghĩa, do đó môn duy vật lịch sử có điểm lờ mờ, khiến nhiều người hiểu một cách máy móc, thô sơ, rất thích hợp với lòng mộ đạo và đức tính cả tin của quần chúng cùng cực. Ta có thể nôm na tóm tắt như sau.

Đặc điểm lớn nhất của loài người là nó tự tạo điều kiện tồn tại, tự tạo phương tiện sản xuất. Điều đó đòi hỏi sự hợp tác giữa người với người ngay từ đầu, ngay trong những cộng đồng nguyên thủy. Chính quá trình hợp tác ấy sinh ra khả năng tư duy, khả năng ngôn ngữ. Con người là con vật xã hội, tư duy và ngôn ngữ là sản phẩm xã hội trong nghĩa đó. Nói cách khác, con người ý thức mình là mình, một cá nhân, xuyên qua quan hệ xã hội. Đó là nền tảng của khái niệm người nói chung, của ý thức ta là ta với tư cách ta bằng người khác, vì bản thân

cuộc sống, ngôn ngữ và tư duy của ta có một tác giả duy nhất : cộng đồng, kể cả người đã chết, trong đó có ta.

Trong cộng đồng nguyên thủy, con người bình đẳng với nhau trên cơ sở họ hoàn toàn lệ thuộc nhau để tồn tại vì họ quá lệ thuộc thiên nhiên: không ai tách riêng ra khỏi cộng đồng mà sống được. Trong những cộng đồng ấy, không thể hình thành chế độ nô lệ. Bắt được người, hoặc giết, thậm chí ăn thịt gặm xương, hoặc thả, hoặc cho nhập bọn. Lý do đơn giản : người nô lệ chỉ ích lợi khi nó có khả năng sản xuất hơn những gì cần thiết để nuôi thân ! Trình độ của lực lượng sản xuất thời đó không cho phép thực hiện chuyện đó.

Kỹ thuật phát triển đòi hỏi phân công lao động xã hội dựa trên sự khác biệt tự nhiên giữa con người : nam đi săn, nữ nhặt hái. Bước đầu, nhặt hái công hiệu và đảm bảo hơn săn. Đó là nền tảng hình thành chế độ mẫu hệ. Sau, với sự phát triển của kỹ thuật săn, kỹ thuật nuôi gia thú, nam át nữ, chế độ phụ hệ hình thành.

Lực lượng sản xuất phát triển, con người đạt khả năng sản xuất nhiều hơn phần tối thiểu cần thiết để nuôi thân. Điều đó mở đường cho chế độ nô lệ. Người bị nô lệ hóa đầu tiên, chính là người dân bà. Dễ hiểu. Và đáng thương cho đàn ông (*lời bình Trần Đạo*).

Cũng thời đó, thị trường, nơi con người trao đổi sản phẩm với nhau, xuất hiện: đã có con người vừa tự do (trong tư cách chủ sản phẩm) vừa có thừa sản phẩm. Nó trao đổi đồ thừa của nó với đồ thừa của người khác. Vì thị trường hình thành ngay từ thuở xa xưa ấy nên tới thế kỷ 19, và ngay cả ngày nay, tuy ít, vẫn có người, kể cả nhà lý thuyết kinh tế, xã hội học, triết học, tưởng thị trường và sự trao đổi hàng hóa là hiện thực vĩnh cửu trong xã hội loài người !

Quan điểm ấy khiến ta không thấy được nét đặc thù của thị trường tư bản. Thị trường tư bản khác các thị trường đã hình thành trong lịch sử ở một điểm cơ bản. Trong thị trường tư bản có một món hàng gốc, quyết định bản thân nền sản xuất tư bản, bản thân sự vận động của thị trường, bản thân sự tồn tại của xã hội tư bản. Món hàng ấy chỉ xuất hiện trong lịch sử loài người với phương thức sản xuất tư bản. Món hàng ấy là con người tự do !

Tại hại hơn, quan điểm trên khiến ta không hiểu được con người thế kỷ 20 giống và khác người thượng cổ ở chỗ nào ! Với tư cách con vật có khả năng tư duy qua ngôn ngữ, con người nói chung, không những họ giống nhau, họ còn có chung một phần kho tàng nhân cách, văn hóa của nhân loại. Ngoài ra, họ không có gì chung cả, họ hoàn toàn khác nhau.

Từ thời nô lệ tới nay, xã hội loài người phát triển do một mâu thuẫn cơ bản: con người càng tự do đối với thiên nhiên bao nhiêu, càng lệ thuộc nhau bấy nhiêu. Mâu thuẫn ấy phát triển xuyên qua hình thái sở hữu phương tiện sản xuất : nô lệ, nông nô, tư bản.

Phương thức sản xuất tư bản phát triển tự do cá nhân tới mức tột đỉnh, trong mọi lãnh vực, trừ lãnh vực kinh tế, trừ trong quan hệ sản xuất. Nhưng chính sự phát triển của nền sản xuất ấy, thông qua sự xã hội hóa ngày càng sâu rộng của lực lượng sản xuất, sẽ buộc quan hệ sản xuất (mà gốc lõi thể hiện ở hình thái sở hữu) phải thay đổi. Điều đó sẽ mở đường cho sự hình thành một phương thức sản xuất mới, phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa, trong đó chế độ công hữu (bình đẳng về quyền

sở hữu) mâu thuẫn với sự chênh lệch có thực về năng khiếu giữa những con người thực. Do đó, xã hội xã hội chủ nghĩa cũng sẽ phải tự phủ định. Chỉ khi nào sản xuất phát triển tới mức con người hết lệ thuộc thiên nhiên, đến lúc điều kiện vật chất để tồn tại không còn quyết định cuộc sống của nó, đến lúc miếng ăn hết là miếng nhục, thì con người mới thực sự trở thành con người tự do và bình đẳng. Lúc đó, thời tiền sử của nhân loại chấm dứt, một nhân loại mới hình thành, nhân loại tự do. Cái nhân loại ấy, cái xã hội cộng sản ấy, không ai hình dung được nó sẽ thế nào (may thay !). Chỉ có nhà thơ, nhà văn, nghệ sĩ, thỉnh thoảng linh cảm được trong những lúc quá yêu (*lời bình của TĐ, xin chớ gán cho Marx*).

Marx suy luận như thế nào, trên cơ sở kiến thức nào, để phân tích, diễn giải quan điểm ấy về quá trình tiến hoá của xã hội loài người, đó là nội dung cơ bản, khá phức tạp, còn chưa thật rõ, của các môn duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, vài lời nôm na, thô thiển trên, không thể coi như trình bày trung thực lý luận của ông. Muốn tìm hiểu tư tưởng và phương pháp luận của ông nên trực tiếp đọc tác phẩm của ông.

Xã hội xã hội chủ nghĩa hiện thực và Marx

Tới đây, bạn đọc có thể hỏi : cái xã hội xã hội chủ nghĩa hiện thực vừa phá sản kia, vì sao có được, tại sao đứng vững được trong bấy nhiêu năm, vì sao suy sụp nhanh thế, dễ dàng thế ?

Hai vế đầu của câu hỏi lớn và phức tạp tới mức trong cả thế kỷ 20 chưa ai hiểu được, ít nhất tới mức phỏng đoán được sự sụp đổ mau chóng của những chế độ ấy ! Do đó, khi hiện tượng khổng lồ ấy xảy ra, mọi người chung hững, bối rối ! Dĩ nhiên, tác giả cũng không có khả năng hiểu tới mức thích đáng. Có lẽ chỉ người sống trong lòng nó mới hiểu được.

Vế thứ ba, buồn cười thay, rất thích hợp với luận điểm của Marx. Các chế độ xã hội chủ nghĩa hiện thực đều xây dựng trên nền kinh tế lạc hậu, phong kiến hoặc thực dân, sau một cuộc chiến tranh. Ở đó lực lượng sản xuất chưa đạt mức xã hội hóa cao như ở các nước tư bản. Khoác vào chúng những quan hệ công hữu (sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể) là tạo một mâu thuẫn chỉ có thể dẫn tới sự phá sản của quan hệ sản xuất, nền tảng của cơ chế chính trị. Ngược lại, xây dựng quan hệ sản xuất tư bản, không chóng thì chầy, sẽ dẫn tới sự tiêu vong của cơ chế chính trị phi tư bản. Điều này vừa có thể áp dụng cho Trung Quốc, Việt Nam, và... Thái Lan, Nam Triều Tiên !

Tìm hiểu và giải đáp hai vế đầu là đề tài nghiên cứu quan trọng, bổ ích. Có thể nó giúp ta hiểu rõ xã hội Việt Nam ngày nay, tránh những quan điểm tai hại khi thay đổi nó. Nhưng có lẽ, đối với ta hiện nay, có những câu hỏi cấp bách hơn. Trong thế kỷ này và thế kỷ tới, với những phương tiện sản xuất hiện đại, với con người hôm nay, trong tình hình quốc tế hiện tại, những bước đường xương máu dẫn từ xã hội tư bản rừng tới nền dân chủ đa nguyên tư sản trên cơ sở một nền kinh tế 1/3 quốc hữu, 2/3 tư hữu, còn thích hợp, hữu hiệu, cần thiết, hay không ? Có thể rút giai đoạn ở những khâu nào, vì sao ? Có thể sáng tạo gì mới không ? Rõ ràng người Hy Lạp cổ đã sáng tạo một thể chế vượt khả năng hiểu biết, suy luận của các nhà lý luận từ cổ tới kim, một thể chế khó hình dung trong thời đại của họ. Tình hình thế giới hôm nay rất mới lạ, tại sao phải suy nghĩ theo đường mòn của người khác ? Từ nền văn hóa cổ truyền của ta, từ nghiệm sinh 50 chiến tranh và 17 năm chế độ cộng

sản trên toàn quốc, ta rút được những gì giúp ta mở đường cho một tương lai nhân bản nhất ? Hay chỉ biết nhại lại những gì phe này phe kia tố nhau từ hơn 200 năm ?

Có điều chắc chắn : ta không thể mơ hồ thị trường tự do hôm nay sẽ ưu đãi người Việt, tặng cho riêng người Việt những gì nó không cho chính dân của các nước tư bản phát triển ! Đối với người chung thân phận với người Việt, trong đó có người tây âu, đối với 4/5 nhân loại, cũng vậy.

Khi khoa học mù tịt, khi chính trị bất lực, khi trí tuệ đầu hàng

Khái niệm tự do để hiểu qua sự nghiệm sinh hàng ngày. Mỗi lần bực bội thấy mình bị lấn áp, ta hiểu mình tự do. Khái niệm bình đẳng khó hiểu hơn. Trong đời này, không đâu ta thấy có hai người bình đẳng với nhau. Tuy vậy, những cuộc đấu tranh giai cấp đẫm máu trong quá trình hình thành và phát triển của nền dân chủ tư sản, những chế độ và chiến tranh thuộc địa, có thể đi tới diệt chủng như ở Mỹ, hai thế chiến, những chiến tranh đế quốc của Mỹ, Liên xô, nguy cơ tiêu diệt nhân loại qua chiến tranh hạt nhân, hóa học, sinh vật học... sự đau khổ, chết chóc của 4/5 nhân loại hôm nay, cũng đủ làm ta hiểu : lấy tự do của rừng già, dù là thông qua thị trường tự do, làm luật chơi giữa người với người là chuyện không thể chấp nhận. Con người dù sao vẫn là con người, *one man one vote, not only on political rights !* " Un homme fait de tous les hommes, qui les vaut tous et que vaut n'importe qui " (Sartre, *Les mots*). Phi lý ? Phi kinh tế ? 7 chính phủ các nước giàu mạnh nhất, với những phương tiện khoa học, kỹ thuật hiện đại khổng lồ, với sự trợ giáo của các bậc thầy kinh tế, vẫn bất lực trong ý muốn điều hoà kinh tế, mở đường cho sản xuất phát triển. Điều đó cho thấy rõ : cái lý tự nhiên của thị trường tư bản đã bắt đầu thất bại kinh tế và xã hội của chính các nước tư bản hùng cường nhất ! Thị trường tự do là cái xiềng nô lệ lớn nhất của nhân loại ngày nay ! Qua nó con người lệ thuộc hành động và sản phẩm của chính mình tới mức trầm trọng chưa từng thấy. Đó là sự " phi lý " nhất trong thời đại khoa học này. Sự bất lực của các chính khách cộng với sự cam phận, vượt đui, của các nhà tư tưởng, của giới trí thức, trước những " quy luật thép của thị trường " là nền tảng của thái độ thờ ơ với chính trị, nghi ngờ và khinh bỉ chính khách, người trí thức, trong quần chúng tây âu ngày nay. Nôm na : chúng mày đã chấp nhận bất lực thì chúng mày chạy theo quyền lực, danh vọng, để thủ lợi riêng, chẳng chính trị chính em, chẳng nhân nghĩa gì hết ! Mà thế thật ?! Thái độ đó mở đường cho những cuộc phiêu lưu nào, ta còn nhớ : Hitler, ta đang thấy : Le Pen.

Vì sao, tuy không có ông A nào bằng ông B, với tư cách người, ta vẫn thấy ta bằng mọi người, mọi người bằng ta ? Cái gì, trong quá trình hình thành nhân cách của ta, khiến ta linh cảm điều ấy, khiến ta có khái niệm ấy ? Trong quá trình hình thành tư duy của con người qua các thời đại, trong quá trình hình thành tư duy của chính ta, người của thế kỷ 20, cái gì khiến ta thấy ta bằng mọi người, mọi người bằng ta ? Đây là vấn đề nan giải. Việt Nam có nhà triết học mácxít tìm hiểu nghiêm túc vấn đề này, Trần Đức Thảo. Ở châu Âu, có những phái như hiện tượng học, chủ nghĩa hiện sinh... Không thuộc phái nào, có cây bút xuất sắc của Hannah Arendt. Vì khoa học chưa giải đáp được hiện thực tâm linh ấy, vì chính trị không

giải quyết thoả đáng yêu cầu ấy, khát vọng bình đẳng giữa người với người phải nhường tôn giáo, triết học, văn học. " Tự do, Bình đẳng, Nhân ái ", " *Il y a plusieurs demeures dans la maison de mon Père* ", " Chúng sinh đều vô tội ", " Nhân sinh tứ hải giai huynh đệ ", " Bốn nghìn năm ta lại là ta "... Khi cha mẹ vu vợ dạy ta : ở đời, phải ăn ở cho có tình, với bộ óc " khoa học ", ta thấy phi lý. Với tấm lòng người Việt, ta thấy phải vậy. Có lẽ vì thế người cầm quyền thích nói chuyện đạo đức, ít khi sống và hành động phải đạo. Họ khéo vận dụng tình người vô hạn của người khác để phục vụ lý trí giới hạn của họ.

Tại sao ta không hiểu nổi chính ta trong khát vọng bình đẳng ? Phải chăng vì kiến thức của ta chững lại trong nguyên tắc của Aristote: " A chính là A ", " Không A chính là không A ". Ta không thể hình dung được " A chính là không A ", vì " không A " là chuyện ngõ ngẩn nếu không có A, do đó " không A " chỉ là sự phủ định của A, không thể là chính mình và, trong nghĩa đó, " không A chính là A " ! Ta sẵn sàng công nhận ta chính là ta, tuy không bao giờ định nghĩa được ta " là " gì, nhưng ta không dám chấp nhận : ta chưa là ta, ta chỉ có thể trở thành ta xuyên qua người khác, tuy đó là thực tiễn hàng ngày của ta, ngay ở mức thô sơ nhất : nôi cơm ! Ta chỉ biết " là " kỹ sư, nhà toán học, giáo sư đại học, giám đốc nghiên cứu của CNRS, nhà kinh tế, xã hội học, triết gia, ta chỉ biết " là " người làm thuê, hoặc " là " nhà tư bản... ta chưa biết " làm " người ? chưa biết yêu ? Mặc dù, đã lâu rồi, ta biết ngõ ngẩn : " Mình với ta tuy hai mà một " !

Ngày nay, không có nhân tình, không có đạo làm người, dù mù mờ, khả năng trước mắt của nhân loại là một loại dân chủ Athènes mức toàn cầu, trong đó một thiểu số thực sự tự do và bình đẳng với nhau trên cơ sở sự lệ thuộc có thể đẫm máu của đại bộ phận nhân loại. Phải chăng ta chủ quan mơ mộng khi ta không chấp nhận điều đó, không muốn nó xảy ra. Chỉ vì, khi lơ yêu, ta hiểu tư duy, ngôn ngữ, văn chương, nghệ thuật có được vì, bất chấp mọi sự khác biệt giữa người với người, bất chấp thị trường, bất chấp lôgic hình thức, ta vẫn mãi tìm con người tự do và bình đẳng với ta ? Chỉ vì, hơn cả khoa học, kỹ thuật, ta cần văn chương, nghệ thuật, để làm người, ta cần người để ta chấp nhận được chính ta, để ta trở thành ta ? Chỉ vì ta cần em ?

Lố bịch ! Vô lý ! Hữu tình ! Thơ ! Thiên !

Trần Đạo

9.92

(1) Trong triết học và kinh tế học kinh viện, người ta phân biệt sở hữu và tư hữu (*propriété, appropriation, và propriété privée, appropriation privée*). Sở hữu là quan hệ tự nhiên giữa người và thiên nhiên : vũ trụ là sở hữu của loài người, loài người khai thác vũ trụ để tồn tại. Tư hữu là một hình thái đặc biệt (tùy thời đại) của quan hệ giữa người với người xuyên qua tự nhiên : cái gì của tôi không là của anh, thí dụ, nước mưa là sở hữu của mọi người, nước suối Evian thuộc quyền tư hữu của ông X. Trong tư hữu, người ta lại phân biệt tư hữu về đồ tiêu dùng (nhà ở, cơm áo...) cho phép chủ nó tiêu thụ để sống (trong nghĩa đó nó là một hình thái của sở hữu) với tư hữu phương tiện sản xuất cho phép sản xuất, cho phép xã hội và thành viên của nó tồn tại. Trong bài này, tư hữu dùng trong nghĩa tư hữu phương tiện sản xuất.

Hội Pháp Việt tâm thần và tâm lý y học

L. T. S. Người Việt ở nước ngoài không chỉ là những khuôn mặt mà còn là những hội đoàn. Càng ngày càng nhiều những hội đoàn Pháp Việt không vụ lợi và phi chính trị... đây là một truyền thống của xã hội Âu Tây, đặc biệt là ở Pháp - được thành lập để tham gia các công tác y tế, xã hội, văn hóa v.v... ở Việt Nam.

Diễn Đàn lần lượt giới thiệu với bạn đọc một số trong những hội đoàn đó.

Đầu tiên là *Hội Pháp Việt Tâm Thần và Tâm Lý Y Học* (Association Scientifique Franco-Vietnamienne de Psychiatrie et Psychologie Médicale, Centre Médico-Psychologique . 17 rue d'Armaillé 75017 Paris, Tel : (1) 45 74 00 04). Lý do tại sao, xin xem lời đối đáp của G.S. Barte, hội trưởng và bác sĩ Lương Cần Liêm, tổng thư ký của hội ASFVPPM trong cuộc gặp gỡ với *Diễn Đàn*.

D.Đ. - Tại sao vấn đề tâm thần ? Và tại sao ngày hôm nay ?

G.S. Barte : Vì đã hòa bình. Trong chiến tranh võ đầu, gãy chân, thương tật là những vấn đề cấp bách. Hòa bình rồi phải lo sức khỏe của mọi người, chính là lúc phải nghĩ đến sức khỏe tâm thần, phải xây dựng một hệ thống thích nghi đáp ứng được các nhu cầu.

D.Đ. : Hiện nay Hội làm gì ?

G.S. B. : Chúng tôi mời bác sĩ Việt Nam qua thực tập ở Pháp. Trước hết là những bác sĩ giảng dạy khoa tâm thần. Trong vòng 2 năm nay đã có 15 vị, nghĩa là khoảng một phần ba tập thể giáo sư và giảng viên khoa này ở Việt nam đã sang làm việc với chúng tôi. Chỉ trong vòng vài năm là toàn thể bác sĩ giảng dạy có qua một thời gian đào tạo ở Pháp. Các vị giáo sư đã dày dạn nghề nghiệp thì qua thăm một hai tháng khảo sát tìm hiểu hệ thống của Pháp. Còn các giảng viên trẻ lứa 40 tuổi thì chúng tôi mời qua làm việc một năm ở các bệnh viện với chức vụ và lương bổng nội trú hoặc assistant spécialisé hoặc attaché. Và thế là khi trở về đã có một số vốn chuyên môn đáng kể. Chúng tôi đang chuẩn bị đào tạo cho lứa bác sĩ trẻ hơn, lớp này chưa thạo tiếng Pháp, còn đang học thêm ở Việt Nam, tới 1994 thì sẽ có những người trẻ qua học khoa tâm thần ở Pháp từ những bước đầu.

D.Đ.: Phương tiện của Hội là từ đâu mà ra ?

G.S. B. : Phải dựa vào các bệnh viện mà thôi, bệnh viện tâm thần ở Pháp có quy chế riêng và phương tiện khá dồi dào. Chúng tôi làm việc với các bệnh viện tâm thần Việt Nam, ở miền Nam là các bệnh viện Chợ Quán, Biên Hòa, Cần Thơ, ở Trung bệnh viện Huế và Đà Nẵng và ở miền Bắc, Bạch Mai, Thường Tín. Chúng tôi vận động các bệnh viện Pháp kết

nghĩa với bệnh viện Việt Nam. Như Villejuif với Thường Tín và đã gởi tặng một chiếc xe, thuốc men đúng theo nhu cầu của Thường Tín. Và đang lo cho Biên Hòa kết nghĩa với bệnh viện Sainte Anne hay Maison Blanche, bệnh viện Montpellier với Huế, Nice với Chợ Quán, v.v... Năm 1990 lần đầu tiên hội chúng tôi tổ chức hội nghị Pháp Việt về khoa tâm thần có 35 người ở Pháp về tham dự, lần thứ nhì vào năm 1993, hiện nay đã có 75 người ghi tên.

D.Đ. : Đây là những việc đang làm, Hội còn có những toan tính gì khác chăng?

G.S. B. : Đã nghĩ đến sức khỏe người lớn, thì cũng phải tính ngay đến sức khỏe trẻ em. Hiện nay cả Việt Nam chỉ mới có một vài bác sĩ chuyên về tâm thần trẻ em, chúng tôi đang giúp lập thành một khoa trách nhiệm việc đào tạo thêm bác sĩ chuyên khoa tâm thần trẻ em.

Bác sĩ giỏi mà không có y tá lành nghề thì bác sĩ đành bó tay, chúng tôi có dự án dạy y tá, trình độ ngang đại học như y tá Pháp, chắc có lẽ đề nghị tổ chức ở Biên Hòa vì ở đây đất rộng hơn ở Sài Gòn.

Rồi còn phải lo đến tâm lý học, một việc có vẻ xa xỉ đối với Việt Nam nhưng là một xa xỉ cần thiết như lời anh Nguyễn Khắc Viện ; phải nghĩ đến thành lập một tập thể làm nghề tâm lý và phụ tá xã hội (assistant social) tách rời khỏi khoa sư phạm.

D.Đ. : Anh có thấy ngành tâm thần Việt Nam biến chuyển gì không ?

G.S.B : Biến chuyển nhiều chỗ. Năm 1975, trước giải phóng tôi có về thăm miền Nam, lúc ấy các bác sĩ mà tôi được gặp hoàn toàn chỉ nghĩ đến kỹ thuật, và quan niệm bệnh viện tập trung giữ người bị tâm thần còn phổ biến. Nay tôi được gặp một quan niệm rất phù hợp với quan niệm của chúng tôi, quan niệm thiên về xã hội hơn, người bác sĩ đến với bệnh nhân, có những bệnh xá nhỏ ở khu ở xóm, người bệnh gần với gia đình, người nhà có thể đến nấu nướng cho ăn cho uống, đó chính là quan niệm chia khu vực chăm sóc sức khỏe tâm thần một cách toàn diện ở Pháp ngày nay.

B.S. Lương Cần Liêm : Cái nhìn về các hiện tượng xã hội cũng thay đổi khá mau, năm 1977 thống kê tâm thần không nhìn nhận có người tự tử, năm 1990 thì hiện tượng tự tử được xem như bình thường và được thống kê khá đúng đắn.

D.Đ. : Xin Anh Barte cho biết một vài chi tiết về riêng cá nhân Anh.

G.S. B. : Tôi là giáo sư giám đốc Sở sức khỏe tâm thần quận 17 của Paris (Chef de Service de Santé Mental du 17^e arrondissement de Paris). Tôi sinh ra ở Hà Nội, ra đời ở nhà thương Saint Paul, nhà ở phố Thọ Nhuộm. Lần về Hà Nội năm 1990 tôi đi với anh Liêm đi tìm lại ngôi nhà xưa. Năm 1955, tôi sang Pháp, đổi tên đổi họ để được dễ dàng trong việc ghi tên đi học.

Tên cha tôi đặt cho tôi là Tiết Lâm Nhi. Gia đình tôi ở Hà Nội, là giòng dõi Tiết Nhân Quý, ông cụ thân sinh ra chúng tôi cứ mỗi lần giỗ tết lại đem một chương truyện Tiết Nhân Quý ra kể cho anh em chúng tôi nghe.

N.T. ghi lại 11. 1992.

ĐẶNG TIẾN

VĂN CAO

LÁ

KHÁT VỌNG



Chân dung Đặng Tiến (Văn Cao)

Lá, cho đến hôm nay, là tập thơ duy nhất của Văn Cao, xuất bản năm 1988 khi nhà thơ đã sáu mươi sáu tuổi, và đã sáng tác không ngừng nghỉ non nửa thế kỷ trong nhiều bộ môn : nhạc, hoạ, truyện và thơ.

Lá gồm có hai mươi tám bài thơ ra đời rải rác vào nhiều thời kỳ khác nhau, từ 1941 đến 1987, chủ yếu là những bài làm từ 1956 về sau, quan trọng nhất có trường ca *Những người trên cửa biển*. Nói là chủ yếu, vì năm bài thơ làm trước đó còn âm hưởng nhiều trường phái thi ca khác nhau trong thơ cũ. Từ 1956 những tác phẩm làm trong phong trào Nhân văn – Giai phẩm đã khẳng định cá tính thơ Văn Cao, mới lạ trong cấu trúc và sâu sắc tư duy. Hai mươi tám bài thơ : con số có lẽ là một trùng hợp tình cờ ; không có gì chứng tỏ Văn Cao đặt rung cảm mình vào khuôn sáo nhị thập bát tú.

Thơ Văn Cao trĩu nặng tâm sự và khát vọng thời đại, và đất nước, nhưng nhan đề sao mà nhẹ nhàng, một chữ ngắn : Lá. Phải chăng đây là nhan đề ngắn nhất trong các tập thơ Việt Nam ? Ngắn nhưng không gọn, giản dị mà không giản lược, vì buộc người đọc phải suy nghĩ lao lung.

Lá là một hình tượng thiên nhiên xuất hiện từ lâu trong nghệ thuật, vì gần gũi với con người từ buổi hoang sơ. Kinh Thi đã rậm lá, lá quỳên, lá hạnh ; thơ cổ điển đầy những lá trúc, lá ngô. Thơ nôm Nguyễn Trãi có lá sen, lá chuối. Thơ mới rợp lá bàng, lá phượng, lá me... Nhưng vẫn là một loại lá gì đó, trong một trạng thái nào đó, khi vàng, khi đỏ, khi xanh, lúc “ che ngang mặt chữ điền ”, lúc “ dệt áo mơ phai ”. Trong tác dụng tượng trưng hàm súc nhất : một chiếc lá vàng cũng đủ báo hiệu cho “ thiên hạ cộng tri thu ”, thì lá vẫn có tên, có tích, ấy là lá ngô đồng. Trái lại Lá của Văn Cao là một hiện tượng thiên nhiên đơn lẻ trần trụi : lá của Văn Cao là cuộc sống, trong khi các loại lá rải rác trong thi ca, chỉ là những âm sắc, tính cách cục bộ nào đó, phân tách ra khỏi đời sống.

Là sự sống trong hình thái đơn giản và thiết yếu, lá hô hấp khí trời và mặt nhật để chuyển động ánh sáng thành màu xanh lục diệp và chuyển màu xanh thành dưỡng khí. Là cuộc sống mà cũng là nguồn sống. Là ngoại vật, lá chuyển nhập vào nội tạng con người qua những con đường từ thô thiển đến tinh vi. Lá góp từng tế bào vào cơ thể ta rồi tiếp tục nuôi dưỡng từng tế bào bằng dưỡng khí. Lá hèn mọn, lá phôi pha, lá vô danh. Sinh âm thầm, chết lặng lẽ. Thơ Văn Cao nói về những sự thật, những ân tình và bạc bẽo ấy.

Lá là nét cân đối trong không gian dưới mắt người hoạ sĩ, lá

là những nét ký hoạ mà vũ trụ đã ghi lại hằng ngày trên nhật ký của mặt đất. Trong quá trình sinh trưởng, lá từ nhựa sống vươn đến một cấu trúc cân đối (*symétrie*) để rồi, từ đó dần dần mất dần cân đối (*asymétrie*) với thời gian, trong quá trình huỷ hoại : đó cũng là định mệnh con người từ bản thể chạm vào cơn gió của lịch sử. Lá là con người đương đầu với biến cố. Riêng chiếc lá Việt Nam, thân xác mong manh vùi dập đạn bom, với bột “ khai quang ”, là một đau thương khác, không thể bình luận về mặt triết học, văn chương.

Claude Levi-Strauss nhà bác học đã góp phần xây dựng nền cấu trúc luận, chi phối nhiều khoa học hiện đại, có kể lại rằng : ông ý thức được rõ rệt khái niệm cấu trúc, khi một buổi sáng chủ nhật, ngắm nhìn một đoá hoa bồ công anh (*pissenlit, dent de lion*), một loại hoa đồng cỏ nội màu vàng, thông thường nhỏ bé. Nét hài hoà của đoá hoa, trong tương quan dị đồng với những loài hoa khác, đã đưa tư duy Levi-Strauss từ cảm xúc đến suy diễn, đến nghiên cứu, và lập thuyết. Hành trình của một tư trào lớn, có lẽ cũng là hành trình của một bài thơ, một bức hoạ. Dường như Văn Cao cũng có một ý nghĩ như thế khi anh viết : “ Cũng có người thấy trời xanh vô cùng trong bát nước, và cũng có người chỉ nói tới một giọt ánh sáng để thấy cái vô cùng tận của trời xanh. Có người cần phải tìm con đường lớn mới thấy dấu xe, mà có người tìm thấy dấu xe trong hạt bụi ”. Ở đây Văn Cao muốn trình bày thao tác trí thức, về khoa học cũng như về nghệ thuật, như là một sinh hoạt tổng thể, đi từ cảm giác, đến trực giác và suy diễn, lý luận, hay sáng tạo : “ Chỉ riêng cái phần giác quan của nhà thơ cũng nói được cái hướng biểu hiện, hoặc thiên về tư tưởng, hoặc thiên về cảm xúc, hoặc thiên về cảm giác ” (trong *Một vài ý nghĩ về Thơ, Văn Nghệ*, số 3-1957, Hà Nội).

Thơ Văn Cao giàu thị giác, thiên về tư tưởng, đòi hỏi cái mới, cái hiện đại. Nhưng anh cũng chấp nhận kinh nghiệm người đi trước

*Nếu không có đường mòn
Ai biết mà tìm nhau
... Chỉ từ những đường mòn
Rừng mở ra vạt lối.*

Văn Cao cương quyết đi tìm những lối mới, cho hình thể hội hoạ, cho ngôn ngữ thơ ca. Anh ý thức rằng dân tộc cần những con đường mòn, cần truyền thống, để tự khẳng định, để giữ gìn bản sắc, nhưng lại cần những nhảy vọt để tiến bộ, để phát huy bản sắc ấy trong một thế giới đang thay đổi. Những thể nghiệm về hội hoạ trườ tượng năm 1945, về quan điểm thơ không vần 1949, là những cố gắng làm mới nghệ thuật. Nhưng Văn Cao cũng nhận ra rằng không thể có nghệ thuật mới, nếu không có tư tưởng mới và hoàn cảnh mới. Cuộc chiến tranh chống Pháp có tác dụng đổi mới tư duy, cũng như mọi cuộc chiến tranh, nhưng nó là vệ quốc, nên, trong một chừng mực nào đó, đẩy lùi tư duy dân tộc về lại quá khứ, với “ nam đế cư ”. Nam đế ở đây không còn là vua Lý vua Trần, nhưng là nhiều thứ vua khác, mà về sau Văn Cao sẽ ví von với “ những con rồng đất khi đỏ khi xanh ”. Không những “ lẫn trong hàng ngũ ” mà còn len lỏi vào tư tưởng và tình

Bài này là một trong những bài viết của Đặng Tiến mừng Văn Cao 70 tuổi ta. Nhân dịp này, tạp chí Hợp Lưu (số 7, xem quảng cáo trong số này) tập hợp chung quanh chủ đề Văn Cao nhiều cây bút trong nước và ngoài nước : Dương Tường, Đặng Tiến, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Nguyễn Thụy Kha, Phạm Duy, Phạm Văn Kỳ Thanh, Thái Bá Vân, Thanh Thảo, Thụy Khuê, Thường Quán, Trần Vũ, Trịnh Công Sơn...

cảm của mỗi người. Cái giá rất đắt của gian khổ và chiến thắng mà dân tộc ta phải trả là tinh thần bảo thủ. Tiến bộ là niềm an ủi của những dân tộc chiến bại, Nhật và Đức. Thơ không vẫn là tự hào của một tâm lý thất bại, Thanh Tâm Tuyên là một ví dụ. Thơ vẫn hay không vẫn, tuy chỉ là một vấn đề kỹ thuật, nhưng là một khâu có tác động trên cả guồng máy. Phải đợi sau khi hoà bình lập lại, 1956, Văn Cao mới làm thơ trở lại, không vẫn, thơ mới.



*Tôi muốn tìm hiểu cuộc đời
Như lấy bàn tay dò mạch giếng chày.*

Thơ Văn Cao là cuộc tra vấn thường xuyên cuộc sống và con người, về thân phận, về ước vọng. Đề tài thơ Văn Cao không nhiều : vài ba kỷ niệm, với dăm người bạn, vài thành phố nhưng lúc nào cũng là những câu hỏi dẫn vật. Về Bùi Xuân Phái, anh nhắc đến những bức tranh *Phố Phái* :

*Không người ở
Không số nhà
Không tên phố*

để cuối cùng tự hỏi :

Đến lúc nào phố anh có người thêm ?

Với Nguyễn Tuân thân thiết, anh chỉ giữ lại cái nhìn :

*Mắt anh và mắt tôi
Một lớp tro đang ròn ròn kéo sợi*

Với Nguyễn Huy Tưởng, anh nói về ám ảnh cái chết :

*Bức tường lê từng bước một
Đến gần chân chúng tôi hằng ngày
... Chúng ta đều sợ một cái gì nhanh quá*

Khi vĩnh biệt Nguyễn Hồng :

*Riêng anh niềm xúc động của tôi
... Nơi anh nơi tôi hai xóm nghèo được sống*

Các cụ ngày xưa đã tiết kiệm tâm tình, mà cũng có lúc oà vỡ thành tiếng khóc, như Nguyễn Khuyên khóc Dương Khuê. Ở Văn Cao không có những nức nở đó, mà chỉ có những nhức nhối thu lại trong nội tâm, trong im lặng “ *Có lúc nước mắt không thể chảy ra ngoài được*”. Thơ Văn Cao, chủ yếu, là những phút im lặng giữa những khoảng tối và sáng trong ngôn ngữ.

Hà Nội vào thu, trong thơ Văn Cao không có những màu mơ sắc mộng, mà nhắc nhở những hy sinh :

*Máu bao nhiêu người thấm đất
Để người ta mãi nhớ
Phố phường Hà Nội
Lúc vào thu*

Hà Nội ban đêm :

*Xa xa xa
Đêm động tiếng còi tàu
Hà Nội càng thêm cũ
Gió cuối năm luồn vào phố hẹp
Ruột phố Hà Nội cũ
Nhớ một cánh buồm*

Cũng một u hoài, nhưng không võ vè mà quặn thắt. Đọc Văn Cao mệt.

Khi nhìn những con người Hà Nội trên hè phố uống bia, lẽ ra anh phải cho mình cái thanh thoi phơi phới, cái phê phỡn với đám đông, cái phút tự quên trong âm ĩ. Thì không, mình vẫn phải chứng kiến bề trái cay đắng phi lý đằng sau bề mặt rộn rã :

*Họ đến đây đông lắm
...Uống rỗng những thùng bia*



Chân dung VĂN CAO
(Bùi Xuân Phái)

*Uống hết một ngày đang hết
Uống hết một năm sắp hết
Còn liếm môi
Họ thêm bia hay thêm sống
Thêm đám đông.*

Những thành phố thân yêu khác cũng là những đau đớn : Huế là “ *Từng mặt gương đau / Từng mảnh gương tan*”. Quy Nhơn là một dấu hỏi :

*Mẹ ơi Nghĩa Bình từ đâu
Phải từ máu thấm...
Không
đất này mọc lên
từ nước mắt !...*

Nhưng sâu lắng nhất là hình ảnh Hải Phòng, thành phố của tuổi thơ, nơi tiếng sóng đong đưa “ *tiếng hát mẹ chiều ru văng*”... Và Hải Phòng trong trường ca “ *Những người trên Cửa Biển*” còn là hình tượng cuộc sống toàn diện, bênh bồng trên lịch sử gian nan của một dân tộc, một đất nước :

*Tôi yêu Hải Phòng như Việt Nam nhỏ lại
Tôi yêu Việt Nam như tôi biết yêu tôi*

Cái tôi ở đây của Văn Cao là con người nói chung, đặc biệt người Việt Nam :

*Bao tình yêu khát khao hy vọng
Là tiếng con sông mảnh đất viên đá Hải Phòng
...Cuộc đời
Dĩ vãng
Thời gian
Bỏ neo trên mặt bến*

Hải Phòng, cửa khẩu lâu đời, đã ngàn năm làm lá phổi, là đôi mắt của tổ quốc, là “ *cổ họng chúng ta ngày đêm rỏ máu*”. Hải Phòng : phòng tuyến trên mặt biển, là một vị trí chiến đấu, từ thời bà Lê Chân, danh tướng của Hai Bà Trưng đến ba lần phá quân Hán quân Nguyên trên sông Bạch Đằng, nhưng gian nan nhất là thời kỳ chống xâm lược từ phương Tây : chúng ta không thể đóng cọc chống lại những tàu chiến và những pháo đài bay hiện đại. Chiến tranh Việt Pháp nổ ra tại Hải Phòng ngày

20.11.1946, một tháng trước ngày toàn quốc kháng chiến, rồi kéo dài qua thời kỳ chống Mỹ, đến cuối 1972, một tháng trước hoà ước Paris. Văn Cao đã gọi lại “ *những năm tháng Hải Phòng đầy biến động* ” cho đến 1956, với những chấn động xã hội và chính trị theo sau. Hình ảnh Hải Phòng dưới đôi mắt trẻ thơ thời thuộc Pháp :

*Đâm lên khoảng mây giữa tỉnh
Tháp chuông nhà thờ
An ủi những người khổ sở
Chung quanh Hoả lò, trại lính
Cha tôi nghe tiếng chuông đổ đầu tiên
Giữa buổi chiều không cơm cháo
Bàn tay mẹ tôi quờ trong thạp gạo...*

Thời đó, thực dân mộ phu phen gửi vào miền nam hay sang Tân Đảo :

*Xóm tôi càng nghèo xơ nghèo xác
Đàn gà không kiếm ăn được trên đồng rác
Hàng trăm ngàn người lại theo tàu ra biển
Ai biết cao su đất đỏ là đâu
Thỉnh thoảng một xác trôi về bến...*

Người chết trong giông bão, chết vì bị đánh giết, vì đói, vì dịch, và Văn Cao đã thốt lên câu hỏi thống thiết, hiện đại, hiện sinh :

*Giê su
Sao người chết mãi không thôi*

Có cả những cuộc hành quyết, những Nguyễn Đức Cảnh (1931), Lương Khánh Thiện (1941) :

*Có năm Hoả Lò dựng lên máy chém
Cả Hải Phòng sau những án đau thương
Không ai dám nhìn một con gà bị giết*

Âm đạm kéo dài tuổi thơ dưới thời Nhật thuộc :

*Có năm những đoàn ngựa Nhật đi vào tỉnh
Xóm tôi không còn một buồng chuối chín
Có năm bom Mỹ đổ xuống quanh nhà
Chỉ còn tiếng kêu trời khóc ra máu*

Những ngày “ *cửa biển về ta / Những năm đầu chính quyền cách mạng* ” lướt qua rất nhanh trong thơ Văn Cao “ *như bóng cò trắng bay về lòng tôi thuở nhỏ* ” có lẽ vì đã có nhiều thơ về giai đoạn này, đặc sắc là bài 19.11.1946 của Trần Huyền Trân. Thời đó, 1946, ta đã có chính quyền nhưng quân Pháp đã đổ bộ và Tàu Tưởng còn đóng quân tại miền Bắc ; vấn đề chủ quyền đặt ra, khắp nơi trên nguyên tắc, như gay gắt và cụ thể tại Hải Phòng : ai kiểm soát hải quan ? Vậy là quân Pháp nổ súng, sát hại hàng ngàn người dân vô tội trong thành phố : cuộc chiến tranh Việt Pháp thực sự bắt đầu tại Hải Phòng.

Khi nhắc đến “ *giấc mơ ủ kín lòng Hải Phòng tạm chiếm* ”, Văn Cao gọi lên cuộc kháng chiến chống Pháp trong kích thước quốc gia, vượt ra khỏi tầm một thành phố, với những mất mát không còn hàn gắn lại được :

*Chúng ta nhớ gì những ngày kháng chiến
Mất cả mùa xuân mất cả tình yêu
Mất đôi mắt thật trong, mất rất nhiều rung cảm
Mất rất nhiều đồng chí
Nhưng chúng ta làm chủ được Hải Phòng
Tiếng cười khóc trên Hải Phòng suy nghĩ
Những mái nhà xưa đếm lại thiếu người.*

Hiệp định Genève tái lập hoà bình, thì Hải Phòng chứng kiến cảnh chia ly nam bắc, với những chuyến tàu đi :

*Vợ xa chồng
Anh xa em
Chiều Nam chiều Bắc cùng sầu*

Di cư xong. Tập kết xong. Miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thời điểm tháng 2 năm 1956 : những nhà máy Hải Phòng bắt đầu nhả khói. Tố Hữu làm thơ “ *hón hờ mùa xuân... Giữa mùa xuân, vung bước tới tương lai... Tôi vui đi, mê mãi... một... hai* ”. Văn Cao cũng làm thơ, kết thúc trường ca Hải Phòng với “ *Những ngày báo hiệu Mùa Xuân* ”. Mới báo hiệu, nghĩa là... chưa có mùa xuân. Đã thế, anh lại còn cao giọng tố cáo :

*Trong những ngày khó khăn chông chất
Kẻ thù chúng ta xuất hiện
Những con rồng đất khi đỏ khi xanh
Lẩn trong hàng ngũ*

*Những con bói cá
Đậu trên những dây buồm
Đang đo mực nước
Những con bạch tuộc
Bao tay chân cố dìm một con người
... Ta muốn gói cuộc đời gọn gàng như trái vải
Đã thấy loài sâu nằm trong cuống
... Hãy dừng lại,
Những tên muốn ôm cây mùa xuân không cho mọc
Những tên muốn làm cây to che cớm mầm non*

Những rồng đất, bói cá, bạch tuộc, những con sâu, những tên nọ tên kia là ai ? Văn Cao không nói rõ, nhưng đoán “ *sẽ vạch từng tên từng mặt* ”. Rồi dòng thơ Văn Cao tuôn ào thác lũ :

*Con đường ta đi tự hào lực lượng
Con đường nước nguồn thành sông biển
Con đường ta đi tự hào duy nhất
Con đường đi trái đất quanh mặt trời.*

Dĩ nhiên là không dẫm lên vết chân “ *mê mãi... một... hai...* ” của người kia. Họ ức Văn Cao cũng là điều dễ hiểu.



Hải Phòng, hòn máu của lịch sử, còn là tế bào của xã hội, một xã hội công nghiệp đang thành hình. Hải Phòng là một chiến lũy xưa, nhưng là một thành phố mới, phát triển với xã hội thuộc địa. Tuy rằng kể thừa sinh hoạt bến Vân Đồn thời Trần hay Phố Hiến thời Lê, Hải Phòng bây giờ mới mở mang từ đầu thế kỷ, càng ngày càng sầm uất :

*Đầu những ngọn sông những lá thuyền trút xuống
Đoàn lũ tàu đang hồng hộc chạy về đây
Đổ đầy Hải Phòng tiền rừng bạc biển
Ngập đường ngập phố
Ngập kê đá đường goòng.*

Cửa cái ở đây là của thực dân Pháp và một ít tư sản địa phương câu kết với Pháp. Người Việt cung cấp dịch vụ và giải trí cho thủy thủ và lính viễn chinh. Một ít thợ thuyền làm trong các xưởng sửa chữa tàu thủy và nhiều nhất là phu khuân vác. Nguyên Hồng đã mô tả đầy đủ Hải Phòng qua bộ truyện dài *Cửa Biển*, đặc biệt trong tập *Sóng gằm*, về cuộc sống phu phen vào những năm 1936-1939. Lực lượng thợ thuyền ấy có khả năng và truyền thống tranh đấu, bãi công, như vào những năm 1919, 1926, 1928 và 1929. Do đó, trong *Những người trên cửa biển*, Hải Phòng làm biểu tượng thành phố thợ thuyền, đối lập với làng mạc nông thôn, và trong một chừng mực nào đó, cái mới đối lập với cái xưa cũ, phù hợp với tầm nhìn của Văn Cao. Dân Hải Phòng là “ *người góp* ”, gồm có “ *hàng vạn người không ruộng cấy ra biển* ”

Ai biết Hải Phòng là đâu
Từ già bờ tre mái rạ
Đến đây là chỗ cùng đường

Khác với người dân tỉnh lỵ, hay Hà Nội, họ là người nghèo, mất liên hệ với nông thôn, sống không có truyền thống, chung đụng với những người khác nguồn gốc :

Người dân thành phố
Mồ hôi còn nước mặn phù sa
Dầu mỡ bụi than
Sống như muỗi đọng lấy bờ lấy bãi
Sống chất chiu đùm bọc yêu thương
Che chở nắng mưa, đỡ đần buổi gạo
Đoàn thuyền nát buộc vào nhau ngày bão
Chưa quá ba đời sống trong một xóm
Chưa đầy chục người chết trong một mái nhà thuê
Bạn bè quen thuộc
Các giống người
Từ chân trời bốn phương đi lại

Họ an phận thủ thường trong kiếp sống than bụi, trong khi Văn Cao mơ mộng :

Thuở nhỏ lòng tôi hướng mãi
Theo những con tàu biển ra đi
Đến những đất đai tưởng tượng

Đến đây, chúng ta đã đi vào chiều sâu trong cấu tứ, tạo thành thi pháp Văn Cao. Văn Cao ít làm thơ và sáng tác khó khăn, nhưng gặp đề tài Hải Phòng, sức sáng tạo tuôn trào, lời thơ lai láng mà vẫn súc tích. Anh sáng tạo như trong một cơn say : chênh choáng đề tài, ngất ngây cuộc sống. Tâm linh lồng lộng trang giấy một mạch năm trăm câu, cấu trúc chặt chẽ, các cụ gọi là “ nhất khí quán hạ ”. Dù rằng anh có lao động chi li, sửa đi sửa lại, thì nguồn thơ nguyên thủy vẫn là nền chính.

“ Một tiếng vang vang cả lòng cả đất ”, bài trường ca là hợp xướng cuộc đời lao động cùng khổ, đối lập với giấc mơ một xã hội công nghiệp tân tiến và những chân trời mới. Cùng trong năm 1956, anh còn làm bài thơ quan trọng khác, *Anh có nghe không*, nổi tiếng vì tính cách tố cáo và phản kháng. Nhưng bài này đọc kỹ, chỉ là trường ca Hải Phòng thu gọn lại, với chung một nguồn rung cảm, cấu tứ, tạo hình. Về sau, những bài thơ ngắn hơn, dù đặc sắc, vẫn là những mảnh vỡ của Hải Phòng. Đặc biệt Quy Nhơn, qua ba bài thơ làm mười năm sau (1985), sao mà giống... Hải Phòng quá.

Hải Phòng, thành phố công nghiệp, trong than bụi đã hứa hẹn một xã hội mới “ không có lúa đồng thơm nhưng có trăm nhà máy ”. Đất nước sẽ thoát ly ra khỏi những ràng buộc của thiên nhiên trong chế độ nông nghiệp :

Đất nước ngày nay về tay người thợ
Quê hương những người nghèo khổ chúng ta
Sức tự hào của những người ở biển
Không sợ thiên nhiên, không sợ cuộc đời
Lòng rộng bao la nhiều chân trời cửa biển

Thơ Văn Cao rất ít hình ảnh nông thôn, tuy rằng thế hệ anh gắn bó dài lâu với đồng quê. Thậm chí trong lời nhạc cũng vậy. Hình ảnh làng mạc chỉ là những nét ký họa, tốc họa, “ bóng cau với con thuyền, một dòng sông ”. Âm vang đồng nội còn lại “ tiếng chuông nhà thờ rung ”. Tâm lý nông dân thô thiển : “ dân làng vui như tết — Qua mùa này không lo ”. Trong *Những người trên cửa biển*, hình ảnh đồng quê khuôn sáo :

Tôi nghe tiếng hát mẹ chiều ru võng
Những ca dao của đồng lúa quê hương
Những dáng cò lặn lội

Bản thân Văn Cao nhận rằng mình “ không có quê hương ” hiểu theo nghĩa làng mạc gốc tích, dường như anh không muốn có. Người Việt Nam thường hỏi nhau về gốc tích — dù bản thân không mấy liên hệ. Nhưng Văn Cao thì nói phăng :

Tôi không có quê hương
Nghe đâu như Thái Bình Hà Nam Phủ Lý
Như Nam Định
Ruộng đất mênh mông trong tiếng hát
Quê mẹ quê cha cách một vườn trâu

Quê hương, nếu có, chỉ là những hình ảnh mông lung, bàng bạc dọc theo những dòng sông hay quây quần chung quanh giếng nước, nơi trí tuệ dừng chân nghỉ ngơi và nghĩ ngợi, trước khi phóng cái nhìn về những chân trời mới. Do đó mà từ một Hải Phòng rách nát, nguồn rung cảm Văn Cao vẫn dạt dào hứng khởi. *Những người trên cửa biển* gọi là trường ca, vì nó ngợi ca cuộc sống, nó ca hát những đau thương để hướng về cái mới, cái cao cả mai sau.

Nó ca hát trước hết bằng nghệ thuật. Hải Phòng là khởi điểm của nghệ thuật.

Bắt đầu là âm nhạc : “ *Hải Phòng dựng lên âm nhạc* ”. Đúng thôi, vì nền tân nhạc Việt Nam bắt đầu từ Hải Phòng những năm đầu 1940 với ban nhạc *Đồng Vọng* ; nhưng ý Văn Cao khởi đầu từ lịch sử âm nhạc không dừng lại đó, anh muốn rằng “ *Nhạc đang biến thành sự thực quanh ta* ”. Nhạc là biểu tượng của hạnh phúc — dù khi diễn tả khổ đau. Nhạc là cuộc đời đã thăng hoa thành âm hưởng ; trước kia nó là *Thiên Thai*, là *Suối mơ*, là *Ngày mùa*. Nay, nhạc là hạnh phúc trong cuộc đời còn lem nhem than khói : “ *Hải Phòng dựng lên hội họa — Những bức tranh tặng dân số chúng ta* ”. Một câu thơ khó hiểu. Ý Văn Cao có lẽ là hội họa tạo cho chúng ta một không gian khác, do đó tăng kích thước đời sống cho chúng ta ; hội họa dạy ta cái đẹp — dù là cái đẹp sẵn có trong trời đất và trong nội tâm :

Có người không biết trắng là đẹp
Bỗng nhiên chiều đứng ngắm trắng lên
Trên đầu nhà máy
Nghe như ai hát trong lòng

Đây là tuyên ngôn nghệ thuật của Văn Cao, người đã góp công xây dựng nền nhạc mới, nền họa mới. Và nền thơ mới. Trong lịch sử, Văn Cao đã hoạt động, đã bạo động, và sau đó biết rằng anh không thể cứu người trong lịch sử ; mà chỉ có thể cứu họ trong nghệ thuật, khi sáng tạo ra một trần gian khác, trước đó là *Thiên Thai*, bây giờ là một nghệ thuật hiện đại.

Có người hằng năm mặt trời không thấy mọc
Khép đôi xếp phách tiễn đêm đi
Hôm nay ngồi chép bài ca mới
Hương cốm mùi rơm ngát giếng đình
Hải Phòng đã dựng nên thơ
Những câu thơ thành thời sự

Hương cốm, mùi rơm thì có gì làm mới ? Nhưng nghệ thuật làm cho nó mới, cũng như làm cho thời sự thành thơ. Cái gì trong cõi đời này mà không mới, không thơ, không là nghệ thuật ? Nhiệm vụ của tác phẩm là tạo nên cái nhìn thẩm mỹ. Con người nguyên thủy, thoát tiên đâu có yêu trăng lên, chiều xuống, lá rụng, hoa tàn. Nghệ thuật biến phôi pha thành vẻ đẹp miên viễn của trần gian. Nghệ thuật giúp con người vượt khỏi thời gian, làm chủ thời gian :

Thời gian làm trẻ lại chúng ta
Khi thời gian là của chúng ta

Nghệ thuật là cảm xúc vươn lên Trí Tuệ :

Hải Phòng dựng lên Tư Tưởng
Làm nhựa dẫn trong tôi

vì từ bến cảng

Tâm hồn ta tràn theo sóng ra khơi

Với Văn Cao, Hải Phòng, qua những biến động và phát triển, là sự hình thành của nghệ thuật và ý thức thẩm mỹ. Có lẽ đối với Nguyên Hồng cũng thế : tác phẩm lớn của anh xoay chung quanh cuộc sống Hải Phòng. Trong bút ký “ *Hải Phòng qua vài trang sử mở* ” (1973), Nguyên Hồng viết : « Tôi càng nghĩ về Hải Phòng, tôi càng thấy Hải Phòng thật là mối tình đầu của tôi, và tôi mắc một món nợ lớn, thiêng liêng vô cùng, phải cố sao mà trả dù chỉ phần muôn một. Phải ! chỉ phần muôn một, nếu không, trọn đời làm gì cũng không yên tâm ».

Nhấn mạnh vào biểu tượng thành phố Hải Phòng, nguồn cấu tạo thơ Văn Cao, chúng tôi muốn nói rằng : đề tài một bài thơ, những ý tưởng, tình cảm ẩn hiện, và chữ nghĩa thân xác bài thơ đó là một duy nhất. Văn Cao làm thơ về Hải Phòng, Nguyên Hồng viết truyện về Hải Phòng cũng như Xuân Diệu làm thơ về tình yêu, Hàn Mặc Tử làm thơ về đức tin, Huy Cận làm thơ về vũ trụ. Đề tài không phải là đối tượng, nó không nằm ngoài tác giả, mà nó là chủ thể, nó là tác giả, thậm chí làm chủ tác giả khi là nguồn cảm hứng có tiềm lực cấu tứ. Lúc đó, đề tài lái dẫn bàn tay, ngòi bút chỉ làm việc sắp xếp, sửa đổi. Nói về hội họa, Văn Cao có lần bảo tôi : vẽ gì thì cũng vẽ chính mình mà thôi. Hải Phòng là bản thân Văn Cao.

Một Văn Cao truân chuyên, cay đắng, nhưng tin tưởng và độ lượng — tin tưởng vì độ lượng. Văn Cao tin ở cuộc đời, ở vũ trụ, tin vào một thiên nhiên nuôi dưỡng con người,

Từ xa về hạt giống rải qua sông
Mảnh đất nơi đây vui nông cũng sống

Nếu có lúc con người phải chiến đấu chống trả thiên nhiên, “ ngày đêm vét nước nổi đê ” “ ngăn từng cơn gió muối ”, thì có lúc thiên nhiên bảo vệ con người bằng những “ ngọn sú ven sông... bãi sú vô danh... bãi sú bồi thành bến ” chống trả với biển cả. Cây sú là một loại cây dại, mọc dọc biển, có tác dụng gìn giữ đất liền tại Bắc Bộ, giống như cây đước, cây vẹt ở miền Nam, đặc biệt *Rừng Mắm* trong truyện Bình Nguyên Lộc. Trong thơ về Hải Phòng, Huy Cận có nói đến “ bãi sú mặn khô dần thành phố xá ”, và Nguyễn Đình Thi :

Ta nhớ lò vôi bên bãi sú
Giọt máu tươi rỏ xuống bùn loang

Văn Cao tin vào lẽ tuần hoàn của vũ trụ “ mùa này nhận bay ra biển — Chim yến từ biển bay về ”, “ Những con chim cứ sáng lên là hót ”. Văn Cao tin vào sức sống con người “ những con cá ném lên trời cũng sống ”, và tin vào trí tuệ dũng cảm, kinh nghiệm chế ngự thiên nhiên của

Những kẻ chài quen biển
Thấy ngọn lửa quay đầu
Biết bão táp quen trở mình trên mặt sóng

Con người khoẻ mạnh, minh mẫn và trong sáng ấy phải có hạnh phúc, xứng đáng hạnh phúc. Thơ Văn Cao, dù cay đắng, vẫn lạc quan. Trường ca Hải Phòng khởi đi từ “ đầu nhà có trồng

cây mạn ”, chúng nhân những đau thương ở đoạn giữa “ bạn cha tôi về chết bên cây mạn ”, nhưng cuối cùng, cây mạn sẽ chúng kiến hạnh phúc :

Nhu nhú trên những cành mạn non
Những nụ hoa đang nở hồng hồng
Mát hai vai dưới rặng cây bóng lá
Đôi lứa thanh niên đến tự tình

...
Im lặng
Đêm tắt đi tiếng ồn ào náo động
Cho đôi lứa yêu nhau
Những giờ phút ngày xưa chưa có
Những cái hôn mới
Cái hôn đầu tiên

Đây là những lời thơ ngợi ca tình yêu tế nhị và đầm thắm nổi bật lên ở cuối một trường ca dài nặng trĩu đau thương và khúc mắc. Thơ Văn Cao là nghệ thuật đích thực vì nó đã hoá giải đau thương thành hạnh phúc : truyện Kiều cũng vậy, lời ai oán của cô cung nữ, lời thổ thán của nàng chinh phụ, đều như vậy. Tấm lòng Văn Cao, nghệ thuật anh và nghệ thuật nói chung, là khát vọng mệnh mông của nhân loại tìm cái đẹp, niềm vui, như kết từ của trường ca *Những người trên cửa biển* :

Tôi giờ đây liếm môi nóng bỏng
Nhìn ra biển bao la
Lòng hãy còn nhiều khát vọng
còn rất nhiều khát vọng
Biển thành người khổng lồ kêu khát
suốt ngày đêm
Suốt ngày đêm kêu khát
Những ngọn sóng trên cát khô sỏi bọt
Ngày đêm
Mãi mãi
Dưới chân tôi
Nước ngọt của ngàn sông
Bao giờ đổ đầy lòng biển

Những âm thanh cuối cùng vang vọng trong thế giới Văn Cao — từ một Hải Phòng xa xôi. Hải Phòng, khởi đầu, là một quê hương — một câu trả lời. Nhưng câu trả lời buộc lương tâm con người phải đặt ra câu hỏi. Và câu hỏi lại thách thức một giải đáp khác ; rồi cứ thế, tâm hồn Văn Cao đang đưa những lời vấn đáp giữa con người và xã hội con người trong vũ trụ, con người trước định mệnh. Những đợt hỏi — trả lời liên hồi lộp lộp, như sóng gầm trên cửa biển, có lúc lắng xuống thành tiếng sóng vàng trên bãi dài ngò lau núi rừng âm u, có lúc chỉ lạnh canh trong đáy cốc :

Cuộc đời ôm tôi như trong cái bình
Một tiếng vang vang cả lòng cả đáy

Vang vang hạo nhiên và ngang nhiên như con đường tự hào duy nhất — Con đường đi trái đất quanh mặt trời. Niềm tin của Văn Cao đi từ những giấc mơ thét gào thực tại, là những rạn vỡ đòi lại toàn bích, là chiếc lá gào gọi trời xanh. Thơ Văn Cao, đời Văn Cao là “ một tiếng vang vang cả lòng cả đáy ”, của não trong sọ, của tuỷ trong xương, của máu trong mạch, của khát vọng khôn nguôi.

ĐẶNG TIẾN

1.11.1992

Viết cho ngày sinh nhật Văn Cao 70 tuổi ta
15.11.1992

Chia buồn

Được tin thân mẫu nhà văn Đặng Tiến đã từ trần ngày 3.11.1992 tại Đà Nẵng, thọ 101 tuổi.

Diễn Đàn thành thực chia buồn cùng anh Tiến, chị Minh Nguyệt và cả nhà.

Kỳ tới : VĂN CAO, TIẾNG HÁT

đùa của

tạo hoá

truyện ngắn

PHẠM HOA

QUÊ hương tôi, từ xưa thường có câu : *trai núi Đẻ, gái làng Đông*. Các cụ chỉ nói vắn tắt : con gái ở đó dĩ hoà. Tôi không đồng tình với cái nhìn dân dã đó. Thực chất là nhựa sống tràn trề trong cơ thể các thiếu nữ — bản năng sinh tồn của họ. Ở cái làng thật lạ. Cô gái nào cũng xinh đẹp, đầy đà, hấp dẫn một cách gợi tình.

Tôi có quen Loan, một cô gái làng Đông điển hình. Từ những ngày nhỏ, cô đã trội hẳn so với bọn con gái cùng lứa. Hình hài cân đối, trắng trẻo, cô còn hơn đứt bạn ở đôi mắt xanh nhìn mãi không tới đáy ! Con bé sẽ sung sướng. Nhiều người nghĩ như vậy. Cũng không ít người ngờ vực. Hình như cái gì “ quá ” cũng hỏng ! Mặc cho mọi lời bàn bạc, Loan vẫn lớn lên, xinh đẹp, tự nhiên, bình dị như cỏ cây. Mẹ cô nhiều lúc nghe ngóng qua thiên hạ, mà nghi ngại. Con bé nó làm sao ấy ! Có lần nó ra thị xã, bà còn lấy than bôi vào mặt. Cô Loan cười rất tươi, nhưng trong bụng thì chê mẹ lắm lắm. Ai lại thế ! Nhưng bà cương quyết hơn trong việc bắt con bé mặc quần áo vá khi đi dân công đắp đê.

Con sẽ sung sướng cho mẹ xem ! Loan đinh ninh như vậy. Cô xinh đẹp mới là một điều kiện. Cô còn cảm thấy như vậy nữa. Chắc chắn là khác ! Bao nhiêu lần chơi trò công chúa, vô tình nhưng cô đều bắt thăm được cả. Vận may có dành cho đứa nào trong đám đông ấy đâu. Và ngay lúc này thôi — Loan đã hoàn toàn

là một thiếu nữ, cô đang đi trên đường cái. Trước mặt cô là bóng người không rõ đàn ông hay đàn bà. Cô mỉm cười và chơi trò may rủi. “ *Lạy vua Từ Hải, lạy vãi Giác Duyên, lạy tiên Thuý Kiều...* ” bài lạy khá quen thuộc của cô. Cô nguyện thầm : Nếu người đang đi về phía tôi là đàn ông, thì các đấng thần linh trên cao xa hãy chứng giám cho con được sung sướng... Con cũng đoán cái bóng đang đi là đàn ông. Sau đó, cô

choàng mở to mắt. Bóng người mà cô đoán đã lại gần. Nhưng sao thế này : con người đi qua mặt cô có nét của đàn bà trên mặt. Nhưng chân tay và dáng đi thì không ! Cô chợt hoang mang... Đây là một người đàn ông ! Tóc, gò má, dáng đi rần rần. Nhưng ngực ông ta lại lùm lùm thế kia ? Loan ngoái lại, cứ cố khẳng định mình đúng.

Càng ngày, càng có người đem đặt Loan cho con em mình. Họ vào tận nhà làm quen. Họ đánh tiếng...

TRONG số những kẻ đánh tiếng giành Loan cho con mình có bà Thuận, vợ đại tá Lý, liệt sĩ. Nói đến bà Thuận, vùng tôi ai cũng biết. Đó là người đàn bà đầy đà, da dẻ tươi tốt, tính tình xởi lởi. Bà nổi tiếng bởi đẹp ; bởi là vợ đại tá. Ngày đó, vùng tôi chỉ mỗi ông Lý là cán bộ cao cấp quân đội. Bà còn có tiếng bởi sự gia giáo, thủ tiết thờ chồng, dạy thẳng Tuấn trưởng thành. Thăng Tuấn, con trai của bà và ông Lý đẹp như cái mầm cây. Tuổi con nít, Tuấn vừa có dấu hiệu lêu lổng, bà đã phải nhờ ông chú đánh cho nó một trận. Trận đòn quá tay, hơn với sự hình dung của bà Thuận. Thành thử thằng bé chết khiếp. Bà Thuận giận ông chú, nhưng bầm bụng chịu. Cứ thế, Tuấn lớn lên rồi vào đại học. Cha là liệt sĩ, Tuấn được miễn giảm nghĩa vụ. Bà Thuận đánh tiếng là đánh tiếng cho Tuấn. Một thanh niên đẹp trai, cao lớn lại xuất thân từ gia đình có nguồn gốc chính trị và kinh tế vững chắc như thế thì cả vùng ai còn bì kịp.

Bà Thuận cũng tin như vậy. Do đó, bà tìm hiểu tính tình con bé. Biết nó tốt bụng, dễ tính cũng là được. Ngủ dậy muộn, thì chả lo. Miễn có người con gái khoẻ, tốt tính, về nhà, bà rên sau.

Một hôm, bất ngờ bà gặp Loan đi cùng đường. Bà biết nó, chứ nó đâu biết bà. Bà chủ động lùi lại phía sau để xem người con bé. Bà đã nhìn thật kỹ vai, hông, chân con Loan. Dáng đi của con bé thật mềm mại, uyển chuyển. Eo thắt lại, nhưng đến hông thì phình ra, tròn trịa gọn gàng. Với con mắt thật tinh đời, bà biết đây là con mái tốt. Da dẻ mát mẻ, dáng đi thoải mái, không vương vịu gò bó thì có lợi cho việc sinh nở.

Nhưng tận sâu trong cảm giác, bà Thuận vẫn còn lẩn khuất. Có một cái gì đó chưa được rõ, chưa chắc chắn. Là người đàn bà sắc sảo, giỏi giang, tự tin vào hiểu biết của mình, bà cả Thuận nhận ra rằng, chưa nên vội vàng kết luận.

Thiên hạ đồn đại không sai : bà Thuận quả là đáo để. Bà vừa có một quyết định táo bạo : phải xem lại người con bé một lần nữa. Xem trong tư thế con bé trần truồng : chủ yếu bà muốn xem ngực nó. Đối với bà, ngực chứa toàn bộ cái tốt xấu, hay dở của một đứa con gái. Nếu ở ngực, khoảng cách hai vú hẹp, thì người đó sức khoẻ yếu. Khoảng cách giữa hai vú rộng, đầu vú vểnh ngang thì cô gái ấy khó dạy như con ngựa bất kham. Còn nếu hai đầu vú nằm ngay ngắn chia thẳng vào mắt ta, cô gái ấy là vàng. Người như vậy sẽ trung thực, ngay ngắn, không biết làm điều xấu, điều ác. Ấy là chưa kể đầu vú to hay nhỏ, đỏ hay đen, tròn hay méo. Đầu vú nhỏ, màu hồng, cô gái ấy dẻo người, mềm tính, nuôi con khéo léo. Vô phúc cô nào đầu vú đã đen, lại to, lại méo, tính tình vụng về, đục đầu võ đấy, làm gì hỏng việc ấy, nuôi con không sai đẹn cũng chậm lớn. Cô gái nào như vậy, mặt có đẹp như vàng trắng cũng xin vái chịu ! Bà Thuận đinh ninh điều mình nghĩ là có thật. Hình như bà ngoại dạy bà thế, vì bà cũng chiêm nghiệm như thế. Rồi bà xuống làng Đông gặp bà bạn. Bà này là dì của Loan. Vừa nghe xong, người bạn của bà Thuận trở mắt ngạc nhiên. Nhưng bị nài, bị ép, lại nể bạn, dì của Loan cũng thuận lòng.

Hôm ấy, Loan sang nhà dì giúp sửa cái chuồng lợn. Gần trưa, nhờ tay, dì làm

đổ cái vại đựng nước tiểu. Cô bé kêu ré lên ! Nước tiểu bắn tung toé vào cả người dì và cháu. Loan vẩy tay, ái ngại nhưng cười rất vui. Nghe lời dì, cô sắm sẵn đi ra ao để tắm gội.

Vườn vắng lặng. Ao nước trong vắt. Chỉ có con chim vàng anh nhảy nhót trên cành xoan. Loan chợt mỉm cười khi thấy khuôn mặt của mình in trên mặt gương sáng loáng. Cô đưa mắt nhìn quanh trước khi lội xuống nước. Một thoáng nghi ngại lẫn thích thú. ùm ! Nước bắn lên tung toé.

Từ sâu trong bụi mía, tim bà Thuận đập thốn thốn. Mặt bà có vẻ dăm chiêu. Bà đã thấy được tất cả những gì cần thấy. Con bé có đủ ba cái đen và cả ba cái đỏ. Các cụ bảo như vậy thì tốt lắm. Bà thấy yên tâm về Loan. Nó cũng chỉ như bà ngày xưa là cùng ! Có khi còn thua kém. Và hình như bà Thuận thấy nao nao. Bà thấy mệt mỏi và buồn xiu. Từ sâu trong cõi vô thức bà chợt thấy mệnh mang... mệnh mang...

Đ AI tá Lý từng là người đàn ông mẫu mực về mọi phương diện. Thân thể ông cũng cường tráng khó ai bì. Và như thế ông cũng mới lấy được chị Thuận đẹp có tiếng. Hai người từng có trên mười năm đầy đặn, hạnh phúc không chê vào đâu được. Sau khi chồng hy sinh, có đau đớn, có tự hào, nhưng bà Thuận gầy rộc đi. Phải một năm, bà mới gượng dậy được. Giống cái cây bị bão quật, bà lại mọc cành, trở hoa, tươi xanh. Thời gian ngắn, bà lại lấy lại phong độ cũ : đầy đà, hồng mượt, ung dung, đĩnh đạc. Bà lại đẹp vẻ đẹp riêng : hấp dẫn và bề thế. Phẳng phất nét quý phái. Nhưng đấy là bề ngoài. Số phận lại đặt cược để trêu chọc. Bốn mươi tuổi, bà Thuận đương bước vào độ tái xuân. Toàn bộ sinh lực được huy động, được sử dụng. Thành thử thân thể bà càng đẹp ra, hai mắt long lanh. Nói theo lối nói các nhà sinh học thì đó là tiếng hót của con mái, tín hiệu phát ra để tìm tín hiệu !

Ngoại tình thì không bao giờ. Dứt khoát là như vậy. Nhưng bà vẫn thường mơ ông Lý về. Bà lại ôm chầm lấy ông bằng cảm giác da thịt thật sự. Cả khối người, hai vòng tay, đùi ngực va chạm, xoắn xiết lấy nhau. Bà tận hưởng cái tuyệt diệu của tạo hoá : cứng và mềm, rắn và nhũn, tung và hứng, trên và dưới,

tấn công và bị động. Nhiều lúc người đàn bà hỗn hển, mồ hôi đầm đìa với cuộc tình mà tạo hoá nào đã buông tha ! Có sự tính toán nào cân đong nổi được sự mát mẻ này chăng ? Và bao giờ cũng vậy, tưởng đến tội đỉnh sự mẫn nguyện, số phận lại thức tỉnh bà. Có lẽ phải nửa phút gì đó, bà Thuận mới ngơ ngác nhận ra mình vừa qua giấc ngủ. Bà giật thót tim khi thấy bóng người đàn ông lù lù tiến tới. Những bốn người. Thì ra họ có mặt trong nhà từ lúc nào đó. Bốn bóng đen im lặng từ từ tiến lại. Đờ đờ ! Đờ ăn cắp ! A... ! Bà kêu lên khiếp đảm. Nhưng ngay lúc đó, bà biết mình nhầm. Không có ai khác ngoài bà. Bốn cây cột nhà lặng lẽ, vô tri vô giác được rọi qua ánh trăng xanh lét rõ mồn một.

Đó là đêm ! Còn ngày, bà lại nghiêm ngặt chừng chạc, bề thế. Đố thiên hạ bắt gặp bà có ánh mắt lảng lơ, đa tình hay có một câu đùa sàm sỡ. Trừ một lần. Tất nhiên là không ai biết. Đêm trăng vàng vạc ! Ôi những đêm trăng chết tiệt bao giờ cũng gợi tình, hướng người ta, bao che và dụ dỗ người ta vào chuyện nhỏ nhãng. Thoạt đầu tiếng sáo trúc thoang thoảng. Thật chỉ nghe không rõ, tiếng sáo lại chìm đi. Hình như theo gió, tiếng sáo lại hiện lên hết sức vu vơ. Bà thừa biết tiếng sáo ấy của ai ! Lão Hoàn thọt dẩu. Một gã tay vo miệng lồm, dở nhà để ỉn. Nhưng người lão đậm chắc như được làm bằng lim bằng sến. Có lần nào đó, bà Thuận đã trông thấy hai chân lão đen dài, chắc nịch, đánh đều đều trên đường. Đúng như vậy, có một lần ! Lão Hoàn ở một mình, không có vợ, nhưng đã ăn nằm với khối đứ con gái dễ dãi dĩ thoã trong làng. Cũng là một thằng mất dạy ! Tiếng sáo lại hiện lên hết sức vu vơ. Mặt lão Hoàn thì xấu, đầu óc lại đàn độn. Nghe đâu đi lính, tập bắn súng mãi không thuộc, phải loại về. Đúng là thứ đầu óc ngu si tứ chi phát triển. Cái khoản kia hẳn vung vãi cho khắp thiên hạ. Gió chợt đưa tiếng sáo dội lên vu vơ nhưng da diết một cách kỳ lạ. Thậm chí có thể tưởng, tiếng sáo được thổi ngay ở đầu ngõ. Ngọn cau chợt rung đành dạch. Trăng vẫn xanh lét. Bà Thuận nhồm dậy. Bà đi ra ngõ. Tất nhiên vẫn đàng hoàng, chừng chạc. Có lẽ phải nhờ cái lão này sửa lại cho góc nhà bị dột ! Nhưng sao lại đi đêm hôm ? Ban ngày gặp hẳn làm sao được ? Bà Thuận vững dạ hơn khi tìm được cái lý để đàng hoàng.

Bà đã đi vào sân nhà lão. Mạnh dạn và dứt khoát, bà đến để có việc thuê lão Hoàn. Bà đã thấy lão. Cái khối đen chắc nằm dài ở chiếu. Bà đã chạm phải cái mũi đàn ông, quen thuộc, nhưng hơi gắt, đậm của lão. Có gì không chị ? Tôi nhờ anh sửa cái mái nhà bị dột. Lão Hoàn cười, hàm răng trắng nõn, đàn độn. Mùi đàn ông trong cơ thể sến lim của lão Hoàn lại bốc lên. Một phút bối rối. Nhưng bản lĩnh và đức hạnh của bà Thuận chợt lên tiếng. Thoả thuận xong với lão, bà Thuận bước từng bước dứt khoát ra ngõ. Đi như trôi về nhà, tiếng sáo của lão Hoàn lại vu vơ vu vơ đến phát điên lên được. Sao đàn ông mùi mồ hôi lại giống nhau thế ? Từng có lúc bà úp mặt vào ngực ông Lý. Cái mùi nồng nồng quen quen thấm sâu vào bà, có lúc khó chịu, nhưng bây giờ, bà đang nhớ, thậm chí đang khổ sở vì nó.

Sáng hôm sau, lão Hoàn đến. Bà Thuận vẻ mặt lạnh tanh kẻ cả. Bà mở cửa cho gã đàn ông vào nhà. Bà đang cố chống lại chính mình. Nhưng cái mùi ấy — mùi con đực chính cống lại phảng phất ngay sát bên cạnh. Trái tim bà như bị lục đục, được khởi động. Thân thể bà nóng dần lên. Bà cầm lấy tay lão tự nhiên đến vô ý thức. Chỗ này này. Rồi bà kéo gã vào sâu nửa gian trong. Nơi tối tăm và sự mùi ẩm mốc, mùi gỗ mục. Vai bà chạm phải lão. Sự đụng chạm ít ỏi ấy khiến bà thổ dốc ! Cái mùi đàn ông đậm một cách gay gắt. Vú bà chợt quệt vào cùi tay lão Hoàn. Cái cùi tay rắn như sắt ấy tạo một sự dễ chịu. Bà muốn buông thả theo dòng nước. Tạo hoá vẫn không tha, vẫn dụ dỗ vờn bà, giểu cột và hành hạ con người. Tim bà đập mạnh. Hơi thở ngộp trong lồng ngực. Hình như lão Hoàn ngửi thấy cái mùi ấy. Mùi con mồi chín nẫu. Lão quay lại cười nhăn nhó : cho rờ cái ! Lão nói rồi cầm ngay lấy tay bà Thuận. Lập tức bà Thuận tỉnh như sáo : Ấy chết... đừng có vớ vẩn.

Chính đêm đó, không tìm được, bà Thuận ôm gốc cột khóc lóc vật vờ. Chính nó tiễn đưa bà êm đẹp không tai tiếng gì qua tuổi tái xuân rực rỡ, cháy đỏ.

Thêm hai tuổi, bà Thuận chợt thấy nực cười ! Bà đã qua hẳn dòng sông đục tình cuồn cuộn tạo hoá bày đặt để đùa dờn với con người. Kể từ đó, bà thấy thanh thản, nhẹ nhõm. Bà tự hào về mình. Trong vùng người ta đua nhau ngợi khen bà trong sạch thủ tiết với

chồng. Bà mỉm cười thừa nhận sự danh giá đó. Bà vẫn giữ phong độ ung dung thư thái.

Và lúc này, bà đang kén vợ cho thằng Tuấn.

NGHỈ hè, Tuấn đang đội ào ào nước lên đầu. Mẹ dùng đỉnh bảo :

— Tối nay, con có việc đi với mẹ đấy — Không nói nhiều và không phải bàn. Bà ra lệnh để Tuấn biết thu xếp. Anh chàng sinh viên đẹp trai ấy ngó ra.

— Đi đâu hả mẹ ?

Dùng đỉnh nhưng vẫn tươi tắn, bà mẹ nhắc lại :

— Đi có việc.

Bỏ mẹ ! Tuấn thầm chột dạ. Tối nay anh đã có hẹn. Nói dối mẹ chẳng ? Không được ! Có trời cũng không lừa bà được. Rồi anh tự thu xếp : đầu tối đi với mẹ. Sau một lát ở đó, anh sẽ đến gặp người bạn tình của mình. Người bạn tình anh vừa biết tên. Số phận đã dun dủi cô đến với anh. Tuy mới gặp nhưng hai cái nhìn đã nóng bỏng như có lửa. Cô thốn thốn nhưng đầy sự e ngại. Đấy mới là cuộc gặp chủ yếu của đợt nghỉ hè này. Niềm vui, sự hy vọng của anh. Còn mẹ, hẳn lại dắt đến một con bé nào đó ! Chiều bà thôi, ta sẽ thu xếp sau.

Hôm qua, đang trên đường về nhà, tự nhiên nghe tiếng đánh đoàng một cái. Quay lại Tuấn đã gặp cô thiếu nữ ấy cúi xuống bên lốp xe bị nổ. Anh sững sốt : quê anh sao lại có người hoàn hảo như vậy ! Gương mặt trái xoan, mái tóc mềm bay loã xoã. Vẻ đẹp trẻ trung và hoàn hảo. Một thoáng lưỡng lự, Tuấn xuống xe để giúp đỡ cô bé. Cái nhìn đầu tiên khiến Tuấn không thể nào bình thường được. Có thể ví cái nhìn mạnh như một tia chớp, gây sự bùng nổ khác thường trong anh. Cái nhìn ấy sáng loé lên, e lệ, có chứa cả thiện ý lẫn sự rụt rè bối rối. Sau đó Tuấn đã vận động cô gái ngồi lên sau xe. Anh đã làm công việc công kênh, phức tạp chưa ai dám. Vừa dắt xe, vừa đi xe, vừa lai cô gái. Hai người đã “ chết ” vì nhau từ phút đầu tiên. Tình yêu của tuổi trẻ là như vậy. Nó bốc cháy tự nhiên và được thừa nhận từ phút đầu. Tên em là gì ? Tuấn hỏi cô gái. Thanh ! Cũng rụt rè, nhỏ nhẹ, cô bé đáp. Hình như cô vẫn giữ lại một sự phòng thủ hồ hững. Em ở làng nào ? Làng Xuân. Cô

gái đã nói dối Tuấn. Khi đưa tới làng Đông, thấy cô dắt xe vào ngõ có cây gạo, Tuấn mới mỉm cười nhận ra sự nói dối của cô gái. Tuy thế, cô vẫn lặng lẽ gật đầu, hai mắt long lanh đồng ý cho anh chàng tới chơi. Suốt một ngày đêm, Tuấn hồi hộp chờ cuộc gặp lại với Thanh.

Bà Thuận cũng đưa Tuấn xuống làng Đông. Khi bà rẽ vào ngõ có cây gạo anh đã chột dạ. Không có lẽ cô Loan mẹ giới thiệu lại cùng nhà với Thanh ? Trớ trêu thay, tạo hoá lại một lần nữa tạo nên sự trùng hợp ngẫu nhiên đến lạ lùng. Khi bà mẹ trong nhà gọi Loan bê nước cho khách thì tim Tuấn như ngừng đập. Cô gái sẽ xuất hiện trước hai mẹ con là ai đây ? Loan hay Thanh ? Rồi cô gái từ từ đi ra. Chính là Loan. Bối rối, nhưng sung sướng chan chứa trong ánh nhìn, cô bé lướt mắt qua Tuấn. Lễ phép chào mẹ, chào anh, khoảng một phút gì đó, lui vào nhà. Thì ra Loan nói dối Tuấn. Tên cô không phải là Thanh.

Sau này khi thuộc về nhau Loan nói : em yêu anh ngay từ lần gặp đầu tiên. Tuấn đáp : anh cũng thế. Họ vùi người vào nhau. Tuấn tận hưởng sự thơm tho tuyệt vời của trái đời dành riêng cho anh. Hôn lên mặt, lên mắt, lên tóc, vào gáy, vào ngực. Tuấn vẫn thấy khao khát, chưa thoả. Anh ôm riết lấy Loan vào lòng. Hình như anh cảm thấy sẽ có một lực lượng nào đó sẽ cướp mất Loan của anh. Vì thế, phần nhiều thời gian anh dành cho Loan. Anh còn có ý tranh thủ, gấp gáp tận hưởng sự ngọt ngào có được từ Loan.

Mặc Tuấn vùi vĩnh đời được thoả mãn cái việc ấy. Loan cốc vào đầu giễu cợt, cảnh cáo. Anh vẫn như con thú say máu đến ngơ ngác. Lần đầu tiên bà Thuận cáu với Tuấn :

— Con phải sống cho điều hoà đứng đắn. Đạo này mẹ thấy con có vẻ buông thả !

Bà Thuận gay gắt cảnh cáo Tuấn. Yêu con, bà lo cho nó, thật sự. Thân thể thằng bé hao đi đến một nửa. Bà xót xa chăm sóc Tuấn. Có đêm bà còn lặng lẽ ngồi bên đứa con trai, dùng khăn thấm từng giọt mồ hôi cho nó. Chợt bà nhận ra một điều : sự hấp dẫn chết người của con Loan làm hao kiệt Tuấn chứ ai ? Mặc cho việc chuẩn bị đám cưới vẫn tiến hành, trong sâu xa, bà Thuận chợt thấy

một con Loan như mụ phù thủy vậy. Chính nó, cái con bé bà đã lựa chọn ấy, hãm hại thằng Tuấn chứ ai !

ĐÀM cưới khá to.

Người giúp việc cuối cùng ra khỏi nhà trả lại sự ắng lặng vốn có. Tuấn rửa mặt mũi, chân tay sắp sửa đi ngủ. Bên trong cánh cửa buồng kia Loan đang chờ anh. Giới hạn cuối cùng bao nhiêu lần định phá mà không phá được đang chờ anh. Sự nguyên vẹn trinh trắng của người vợ yêu quý đang chờ đợi. Giây phút đẹp nhất trong đời một con người đang đến từ từ trong đêm nay. Loan sẽ không cốc vào đầu, hoặc không cưỡng được nữa. Hai người chỉ chờ đợi đến nín thở giây phút này thôi.

Phơi khăn mặt, giục mẹ đi ngủ, Tuấn vừa bước vào hướng cửa buồng thì có tiếng gọi :

— Tuấn.

— Dạ.

— Lại đây.

Tiếng gọi nghiêm trang dứt khoát của bà mẹ khiến Tuấn như sực tỉnh.

— Có gì à mẹ.

— Có.

Mẹ anh vẫn ung dung, thư thái ngồi trên sập gụ. Bà chưa có ý gì đi ngủ. Tư thế của bà chuẩn bị cho cuộc nói chuyện dài. Tuấn tỏ vẻ sốt ruột.

— Ngồi xuống đây.

Mẹ anh nói bình tĩnh, đầy quyền uy. Bà vừa nhai trầu, vừa ngẫm nghĩ. Vẻ mặt của bà sâu xa ; nghiêm khắc, âm thầm và rõ ràng không nhiều niềm vui như ngày trước. Anh vội, còn bà thì thông thả, dĩnh đạc.

— Có gì không hở mẹ ?

— Có.

Bà vẫn không thèm nói ngay. Đó cũng là cung cách giao tiếp của bà. Không bao giờ vội. Bà để cho người được giao tiếp phải chờ đợi, mệt mỏi, thậm chí bần cẩu. Bà không thèm quan tâm. Cuối cùng bà Thuận lên tiếng :

— Mẹ có chuyện với anh thế này. Hạnh phúc là về lâu về dài. Mẹ muốn anh phải giữ gìn, đừng có dốc, đừng có cố quá. Các cụ dạy đa dâm thì hại thân ! Con phải coi chừng ! Yêu ai cũng vậy, phải có liều, có độ. Phải biết chăm đến mình. Có còn cái thân mình thì mới còn sự sống, còn vui còn buồn, còn mẹ còn

con. Mẹ khuyên con chỉ một lần thôi đấy. Quá đi là không có được.

– Vâng ạ.

Tuấn trở vào buồng. Bà Thuận nhìn theo, ánh mắt long lanh là lạ. Một lát sau, bà tắt đèn đi nằm. Nhưng bà đâu có chợp mắt được. Hình như bà bắt đầu mất thăng Tuấn. Bà đã truyền nó qua tay con Loan. Đứa con gái hoàn hảo bà đã tìm kiếm, lựa chọn, ngắm nghía và xem xét kỹ như ông nông dân tính toán trước khi mua một con giống. Vậy mà chính nó lại gây nên sự mất mát này. Bất chợt, như có những ngọn gió lạnh réo xiết trong lòng bà đến buốt nhói. Đi đâu về là nó nhào xuống làng Đông. Bà không còn được vuốt má, vuốt đầu con. Và thằng Tuấn cũng không có bụng dạ nào nhổ tóc sâu cho mẹ. Nó cũng không còn thì giờ để nói chuyện hoặc nhìn thẳng vào mắt mẹ âu yếm, tươi cười lấy một lần. Bà Thuận càng nghĩ càng ngắm ngẫm bức bối. Lại còn con bé kia nữa. Nó lễ phép với mình, nó vâng vâng dạ dạ cho qua chuyện rồi vội vã cuốn xéo đi với nhau.

Vẫn không ngủ được. Trái lại hai mắt của bà mở trừng trừng. Nó cứ sáng dần lên, rồi từ từ cháy đỏ như hai ngọn đèn quá điện. Màn đêm huyền diệu, bí

ẩn, hấp dẫn đồng nghĩa với sự sinh sôi và tang tóc, êm dịu và ma quái. Trong cái mịt mùng tứ bề ấy hai mắt bà Thuận cháy rực lên. Nội lực nào khiến mắt bà sáng hết cỡ. Chợt bức tường chắn cản buồng đôi vợ chồng trẻ trở nên mỏng tang như được thưng bằng vải màn mỏng. Bà Thuận nhìn thấy tất cả, rõ mồn một. Những hình ảnh đang diễn ra trong cửa buồng kia hiện lên không thiếu một cử chỉ, động tác. Chúng xoắn lấy nhau, chúng vật lộn, cấu xé. Những âm thanh không kém phần kịch động. Tiếng vật mình, tiếng hỗn hển. Tiếng quật chân thành thịch. Tiếng thở dài khác thường. Bà Thuận thấy rõ thằng Tuấn (da thịt của bà, hòn máu của bà, hình ảnh còn lại của ông Lý) đang phốt bà đi. Nó đâu có thèm lưu ý đến sự chỉ bảo của mẹ. Láo thật. Hết lần này đến lần khác, thằng bé đang dốc kiệt sức mình cho con bé. Sự tham lam của con Loan là không thể chấp nhận được. Không những thế, nó còn giang vòng tay chờ đón, nồng nhiệt. Bà Thuận thấy rõ như vậy. Ôi, cái lỗ thủng không đáy ấy sẽ giết chết con trai bà mất.

Hết đêm bà Thuận không nhắm mắt, và hết đêm, đôi trai gái đắm say trong những cuộc lộn lộn như vậy. Sáng ra, dường như cả ba người đều kiệt sức.

Tuấn và Loan vui vẻ, nhưng xơ xác sau đêm tân hôn. Thân thể họ vơi đi đến một nửa. Loan vốn thanh mảnh nhưng béo ngằm như vậy, mà đi đứng trở nên nhẹ bẫng, hẫng hụt. Tốc độ hao hụt của Tuấn còn rõ rệt hơn. Vẫn cao lớn, khôi ngô nhưng sự nây nây của bắp thịt cứ biến dần đi. Bà Thuận sút hơn tất cả. Béo đầy như vậy nhưng bà bây giờ nằm xẹp trên giường như một con bé. Một con bé về kích thước, nhưng lại có mái tóc điểm bạc, nét mặt nhăn nheo. Bà nằm lì không dậy. Do mệt một phần, nhưng do ý bà một phần. Để xem chúng nó có nhìn đến bà không. Để xem thằng Tuấn có tíu tíu như trước nữa không. Phép thử này sẽ giúp bà đánh giá rõ sự thật. Rồi thằng Tuấn có đến thật. Cả con Loan. Sờ trán, xuýt xoa an ủi sáo rỗng. Tếch một cái, chúng đã vào buồng hoặc xuống bếp, quẩn lấy nhau, vờ vập, cấu véo. Và chỉ cần bước qua cánh cửa kia, chúng đã tụt quần áo, loã lồ bên nhau, hú hí, thoải thuê. Mặc cho bà ngóng trông vô vọng, mòn mỏi xơ xác. Mặc cho cái thân cái kiếp bà một thời bú mớm nâng niu chồng nó yếu ốm, tan rữa trong cảnh cô đơn. Quân mất dạy. Chợt bà lại nghe những tiếng động khả nghi. Và bà lại thấy thằng Tuấn trong cảnh cố gắng đến tuyệt

hoàng phủ ngọc tường

dù năm dù tháng

Anh hái cành phù dung trắng
Cho em niềm vui cầm tay
Màu hoa như màu ánh nắng
Buổi chiều chợt tím không hay
Nhìn hoa băng khuâng anh nói :
– Mới thôi, mà đã một ngày

Ruộng cấy người trông cơn mưa
Ruộng gặt người trông cơn nắng
Chăm lo cánh đồng tình yêu
Anh đếm từng vầng trăng sáng
Thiết tha anh nói cùng trăng :
– Mới thôi, đã tròn một tháng



Mùa xuân lên đồi cỏ thơm
Mùa hạ nhìn trời mây khói
Thu tím chân cầu tím núi
Đông xa ngày trắng mưa dầm
Nhìn trời ngẩn ngơ anh nói :
– Mới thôi, mà đã một năm

Rồi sẽ một ngày trắng tóc
Nhưng lòng anh vẫn không nguôi
Thời gian sao mà xuân ngốc
– Mới thôi, đã một đời người

Dù năm dù tháng em ơi
Tim anh chỉ đập một đời
Nhưng trái tim mang vĩnh cửu
Trong từng hạt máu đỏ tươi.

vọng vất kiệt sức mình cho con bé đang chờ đón.

Đêm nào cũng vậy. Cả ba người đều thức chong chong. Bà Thuận càng trở nên gầy nhỏ, khẳng khiu. Tỷ lệ nghịch với sự hao hụt ấy, lòng đố kỵ của bà mẹ cứ tăng dần lên. Đôi mắt của bà đêm đêm vẫn cháy đỏ một cách ma quái. Và lạ thay nước da trắng nõn của bà, một tháng đã trở nên đen dùi, dễ sợ. Điều này hẳn các nhà y học sẽ hết sức kinh ngạc. Da trắng, liên quan đến bí mật các ẩn số về *gien* di truyền. Vậy mà sự bùng nổ tâm lý đã tác động mạnh đến cấu trúc vi mô trong các tế bào. Nó phủ định cái cũ, tạo nên cái mới. Việc bà Thuận trở nên gầy guộc, đen dùi là có thật. Càng về sau này, đôi mắt của bà càng trở nên ma quái. Nó không còn khả năng bộc lộ sự vui tươi, thiện ý. Đã đến tận cùng giới hạn của sức chịu đựng. Một hôm bà Thuận gọi phất thẳng Tuấn ra. Không dạy không bảo gì hết. Bà cấm ! Tuấn im lặng không nói gì. Thâm tâm anh không đồng ý với mẹ. Bà gọi Loan tới. Con bé nen nét sợ hãi. Bà mắng té tát. Mày đừng có mà giết thẳng Tuấn. Không nghe, bà tống cổ ra khỏi nhà. Loan khóc như mưa. Nhưng tạnh nước mắt, trong lòng con bé chợt nổi chông gai chĩa về phía bà mẹ. Một thế trận đã bày để chuẩn bị nghênh chiến. Tuấn là con bà, nhưng anh ấy là chồng tôi. Chả ai dễ gì lùi bước. Rồi bất chấp, chúng lại yêu nhau như điên như dại. Dường như trong thái độ của Loan có cái gì đó giống như sự thách thức. Cô công khai thúc đẩy tình yêu. Trước mặt bà Thuận, cô ép vào anh, nhặt sợi tóc rơi trên trán. Con người thù địch có sẵn trong mỗi nàng dâu ở Loan bắt đầu hiện diện. Nó đang chờ đợi và sẵn sàng đối mặt với bà Thuận. Hơn thế, cô còn có ý quyết đánh bại người mẹ trong cuộc giành giật sở hữu này.

Đêm đêm, các cuộc loã lồ, cô chẳng cần giữ gìn ý tứ nữa. Cô còn để mặc cho âm thanh phát ra một cách tự do. Tận cùng sự chịu đựng, bà Thuận đập mạnh xuống giường.

- Thăng Tuấn, mày ra đây.
- Anh không phải đi đâu hết.
- Có ra không ?
- Không !

Sầm. Cánh cửa buồng bật gẫy tung. Tuấn luống cuống quỳ xuống chân mẹ. Loan đứng dậy trong tư thế hoàn toàn

trần truồng. Cô kiêu hãnh, ngang nhiên bước xuống từng bước bên Tuấn. Cô ôm lấy vai anh giục đứng dậy. Cô còn có ý xác định sở hữu một cách công khai, nguy hiểm. Ung dung, tự tại nhưng lòng cô đang có những sục sạo, tổn thất ghê gớm. Sau cái vẻ thật tự nhiên đằng hoàng kia là một thái độ cứng rắn, quyết liệt, sẵn sàng giằng xé và chấp nhận cả cái chết.

- Cút ! Đồ dĩ — Bà Thuận nghiêng rặng hét lên — Mày giết con tao. Mày hãm hại nó.

Loan càng dụ dằng vuốt ve Tuấn. Chồng cô khóc rưng rức. “ Mẹ ơi ! Con lay mẹ ” . “ Cút ngay ! ” . Soạt. Bà Thuận rút con dao. Cuộc đấu đã lên đến tột đỉnh.

Muôn đời như vậy. Mẹ chồng và nàng dâu, cuộc đua dai của tạo hoá, cuộc đấu vĩ đại. Lúc vờ vịt, giả dối, lúc bùng nổ như bom, như đạn bắn. Cuộc giành giật ấy muôn năm không có thắng và không có bại. May thay, hoá ra Tuấn lại tỉnh táo hơn cả. Anh cướp tay Loan kéo chạy. Dùng dằng, Loan muốn chết ngay tại cửa buồng của vợ chồng mình. Nhưng Tuấn khoẻ hơn đã kéo cô ào ra giữa đồng. Thiên nhiên mát mẻ, rộng lượng, thiện ý, cứu mang họ.

Hôm sau, và hôm sau nữa, Tuấn về để điều đình với mẹ. Nghe lời chồng, Loan đồng ý chấp nhận về xin lỗi bà Thuận. Nhưng không xong. Niềm tự ái của bà Thuận vẫn đang ở vị trí tột đỉnh. Hoặc mình Tuấn về, hoặc xéo cả.

Khôn ngoan, Tuấn kéo cả Loan về sụp lạy dưới chân bà. Không nhúc nhích. ý muốn của bà mẹ đã rắn lại như đá.

Hàng xóm cũng mặc. Ông nào, bà nào, cũng chỉ như nước đổ lá khoai. Mẹ Tuấn vẫn ngồi im phăng phắc. Mắt bà như nhìn vào chỗ không người. Bà không thèm biết tới sự có mặt của Loan. Bà có một điều kiện và chỉ cần nói một lần : hoặc Tuấn về, hoặc xéo tất cả.

Tuấn cảm giác rõ sự hết lời của mình. Giới hạn cuối cùng của cuộc xin xỏ đã hết. Chợt anh mỉm cười mềm yếu và dễ dãi. Anh không thể chặt ba xác Loan ra được. Anh bỗng thấy lạnh run người. Anh im lặng đứng dậy, nước mắt cũng thôi chảy. Anh đi ra ngõ, anh vừa thấy loáng thoáng ý nghĩ. Thôi mẹ muốn thế cũng được. Anh sẽ ra đi vậy. Để cho các người ở lại giành giật, cắn xé lẫn nhau. Một khi đến yêu mà vẫn không biết yêu thì tồn tại sao nổi. Chính lúc đó, trong anh diễn ra cuộc biến đổi dữ dội. Anh cảm thấy cô đơn lạnh vắng, như đang lững thững bước trên miền đất nào đó rất xa lạ. Ở đó cái gì cũng chập chờn, mênh mông, nhấp nhô như gò như đống. Chân trời xa lúc ấy có màu hoàng hôn. Cái gì anh thấy cũng hư hư thực thực, xa vời. Loan gọi, nhưng anh không tỉnh. Vẫn câm lặng, ngơ ngác. Giữa đêm, anh tỉnh dậy và đi đâu mất tăm.

Hôm đó, tôi có việc leo lên hòn núi Để cao ngất. Từ trên cao, tôi chợt thấy nhà cửa, đất đai và cả con người mới nhỏ bé làm sao. Giống như những con kiến — Họ đi lại, vui chơi, cày ruộng, cấy lúa, yêu nhau rồi ghét bỏ nhau. Ấn tượng đó bây giờ tôi vẫn không quên.

PHẠM HOA

Về cuộc thi truyện ngắn của báo Văn Nghệ

Truyện ngắn này là một trong 9 sáng tác được giải ba *Cuộc thi truyện ngắn báo Văn Nghệ* năm 1991. Cũng trong cuộc thi này, truyện ngắn *Vũ điệu của cái bô* của Nguyễn Quang Thân (*Diễn Đàn* số 6) đã được giải nhì, cùng với *Nhân sư* của Hoà Vang mà chúng tôi sẽ giới thiệu trong một số sau.

Cũng như giải thưởng của Hội nhà văn dành cho các tác phẩm xuất bản năm 1990, cuộc thi truyện ngắn của báo Văn Nghệ chúng tôi, mặc dầu bị uốn nắn về tổ chức, xiết chặt về tư tưởng, kèm kẹp về chính trị, xu hướng đổi mới trong văn học vẫn tiếp tục phát triển. 1626 tác phẩm của 1334 tác giả đã tham gia cuộc thi. Hơn một trăm truyện được đăng trên báo *Văn Nghệ*. 12 truyện được giải nói chung rất khá, trừ...truyện được giải nhất (*Kẻ sát nhân lương thiện* của Lại Văn Long) — nếu có dịp và nếu thấy đáng, chúng tôi sẽ nói về truyện này.

Chính sách xiết chặt về tư tưởng, tuy không ngăn chặn được sáng tác văn học, cũng đã đạt kết quả về mặt tổ chức : kỳ sau, chúng tôi sẽ thông tin về cuộc họp của Ban chấp hành Hội nhà văn bàn về việc “ xoá tên hội viên của chị Dương Thu Hương ”, về vụ Trần Huy Quang, Xuân Sách...